

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập bát niên)
Tòa Thánh Tây Ninh
Tập San

THẾ ĐẠO



The Three Venerable Saints of Cao Đài

- 1*- “ Thư chúc Xuân của BTDHN ”
- 2*- “ Những bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ”
nhân dịp Xuân đến.
- 3*- “ Tân mạn chuyện Mèo ” (Lê Tấn Tài)
- 4*- “ Mùa Xuân trong thơ Yosa Buson ” (Lê Minh Uyên)
- 5*- “ Mùa Xuân trong thơ Haiku ” (Nhật Chiêu)
- 6*- “ Phong vị Tết cổ truyền ” (Người Năm Cũ - ĐKN)
- 7*- “ Học về chữ Tâm trong TNHT ” (Song Nguyên)
- 8*- “ Tụng Kinh ” (HT Lê Văn Thâm)

Tập Mới
Số 90
1-2023



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S.

TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116

(408) 923-8272

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm

Ngày Thứ Tư & Chủ Nhật

(Cant. Alexian brothers Hospital gần Alum Rock Ave. và Mc Kee Rd. có thể đến bằng đường Alexian Drive vì mặt tiền phòng mạch trong tư đường này. Tên đường xe Bus 70, 74 và 81)



Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.

Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.

Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại

Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.

Được giải thưởng về "Need, character and scholarship"

Nguyễn là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chú Quân

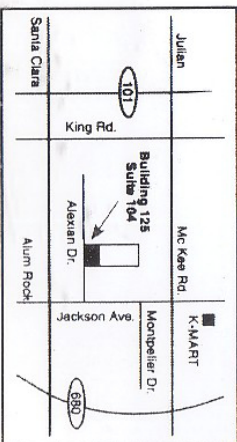
Với sự cộng tác của bác sĩ nha khoa SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, Khang Trang, rộng rãi.

Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền lâu.

Các bác sĩ luôn luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.

Có thể đậu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe bên của Khu Jackson Medical Center.



Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine
Issue # 90
January-March 2023



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
PO. Box 21577
San Jose, CA 95151

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương và phát hành mỗi 3 tháng 1 số phổ biến đến quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và Thân hữu qua đường Bưu Điện và số đầu tiên (số 1) phát hành vào tháng 9 năm 1998 và đến ngày hôm nay đã được 90 số.

Tập San Thế Đạo là tiếng nói của Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

Tập San Thế Đạo rất mong được sự yểm trợ tinh thần và vật chất cũng như sự cộng tác, góp ý của quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và thân hữu trên mọi phương diện về giáo lý, thi họa, văn hóa xã hội . . . nhằm mục đích phát triển Ban Thế Đạo Hải Ngoại ngày càng rộng rãi, tốt đẹp và mạnh mẽ hơn.

Trong mọi vấn đề, xin quý vị vui lòng liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

tnndk4@gmail.com

hoặc: duyvan2011@gmail.com



BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chúc Mừng Năm Mới Quý Mão



THƯ CHỮC XUÂN
Năm Quý Mão 2023
Của Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

- Kính bạch Hội Thánh,
- Kính thưa Quý Chức sắc, chức việc lãnh đạo các cơ sở Đạo tại hải ngoại
- Kính thưa Quý Mạnh Thường Quân và các Cơ sở Thương Mại
- Kính thưa Quý đồng Đạo nam nữ & Thân Hữu

Năm Nhâm Dần hầu mãn, Xuân Quý Mão bước sang, thời gian cứ lặng lẽ trôi qua theo chu kỳ năm tháng. Mọi sự vật đều từng theo định luật đổi thay, đào thải cái xấu và phát huy điều hay tột điểm cho đời ngày càng tận thiện tận mỹ.

Trong vài năm vừa qua, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã trải qua nhiều thăng trầm thử thách: nào bị phân hóa nội bộ, nào bị vụ khống đủ điều... Dù vậy với tinh thần kiên định lập trường, phục vụ Đạo, BTĐHN vẫn duy trì được sự ổn định, vượt qua được những trở ngại và đã hoạt động theo lời dạy của Hội Thánh trong Quy Điều & Nội Luật Ban Thế Đạo là “giúp Đạo trợ Đời” theo khả năng khiêm nhường của mình. Đại khái như Chương trình Giáo Lý Đại Học Cao Đài trên mạng (ĐHCĐO), Tập San Thế Đạo và Bản Tin Thế Đạo, in ấn kinh sách, phổ biến rộng rãi các công trình xây dựng và tin tức sinh

hoạt các cơ sở Đạo ở Hải Ngoại theo yêu cầu các cơ sở này . . .

-*Phổ truyền Giáo lý trên Internet:

Ban Thế Đạo Hải ngoại có hai trang Web: www.banthedao.net và www.banthedaothaingoi.org, chỉ phổ biến kinh sách chọn truyền do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây ninh mà thôi, bao gồm Thánh ngôn, kinh, cơ, luật, luận...và các Thánh lệnh, Đạo Nghị Định, Thuyết Đạo...có từ trước năm 1975.

Đại Học Cao Đài Online (ĐHCĐO) nằm trong trang Web: www.banthedaothaingoi.org” là phương tiện hướng dẫn giáo lý mới online (tuy đã phổ thông trong ngành giáo dục), từ căn bản đến nâng cao nhằm giúp cho những tín đồ và những ai muốn tìm hiểu về tôn giáo Cao Đài mà không biết phải khởi đầu từ đâu và nhân đó có thể tự nghiên cứu thêm về tôn giáo Cao Đài, con đường trở về nguồn cội của chính mình. Hay nói khác đi, người tìm Đạo có thể hiểu sự liên quan giữa con người với Trời Đất với tâm hồn rộng mở hướng về Đấng Cha chung nhân loại.

-*Chương trình Cầu hiền giúp Đạo:

Trong việc “Cầu Hiền giúp Đạo” nhằm duy trì thể hệ kế thừa thực hiện chủ trương của Hội Thánh trước đây, chủ trương của Ban Thế Đạo Hải Ngoại là vẫn theo chủ trương của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh trước năm 1975:

” Đây là một phương sách ở rộng của Trời Bi tiếp rước nhân tài có thiện tâm giúp Hội Thánh điếm tô Đại Nghiệp

Đạo và cũng là phương tiện điều độ Nguyên nhân nhập trường công quả”¹.

Điều kiện thu nhận như Hội Thánh trước đây, nhưng phân học vị có nâng cao hơn do theo đà tiến hóa của nhân loại (mọi chi tiết xin xem Thông Báo số 16 nơi Mục Thông Báo trang Web Ban Thế Đạo Hải Ngoại www.banthedaohaingoi.org,

Kính thưa quý liệt vị,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã thực hiện được các công trình nêu trên, chính là nhờ sự phò trợ của các Đấng Thiêng liêng và sự ủng hộ tinh thần lẫn vật chất của quý liệt vị. Chúng tôi thành thật biết ơn tinh thần trợ giúp quý hóa này.

Chúng tôi tự xét mình tài sơ đức thiếu, vẫn chưa thông lý hết nền giáo lý tổng hợp thâm sâu, ẩn tàng bí pháp của nền Cao Đài Đại Đạo. Do đó, chúng tôi tự nhận thấy hãy còn nhiều thiếu sót trong việc thi hành nhiệm vụ của mình, cho nên chúng tôi rất vui lòng và mong được đón nhận những sự góp ý xây dựng của quý liệt vị.

Sau cùng, trước thềm năm mới, Ban Thế Đạo Hải Ngoại thành tâm kính chúc quý liệt vị:

Một năm mới Quý Mão 2023

An Khang - Thịnh Vượng

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thành tâm Kính chúc.

1-Văn Thư số 114/QCQ của Ngài Bảo Thế, Qu. Chương Quản Hiệp Thiên Đài ngày 8-3 Ất Tỵ 1965

Ban Biên Tập: Chúng tôi hân hạnh đăng lại những Bài Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp sau đây để chúng ta cùng chiêm nghiệm, học hỏi những lời thương yêu, dạy dỗ của Đức Ngài đối với Chức Sắc và tín đồ nhân ngày Xuân đến

1*- Ngày Xuân là ngày phục sinh của Vạn Vật

Tại Đền Thánh, đêm mồng 2 tháng giêng năm Mậu Tý (dl. 11-02-1948)

Bản Đạo không thể đi cùng mỗi nhà của toàn cả Chức Sắc



Thiên Phong và mấy em Nam Nữ đang viếng thăm trong ba ngày xuân nhựt. Một mảnh thân muốn biến hóa ra cả muôn hình xác, nhưng không thể đặng. Vậy thời Bản Đạo cũng để một đôi lời cho mấy em, mấy con Nam Nữ, mấy anh mấy chị có mặt đánh lễ tại đây biết rằng: Buổi nào tinh thần của Bản Đạo cũng ở bên cạnh mỗi người cả thấy.

Một điều mà Bản Đạo mơ ước hơn hết là ngày giờ nào thông dong, Bản Đạo được vui thú thanh nhàn, nay đi nhà này ở một ngày, một bữa, mai đi nhà kia ở một đôi lát. Ngày nào đến cảnh an nhàn mà Bản Đạo được đạt vọng dường ấy, thì tưởng rằng không còn hạnh phúc nào hơn nữa. Bản Đạo tưởng mảnh thân này có phương thế đồng sống chung với mấy em trong cảnh gia đình ấm lạnh để cùng hiểu nhau những nỗi tâm khổ sầu buồn thì Bản Đạo rất hữu hạnh mà

được chia mảy mún cũng đặng, dầu cần hột muối hay ăn hột cơm rơi với mảy em, thì tướng trọn kiếp sống của Bàn Đạo không có cảnh vinh quang phú quý nào trên thế gian này đối đặng.

Cả thầy đến thăm Bàn Đạo, mà Bàn Đạo đi thăm lại không đặng, theo đạo pháp cho là thất lễ. Xin cả thầy nên biết cái cảnh ngộ và tha thứ dùm cho.

Ngày xuân nói đến tiếng xuân, miệng nói tiếng xuân là nói tiếng sống, vạn vật ngày xuân này là sống là ngày phục sinh. Qua mơ ước tâm hồn của cả thầy trong một năm già cõi, trong lúc xuân đến, cây cối nở lá nở bông, tốt tươi trở lại, tức nhiên là được phục sinh lại thì cả tâm hồn của chúng ta cũng phục sinh như thế.

Mấy em suy gẫm cái thân sanh của chúng ta là đồng sanh với vạn vật, mà vạn vật đã phục sinh thì thân hình của chúng sanh, của chúng ta, của cả thầy Nam, Nữ cũng đồng phục sinh lại. Tâm hồn của chúng ta trong một năm mờ mịt, khổ não, nhọc nhằn, trong cảnh tang thương trần thế, nay xuân về, mấy em đến nhà Đại Từ Phụ, tức là Suối Vĩnh Sanh của tâm hồn mấy em. Qua thành tâm cầu xin Đại Từ Phụ ban ơn cho mấy em được phục sinh trong Thánh chất của Người.

Chắc chắn cả thầy đều được hạnh phúc hiển nhiên, đương thời hay là trong cảnh xương tàn cốt rũ vì đã được hồng ân của Chí Tôn ban cho về già, tức là dưới thế này sẽ được an nhàn cả tâm thần và hình thể. Mong sao cả thầy được mau phục sinh mới trong Thánh chất của Chí Tôn đó vậy.

2*- Đức Hộ Pháp Huấn Từ sau bữa tiệc đầu Xuân

**Tại Hiệp Thiên Đài, 21 giờ đêm mùng 3 tháng giêng năm
Mậu Tý (dl. 2-02-1948)**

Năm mới, không có đặt diển văn chi. Hôm nay tôi dùng những tiếng thường để nói việc đời. Theo thể thường người ta nói: “*Thực nơn tài phải cứu nơn tai*” (Phàm ăn của người phải giúp cho người). Tuy vận tôi nghèo, nhưng tôi làm cái tiệc này rất đặc biệt, lại nữa tôi mời quý Ngài cũng đặc biệt, toàn là chư vị yếu nơn cầm quyền Chánh Trị Đạo, không ai là ở ngoài. Tôi không nói dối rằng nhà tôi đơn chiếc, vì nhà tôi là cả toàn cầu.

Quý Ngài hưởng lễ rồi, tôi xin nhờ quý Ngài một việc: Vì tôi có một ông Cha Thiêng Liêng là Thiên phụ, Ông cho tôi cái quyền bác ái là thương cả toàn cầu, và một ông Chúa là Thiên tử. Thiên phụ tôi thì giao chèo chiếc thuyền Bát Nhã, Thiên tử giao đầy xa thơ, từ Nam chí Bắc, từ Đông chí Tây. Anh em rất đông, nhưng người ngồi trên thì nhiều, còn kẻ đầy, chèo, thì ít. Năm rồi, các Ngài hảo tâm giúp sức cũng chèo, cũng đẩy năm nay cũng vậy, xin cũng giúp đẩy, giúp chèo cho đến nơi, đến chốn. Ấy là ơn trọng lắm vậy.

Xin quý Ngài giúp tôi cho trọn đạo.

3*- Lễ đưa Chư Thần , Thánh, Tiên, Phật triều Thiên

Đền Thánh, đêm 24 tháng chạp năm Đinh Hợi (1948)

Thôn môn mà ngày nay là ngày 23 tháng Chạp năm Đinh Hợi, đây tính lại từ ngày Bàn Đạo về nước đến nay được 17

tháng, được ăn hai cái Tết của quê hương sau 5 năm bị đồ lưu nơi hải ngoại.

Bần Đạo đã ngộ thấy toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn nam nữ cũng thế, từ nhỏ tới lớn, đã trụ cả đức tin, làm cho Thánh Thể của Đức Chí Tôn ngày càng thêm đẹp đẽ. Riêng về Bần Đạo để lời nói cùng toàn cả Chức Sắc Thiên Phong, Bần Đạo xin để lời cảm ơn các cơ quan đương nhiên trong nền Chánh Trị Đạo, đã giúp hay cho Đạo trong thời gian ngắn ngủi, đã phục hồi được cái khuôn khổ chơn truyền. Tưởng thật ra từ 17 tháng nay, Hội Thánh làm việc nhiều lắm, cả con cái của Chí Tôn hao biết bao nhiêu tâm não, thi hài, để tô điểm nền chơn giáo Chí Tôn thêm cao trọng, Bần Đạo xin cúi đầu để lời cảm ơn toàn cả con cái Đức Chí Tôn.

Luôn dịp Bần Đạo cầu chúc tân niên này, cả con cái của Chí Tôn nam nữ, Thánh Thể của Người được tráng kiện tinh thần và hình thể, hưởng được hạnh phúc đặc biệt của Chí Tôn chan rười và lướt qua hồi khảo đảo. truân chuyên, có lẽ buổi hạnh phúc an ninh của cả quốc dân chỉ sẽ đến trong chốc lát đây mà thôi, vì dân tộc Việt Nam phải còn truân chuyên nhiều nữa.

Bảy ngày nghỉ cúng, chúng ta thành tâm cầu nguyện Chí Tôn cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Bần Đạo quả quyết trong năm này, nếu như tinh thần Bần Đạo không lầm, thì nòi giống Việt Nam chúng ta sẽ được đặc ân là độc lập tự do cho tổ quốc, độc lập trên pháp lý quốc tế đó vậy. Nhưng muốn cho thực hiện được thực tế, có lẽ cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam còn dài.

Luôn dịp Bần Đạo giải nghĩa tại sao phong tục nhà Nam gọi theo Đạo Phật là đưa Ông Táo về Trời, chớ thật sự là đưa chư Thần, Thánh, Tiên, Phật về triều thiên, tinh thần từ

trước vẫn vậy.

Chon truyền buổi Đức Chí Tôn tạo Càn Khôn Thế Giới, Ngài nắm Thập Thiên Can, Thập Nhị Địa Chi trong tay, để định Pháp Chánh Càn khôn Vũ trụ. Trong thời buổi định Pháp Chánh ấn định vào khoảng từ ngày 23 đến 30 sáng mùng 1, họp tại Ngọc Hư Cung đăng định luật giới hạn vi diệu cho trái địa cầu, chạy theo khuôn khổ hữu định trong năm cho chí Tân niên là 12 giờ đêm 30, khởi điểm 1 giờ sáng ngày 1 tháng Giêng năm sau.

Luật Thiên Điều trị thế, trị nơi địa cầu này là hình luật thiêng liêng là ngày giờ này nơi Ngọc Hư Cung kiểm soát định tội phước đó vậy. Càn Khôn Vũ Trụ, đều có Đại Hội lập Luật, trong một năm giáp vòng bừu giới. Nếu trái địa cầu nào chưa được êm đềm, luật Thiên Điều thay đổi khác mỗi năm, chiếu theo tấn hóa và tâm lý của nhơn sanh. Nơi Ngọc Hư Cung định Pháp Chánh cũng như trong Càn Khôn Vũ Trụ là: 12 tháng một niên, 12 niên một giáp, 120 năm một thế kỷ (tất cả đều cho rằng 100 năm là một thế kỷ, như vậy không đúng), 1.200 năm là một giáp, 12.000 năm là một ngươn, 36.000 năm là một chuyển. Mỗi phen đảo đến sở hành ngày giờ ấy, có Hội Giác Tiên là thường tại, từ thử đến giờ chúng ta chưa nghe nói, vì 1.200 năm có một vị Giáo Chủ giảng thế chĩnh Đạo, bảo thủ tinh thần đạo đức của loài người.

Cứ độ 1.200 năm có xuất hiện một nền Tôn Giáo để hóa chuyển thay đời, tính lại địa cầu chúng ta từ buổi phôi thai, có vạn linh nơi mặt thế đến nay được ba chuyển. Nay qua Hạ Ngươn Tam Chuyển, khởi đầu Thượng Ngươn Tứ Chuyển chẳng khác gì đêm 30 sáng mùng 1 Tết của chúng ta vậy.

Tới mức giữa không gian thì nhơn loại tới hồi khổ não đủ

điều, người ta nói là tận thế, cái thuyết ấy không có đâu, nếu chúng ta dùng lời đặng nói chẳng qua là một giáp đó thôi, tức nhiên là một nền văn minh Tôn Giáo chớ không phải tận thế.

Kiếp số địa cầu này còn vĩnh cửu, chỉ thay đổi hình thể, vạn loại mà thôi, nó vẫn còn tăng tiến mãi. Chúng ta đã ngó thấy qua chừng một trăm năm trước, văn minh con người không đạt đến mức hiện tượng như bây giờ. Cơ bản bộ tinh thần vật chất dữ dội nhất là trong vòng 50 năm sau. Theo đó mà tính toàn lại coi, trong 500 năm nữa, nhơn loại sẽ ra sao?

Phật Giáo nói: Qua sắc dân da trắng, tinh thần vi chủ tới sắc dân Thần Thông Nhơn, qua khỏi dân Thần Thông, thì có sắc dân Chí Linh, lúc đó người là Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế. Như vậy còn hai sắc dân nữa cho 500 năm sau.

Mỗi sắc dân vi chủ một ngươn niên, kể hai sắc dân nữa chưa xuất hiện, ta cũng kể là 30.000 năm nữa đời sẽ thay đổi khác hơn. Nhơn vật và địa cầu cứ tăng tiến mãi, trên con đường tận thiện mỹ, vật xinh, người đẹp, vật bỏ ngu đến khôn, người khôn đến Chí Linh, đến ngày cùng chót toàn là Thần, Thánh, Tiên, Phật xuống ở cõi trần này. Lời Chí Tôn tiên tri và quyết định hẳn hoi:

“Chừng nào đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần”.

Ta lấy lớn suy nhỏ, lấy nhỏ so lớn, Càn khôn tấn triển thế nào? Bần Đạo ước mong Càn Khôn Vũ Trụ phát triển cách nào trong mỗi Ngươn niên Thánh Thế của Đức Chí Tôn tăng tiến theo luật định Thiên Điều, phải đi theo y khuôn luật của con đường Chí Tôn định, tấn triển tới trong năm khai Ngươn này vậy.

Bản Đạo ước mơ sự tăng tiến của Chí Tôn được gia bội, gấp đôi ba bây giờ mà chớ. Muốn đạt vọng ấy, Bản Đạo đề cử nhiệm nơi tâm lý của toàn cả con cái của Chí Tôn. Tưởng cả thầy đều mơ ước mà làm đặng chẳng là nhờ huyền năng vô tận của Đại Từ Phụ mà thoát đặng.

Chúng ta hãy cầu nguyện, để trọn tâm đức chắc chắn nơi Đức Chí Tôn thì Chí Tôn chẳng hề khi nào hẹp lượng. Chúng ta quyết định xin mà làm nên cho toàn cả con cái của Người, thì Người cho, chắc hẳn vậy.

Phụ ghi: Lịch Việt Nam. Ấn bản 1-3. Nguyễn Duy Thức biên soạn, Holly Ngô cập nhật dựa theo công thức của Fung F. Lee và Ricky Yeung. Hội Chuyên Gia Việt Nam 1995-1996: Ngày âl. 24-12-Đinh Hợi nhằm ngày (dl. 03-02-1948).

4*- Lễ Giao Thừa cuối năm Tân Mão đầu năm Nhâm Thìn

ĐềnThánh đêm 30 - 12 năm Tân Mão (1952)

Đêm nay là đêm giao thừa, cuối năm Tân Mão bước qua đầu năm Nhâm Thìn, Bản Đạo nhớ lại năm Bính Dần, Đức Chí Tôn đến mở Đạo, làm lễ khai Đạo nhằm ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần tới năm Đinh Mão, tức nhiên cũng giờ giao thừa này, Đức Cao Thượng Phẩm và Bản Đạo phò loan, Đức Chí Tôn đến kêu toàn thể con cái của Ngài nam nữ, lớn nhỏ, dặn rằng: Hễ Thầy đưa cái cơ lên, các con chun ngang qua đặng Thầy ban ơn cho ghé! Rồi Ngài xách Bản Đạo và Cao Thượng Phẩm đứng dậy ra giữa Thiên Bàn đưa cơ lên, cả con cái của Ngài đều chun ngang qua, Ngài đã làm một tấn tuồng cảm mến mà chỉ có cây cơ không mà thôi, tấn tuồng ấy làm Bản Đạo cảm xúc quá lẽ. Hễ mỗi người chun ngang

qua cái cơ làm như thể vuốt ve muôn trón vây.

Hạnh phúc thay! cho những người ngộ đạo đã được ân đặc biệt ấy. Tiếc thay lúc đó con cái của Ngài không đông nhiều như bây giờ. Bần Đạo tiếc chớ phải chi cả thầy toàn thể con cái của Ngài hôm nay được Ngài ban ơn như thế ấy, chỉ nghĩa với một phương pháp cụ thể hữu hình của Ngài, tỏ cái tình thương yêu vô tận.

Tuy vẫn biết và Bần Đạo dám quả quyết rằng: Giờ phút này Đại Từ Phụ đã chung ở với chúng ta. Ấy vậy toàn thể con cái của Ngài định tâm cầu nguyện đặng cho Ngài ban ơn (Toàn thể đều thành tâm cầu nguyện).

Một ông cha thương yêu vô tận hạnh phúc cho chúng ta đã sanh ra lại ngộ đạo. Đáng đã cầm quyền cả Càn Khôn Vũ Trụ nơi tay, làm Chúa cả cái sống cái chết của Càn Khôn Vũ Trụ đến chung ở chúng ta, cái hạnh phúc ấy, cái vinh diệu ấy còn chi hơn nữa. Bởi thế cho nên khi Ngài đến cầm cây linh bút đặng mở chơn truyền của Ngài, những kẻ phàm tâm kia lầy làm lạ lòng và không có thể tưởng tượng đặng, và không có thể tin đặng. Ôi! Một trường ngôn luận buổi nọ biết bao nhiêu kẻ chê bai, khinh rẽ là thế nào. Trong một bài thơ Ngài than như vậy:

“Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
Chẳng mất một con nghiệt cả bầy.
Biết phận già không chờ chóng gầy.
Nương theo con dại mới ra vầy.”

Thật vậy, Ngài quá thương con cái mới ra nông nổi đó, tưởng lòng thương yêu vô tận ấy không thể gì ta tưởng tượng đặng, không thể gì chúng ta biết đặng cái giá trị nồng nàn yêu ái vô biên vô tận ấy, chỉ “vì thương con dại mới ra vầy” câu

ấy nồng nàn thâm thúy đau đớn làm sao, câu nói đó là vì thương con dại của Ngài, mà toàn thể anh em chúng ta có hiểu cái tiếng dại ấy là thế nào không?

Bản Đạo xin nhắc lại lời nói của Đức Chúa Jêsus Christ đã nói hạnh phúc thay cho những kẻ khờ khạo, vì nó được quyền năng của ông Cha của Thiêng Liêng kia bình vực nó, hồi nó sống đây nó dại khờ, nhưng không phải cái dại ấy mà nó cô độc, bởi vì nó còn ông Cha oai quyền vô tận vô biên, Ông thay thế cái khôn cho nó.

Hạnh phúc thay cho những kẻ yếu hèn, những kẻ yếu hèn với những người sang cả, khi trở về cùng Cha của họ nơi nước Hằng Sống của Đức Chí Tôn đã dành để cho con cái đau khổ của Ngài, cái giá trị vẫn khác.

Khôn khờ thay những kẻ miệt sát kẻ yếu hèn, khôn khờ thay cho những kẻ áp bức, hiếp đáp những người cô thế, trẻ con, góa bụa, tật nguyền, bởi vì nó miệt sát nhục mạ con cái của Ngài tức là nhục mạ Đấng Tạo đốn, như vậy là còn tội tình nào lớn hơn điều ấy. Nếu quả nhiên sắp con của Ngài phải chịu hèn hạ khổ não, ngu khờ là tại Ngài muốn vậy, Ngài muốn dành để cái oai quyền bình vực của Ngài cho chúng nó.

Ấy vậy muốn tránh khỏi chỉ có một điều thôi, phải thương yêu con cái của Ngài được như Ngài vậy, nếu được cái tình thương yêu vô tận tại thế này, được cái tình thâm yêu ái vô biên ấy là một kiếp sanh hạnh phúc của chúng ta hơn hết. Cả thầy đều tịnh tâm cầu nguyện cho Bản Đạo ban phước lành (Đức Hộ Pháp ban phước lành).

Sang cả nơi mặt thế gian này, Bản Đạo nói ngày chúng ta

qui rồi với một cái hòm, với một khoảnh đất, với một cái lỗ mà thôi. Sang trọng vinh hiển mà làm gì? giàu có mà làm gì? Phải kiếm món quý báu hơn nữa là kiếm cái quyền Thiêng Liêng Hằng Sống của mình đấy.

Phụ ghi: Lịch Việt Nam. Ấn bản 1-3. Nguyễn Duy Thức biên soạn, Holly Ngô cập nhật dựa theo công thức của Fung F. Lee và Ricky Yeung. Hội Chuyên Gia Việt Nam 1995-1996: Ngày âl. 30-12-Tân Mão nhằm ngày (dl. 26-01-1952)

5*- Lễ Đầu Xuân

Thời Tý tại Đền Thánh đêm Mồng 1 tháng giêng năm Canh Dần (dl. 16-2-1950)

Đêm nay đã mãn một năm, khởi đầu qua năm mới, là năm Canh Dần, tưởng chúng ta có thể đoán trước rằng: Đức Chí Tôn đã dành để cho nước Việt Nam, một sắc dân của Ngài đã lựa chọn, để gởi cái Chơn Giáo của Ngài, tạo một cơ quan cứu khổ toàn thiên hạ.

Bản Đạo nhớ lại năm Bính Dần, cũng đêm nay, cũng giờ này Đức Chí Tôn giáng cơ; buổi ấy có Đức Cao Thượng Phẩm và Bản Đạo phò loan, Ngài kêu cả hai người đứng dậy, Ngài viết nói: Biểu toàn thể con cái nam, nữ của Ngài chun ngang qua cây cơ đặng Ngài ban ơn cho mỗi đứa, cây cơ chổng lên cả thấy đều chun qua. Sự làm của Ngài hồi năm Bính Dần thế nào, đêm nay cũng vậy. Hiện giờ trong óc não Bản Đạo quả quyết rằng: Mỗi năm giờ này đêm này Ngài hằng ở gần con cái của Ngài, và cũng đêm nay Ngài ban ơn riêng cho toàn thể con cái của Ngài, chúng ta nên tin đi, nên quả quyết đi.

Chúng ta có thể quả quyết rằng: Ngài đã nói với chúng ta 24

năm trước, Ngài phải làm thế nào cho Quốc Dân Việt Nam này được giải ách nô lệ mới xứng đáng làm thánh thể của Ngài. Chính sứ mạng thiêng liêng khó khăn ấy Ngài đã giao trọn trong tay của Bàn Đạo thiết hiện đặng điều ấy.

Ôi! Nếu hỏi tưởng lại hai mươi mấy năm trước giờ phút này Bàn Đạo tưởng tượng lại; tưởng Ngài biểu lên Thượng Thiên gỡ mặt nhật, mặt nguyệt đem xuống để nơi thế gian này cho thiên hạ thấy thì tưởng có thể đặng, còn giải ách nô lệ cho nước Việt Nam Bàn Đạo chưa chắc đã làm đặng hay chăng?

Giờ phút này Bàn Đạo ngó thấy Ngài giữ lời hứa và đã thực hiện đặng cho toàn cả con cái của Đức Chí Tôn, tưởng lại coi không có năm nào được vui như năm nay.

Bàn Đạo thú thật từ khi mới lọt lòng mẹ tới giờ và đã biết sống với đời cho tới ngày nay không có năm nào Bàn Đạo hưởng cái hạnh phúc vui sướng cho bằng năm nay, nó vui sướng làm sao đâu. Bàn Đạo rất thỏa dạ thi hành sứ mạng thiêng liêng của Đức Chí Tôn; ngọn cờ cứu thế do nơi của Đạo Cao Đài này, do tay của Đức Chí Tôn đến ban tinh thần để giải ách nô lệ cho nước Việt Nam và đòi cả sự độc lập thống nhất Hoàng Đồ lại cho họ. Mỗi phen Bàn Đạo đứng nơi Giảng Đài này nói điều ấy thì trước kia chưa có chi hết; ngày nay Bàn Đạo dám đảm đương bảo kê rằng sự độc lập và thống nhất của nước Việt Nam phải có, phải đặng và đến nay đã đặng.

Năm Canh Dần là năm Bàn Đạo 61 tuổi, đã chung sống nơi cõi tạm này, mới một lần đầu tiên Bàn Đạo hưởng được hạnh phúc vô đôi của Đức Chí Tôn đã ban cho đó vậy.

Bàn Đạo xin nhắc lại, xin làm chứng cho cả thầy con cái của

Đức Chí Tôn; nam cũng vậy, nữ cũng vậy, nếu toàn thể con cái của Ngài, một đôi triệu chơn linh mà có đức tin vững chắc như đức tin của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và Hộ Pháp Phạm Công Tắc, nếu cả thầy đều có đức tin vững vàng dường ấy, Bàn Đạo dám nói chắc rằng: Các người dời núi Bà xuống Châu Thành Saigon cũng được, có thể nói, nền Đạo Cao Đài này thiết hiện được như ngày nay là nhờ đức tin của Thượng Trung Nhựt.

Bàn Đạo nói, ngày nay sự độc lập và thống nhất nước Việt Nam đã thiết hiện, quả sự thật vậy, Bàn Đạo đứng giữa đây không thêm không bớt, sửa soạn đi đặng hưởng hạnh phúc vô đối của Đức Chí Tôn ban cho.

Ngày mừng năm tháng giêng năm Canh Dần đến đây toàn thể Quốc Dân Việt Nam sẽ hân hoan thế nào, nếu ai có biết vui sướng hân hạnh. Ấy là ngày giờ đơm trái trước mặt cho họ ngó thấy.

Bàn Đạo sẽ sắp đặt thế nào cho cuộc lễ biểu tình được long trọng để thúc tinh thần con cái của Đức Chí Tôn và toàn thể Quốc Dân được hưởng hạnh phúc mà họ đã chờ đợi trên 80 năm nay.

Phụ ghi: Lịch Việt Nam. Ấn bản 1-3. Nguyễn Duy Thức biên soạn, Holly Ngô cập nhật dựa theo công thức của Fung F. Lee và Ricky Yeung. Hội Chuyên Gia Việt Nam 1995-1996: Đêm 30 tháng chạp năm Kỷ Sửu rạng 1 tháng giêng Canh Dần nhằm ngày (dl. 16-02-1950).

(Nguồn: Tủ sách Đại Đạo Cao Đài)

TẢN MẠN CHUYỆN MÈO

Lê Tấn Tài



Con giáp thứ tư trong 12 con giáp, chỉ có Việt Nam là mèo trong khi ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn độ, Thái Lan... lại là thỏ. Mèo và Cọp cùng thuộc bộ ăn thịt, nhưng mèo nhỏ nhắn, dễ thương, hiền lành, nhanh nhẹn, leo trèo giỏi, mắt mèo rất tinh nhanh nhất là trong bóng tối, quẩn quít với con người. Mèo nhà có trên 30 dòng, có nhiều bộ lông khác nhau: mèo trắng (lông màu trắng), mèo mướp (lông màu xám có vằn đen nhạt), mèo nhị thể (lông hai màu thường là đen trắng hoặc vàng xám hay vàng trắng), mèo tam thể (lông ba màu thường là vàng, trắng, xám...),

mèo mun còn gọi là linh miêu (lông đen tuyền)... Ở Thái Lan có dòng mèo Xiêm rất nổi tiếng, được nuôi nhiều trên thế giới vì thông minh, dễ dạy, bắt chuột giỏi.

Mèo vốn thích sạch sẽ, thường thè lưỡi tiết nước bọt vào chân rồi xoa lên mặt và toàn thân để làm sạch chất dơ bám trên bộ râu, bộ lông. Khi đi tiêu, mèo đào lỗ chôn phân, đi tiểu cũng rất kín đáo. Mèo thích nằm chỗ cao ráo ấm áp. Tánh tình thì đạo mạo, ban ngày mắt cứ lim dim trầm mặc như nhà hiền triết. Vì thế hiện nay mèo được nuôi như là thú cưng chứ không hẳn là để bắt chuột và trở thành con vật quen thuộc của gia đình, nhất là bạn thân của trẻ con và các cô gái.

Mỗi quốc gia có quan niệm khác nhau về mèo. Người La Mã Hi Lạp xưa nuôi mèo để diệt các loài gặm nhấm. Người Ai Cập cổ rất quý mèo, họ tôn thờ vị nữ thần Bastet (hay Pasht) thân người đầu mèo, xem mèo là thần bảo hộ. Ở Trung Hoa mèo mang lại điềm lành. Ở Ấn mèo tượng trưng người khỏ hạnh. Ở Châu Phi mèo tượng trưng cho sự tài giỏi. Ở Bắc Mỹ mèo rất được quý trọng. Ở Đông Phương mèo được ái mộ vì có vẻ đẹp huyền bí. Tuy nhiên cả Đông và Tây phương, mèo còn bị xem là con vật ma quỷ, đem lại điềm xui xẻo. Thời Âu châu Trung Cổ, mèo là hiện thân của phù thủy hay ma quái. Ở Nhật mèo được ví với sự tàn ác của đàn bà. Ở Campuchia mèo là vật tế thần để cầu mưa. Đạo Phật xem mèo là con vật vô cảm. Đạo Hồi mèo được trọng vọng, trừ mèo đen vì có nhiều ma thuật. Ở Việt Nam nhiều người tin rằng nếu để linh miêu nhảy qua xác một người mới chết, người đó sẽ bật dậy, hóa thành quỷ nhập tràng, tiếng mèo gào vào đêm người ta cho rằng chúng là

quỷ dữ, báo hiệu điềm xui.

Mèo giống như cọp có biệt tài săn mồi, các động tác của mèo khi vồ con mồi, phóng cao, chạy nhanh, xoay chuyển linh hoạt, trở thành nguồn cảm hứng của võ thuật. Các hệ phái võ Việt Nam nghiên cứu và mô phỏng động tác của một số động vật để tạo thành các thế võ tuyệt chiêu như: võ hổ (hổ quyền), võ khỉ (hầu quyền), võ rắn (xà quyền), võ gà (kê quyền), tất nhiên không thể thiếu võ mèo (miêu quyền) như thế “Linh miêu mai phục, tấn thích ngư” (mèo mai phục rình mồi, tiến công thế đâm trâu), hoặc thế «Linh miêu tróc thử» (mèo vồ chuột)...

Trong văn hóa hiện đại, hình ảnh những chú mèo ngộ nghĩnh, dễ thương là nguồn cảm hứng vô tận cho tranh ảnh, hoạt hình, truyện tranh, như: Mèo đi hia, Mèo Kitty (con thú cưng của nhiều bạn trẻ), phim hoạt hình «Tom và Jerry» của Mỹ, coi mèo Tom là đàn độn to xác đáng ghét, còn chuột nhất Jerry lí lắc dễ thương, mèo Luna trong bộ tranh Nhật «Thủy thủ Mặt Trăng», và đặc biệt là hình tượng chú mèo robot Doraemon của Nhật Bản.

Mèo bình thường rất hiền lành, nằm dài ngủ yên, nhưng rất dữ dằn khi giơ móng vuốt chiến đấu với chó hay khi vồ chuột. Dáng đi của mèo uyển chuyển, nhẹ nhàng, mang vẻ đài các từ màu sắc, đến bộ lông óng mượt, nhưng khi giết con mồi thì cắn xé tàn bạo rõ nét kẻ võ biền, bởi thế người Việt cho mèo là hình tượng của sự vờ vĩnh giả dối, hiểm ác, rình rập gieo tai họa cho người khác, dân gian có bài đồng dao chửi xéo mèo:

*“Con mèo mà trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.*

*Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.”*

Mèo còn là hình tượng xấu, hàm ý không nghiêm túc, tử tế. Nhiều thành ngữ, ca dao, tục ngữ, chuyện kể, tranh... mô tả mèo với hàm ý không tốt. Chẳng hạn «*Chó treo mèo đậy*» vì cho mèo ưa ăn vụng sục sạo kiếm đồ ăn. «*Như mèo thấy mỡ*» chỉ người háo ăn. «*Mèo khen mèo dài đuôi*» chỉ người tự đề cao mình quá đáng. «*Mèo mù vớ cá rán*» chỉ người gặp may được điều gì đó ngoài khả năng của mình. «*Buộc cổ mèo, treo cổ chó*» chỉ người hà tiện, có tính bủn xỉn...

Mèo còn được dùng để chỉ người có nhân tình, bồ nhí: «*Anh ta có mèo*». Người theo tán tỉnh gái thì gọi là «*O mèo*». Người nào có máu dê thì gọi là: «*Anh ấy thích mèo chuột*». Người lăng nhăng sa đọa thì gọi là: «*Mèo mả gà đồng*». Chuyện tình lăng nhăng của nam nữ thì gọi là «*Mèo mả*». Các cụ xưa còn cho mèo lạ mà đến nhà thì mang đến xui xẻo «*Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang*». Phụ nữ ăn uống nhỏ nhẹ thì gọi «*Nữ thực như miêu*». Mèo già là hình ảnh để chỉ người gian xảo, tiểu nhân. Mèo hoang chỉ người sống lang thang, ở nơi dơ bẩn.

Trong kho tàng văn chương Việt Nam có nhiều tác phẩm viết về mèo.

Miêu - Nguyễn Trãi

*“Lọ vẫn sinh lạ mãi phương Tây
Phụng sự Như Lai trộm phép thầy
Hơn chó được ngồi khi mặt bếp
Tiếc hùm chẳng bảo chước leo cây
Đi: nào kẻ cấm buông the kín
Ăn: đợi ai làm bàn soạn đầy*

*Khó liễn sang chãng nữ phụ ¹
Nhân chung giận chuột phải nuôi mày”.*

Vịnh Con Mèo - Phan Văn Tri

*“Mấy từng dài các sải chơn leo,
Nhảy lẹ chi cho bằng giống mèo.
Chợt ngánh mặt hùm nhìn trực thị,
Chi cho lũ chuột dám vang reo.
Lung lẳng sẵn có nhiều nanh vút,
Vằn vện đành không chút bụi meo.
Trăm tuổi hồn dầu về chín suốt,
Nhắm lông để lại giúp trò nghèo”*

Con Mèo - Tú Mỡ

*“Mèo là một giống hùm bé tí
Thân hình nhỏ nhen nhưng chí khí chãng nhỏ nhen
Nó không phũ như giống chó đê hèn
Lại khéo làm bộ giả hiền, vờ quân tử
Ta hãy nhìn: dáng nó đi thong thả
Khinh khỉnh coi đời bằng nửa con người
Nó tìm nơi ấm cúng, cao ráo để nằm ngơi
Bộ phè phỡn như một ngài trưởng giả
Nó khảnh ăn, phong lưu, nhàn nhã
Bữa thường không thịt cá, dưng dưng dưng
Trông mặt mà bắt hình dong
Trong gia súc nó xem chừng cao thượng nhất
Phò nhà chủ cơm ăn, chuột bắt
Nó chãng chui luôn, khuấy tất một ai
Ai vuốt ve, nó cũng vuốt ve chơi*

1- Câu này chỉ có 6 chữ. tìm các tài liệu khác cũng chỉ có 6 chữ kể cả bản chữ Hán Nôm- Các câu khác đều có 7 chữ.

*Ai trở mặt, nó tức thòi trở mặt
Dưới bàn chân nhung, nó liền giơ vuốt sắt
Quào kẻ xấu chơi, rồi nhảy phắt lảng xa ngay.”*

Trong truyện ngắn “O chuột”, Tô Hoài có đoạn miêu tả về con mèo: “Mèo lờ mờ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hẳn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hẳn cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc ghê gớm lắm. Có phải thế chăng, hỡi cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng ngoài cái vỏ ngoài chưa thể đủ để nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hẳn lại hiền lành cũng nên?”.

Trái với văn học dân gian Việt Nam, các nhà văn nổi tiếng trên thế giới rất ưa thích mèo. Lý do họ yêu mèo có thể do tính cách kỳ bí của chúng, giúp các tác giả gợi mở niềm cảm hứng, cũng như được tận hưởng sự an tĩnh mà chúng đem lại. Có phải nhờ loài mèo mà nhiều tác phẩm nổi tiếng trên giới đã ra đời?

Mark Twain, đại văn hào Mỹ là một người cực kỳ yêu mèo. Ông từng có đến 19 con mèo trong nhà. Trong cuốn sách “Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer”, ông thêm một chú mèo mướp tên Peter làm bạn với cậu bé Tom tinh nghịch. Mark Twain có một câu nói nổi tiếng về loài mèo: “Nếu con người được lai với loài mèo, việc đó sẽ nâng cấp con người nhưng làm giảm giá trị loài mèo”.

Ernest Hemingway, nhà văn Mỹ, có sở thích đặt tên các con mèo theo tên người nổi tiếng: Marilyn Monroe, Tổng thống “Hairy” Truman, Truman Capote, Billie Holiday, Cary Grant... Hiện nay, Bảo tàng Ernest Hemingway đang

nuôi khoảng 40 - 50 con mèo, và tất cả đều được sinh ra tại đây. Hemingway từng chia sẻ: *“Mèo tuyệt đối thành thực về cảm xúc. Con người, vì nhiều lẽ, có thể che giấu cảm xúc của mình, chứ mèo thì không”*.

Haruki Murakami, tiểu thuyết gia Nhật, có bài viết đăng trên tờ New Yorker với tựa là “Town of Cats”, một câu chuyện về người đàn ông lạc trong một thị trấn toàn mèo. Những chú mèo xuất hiện ở hầu khắp các tác phẩm của ông. Ông viết: *“Tôi thích đọc sách, nghe nhạc, yêu mèo, chỉ 3 thứ đó. Từ khi chỉ mới là cậu nhóc, tôi đã luôn thấy hạnh phúc, vì tôi biết rõ mình thích gì..”*

Stephen King, nhà văn Mỹ, lấy nguồn cảm hứng từ loài mèo để viết truyện kinh dị như “Cat’s Eye”, “Pet Sematary”, “The Cat from Hell”... Với ông, *“sự phân chia thế giới lớn nhất không phải là giữa đàn ông và đàn bà, mà là giữa những người yêu mèo và những người yêu chó”*.

T.S. Eliot, nhà thơ lớn nước Anh thế kỷ 20, viết về những khía cạnh khác nhau của loài mèo với những cái tên Old Deuteronomy, Rum Tum Tugger và Mr. Mistoffelees. Tập thơ “Old Possum’s Book of Practical Cats” của ông gồm 15 bài thơ, là niềm cảm hứng cho vở nhạc kịch “Cats” nổi tiếng Broadway của Andrew Lloyd Webber. Ông nói: *“Khi một con mèo nhận bạn làm ‘sen’ (kẻ hầu hạ), bạn sẽ chẳng thể làm gì khác ngoài việc chấp nhận điều đó và chờ đến khi gió đổi chiều”*.

Raymond Chandler, người Mỹ gốc Anh, là tác giả của các truyện trinh thám đen, nổi tiếng là một người yêu mèo. Ông viết: *“Có thể tôi đã nói gì đó khiến ngài làm tưởng rằng tôi ghét mèo. Nhưng thưa ngài, tôi là một trong những kẻ cuồng”*

mèo nhất thế giới. Nếu ngài ghét chúng, tôi có thể sẽ ghét ngài. Nếu chúng dị ứng của ngài ghét chúng, thì tôi sẽ cố gắng hết sức mình mà dung thứ cho chuyện đó.”

Charles Bukowski nhà văn, nhà thơ, người Mỹ gốc Đức, có lối sống phóng túng. Trong tập thơ “On cats” cho thấy Ông rất yêu mèo. Ông viết: *“Sống cùng một bầy mèo tốt cho chúng ta. Những khi đau buồn chỉ cần nhìn thấy chúng thôi là ta đã khỏe lại, bởi loài mèo giúp ta nhìn vào mọi sự theo đúng bản chất của nó: Không có gì phải bận tâm phân khích, chỉ cần biết sự vật như nó vốn là.”*

Charles Dickens, nhà văn lớn nhất nước Anh thế kỷ 19, ngoài sự nghiệp sáng tác, còn được biết đến là một người yêu mèo hiếm có. Ông có nuôi một con mèo bị điếc tên Bob thường lẻo đẻo theo Ông. Khi nó chết, Ông than thở: *“Có món quà nào lớn hơn tình yêu của một con mèo”*.

Năm Mão thường mưa thuận gió hòa, khiến nhà nông được mùa. Do đó Mão mang ý nghĩa tươi tốt, cây cỏ xanh tươi. Trong lịch sử, năm Mão cũng là năm mang nhiều thành công, thanh trị cho dân tộc Việt.

- Năm Tân Mão (931): Dương Đình Nghệ tập trung lực lượng được 3.000 quân sỹ đánh chiếm Đại La giết chết tướng Nam Hán, tiếp tục sự nghiệp.

- Năm Đinh Mão (967): Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất giang sơn, xưng Vạn Thắng Vương, năm 968 mở nước Đại Cồ Việt, xưng Hoàng Đế (Đinh Tiên Hoàng Đế).

- Năm Ất Mão (1075): Nhà Lý, mở khoa thi đầu tiên Thi tuyển Minh Kinh bác học và Nho học bằng 3 kỳ thi, hơn 10 người trúng tuyển. Lê Văn Thịnh đỗ đầu (Trạng nguyên).

- Năm Ất Mão (1615): Chữ Quốc ngữ hình thành do các giáo sỹ Bồ Đào Nha sáng tạo ra, Alexandre de Rhodes soạn từ điển Việt – Bồ - La tinh.

- Năm Tân Mão (1771): Nguyễn Nhạc cùng hai anh em là Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ quê ở Tây Sơn – Bình Định tập hợp dân nghèo khởi nghĩa.

- Năm Quý Mão (1783): Quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy thắng quân chúa Nguyễn.

Trong 12 con giáp, mèo là con vật dịu dàng nhất bởi thế người sinh năm Mão thụ hưởng một khí chất dịu dàng, không thích gây gổ. Năm nay người tuổi Mão chắc vui vẻ vì hầu hết các lá số tử vi đều cho rằng người tuổi Mão thông minh, ôn hòa. Nói chung, người sinh năm Mão nhờ các đặc tính tốt như kiên nhẫn, thông minh và nhanh nhẹn sống và thích nghi với mọi môi trường nên khả năng thành công cao trong cuộc sống cũng như sự nghiệp.

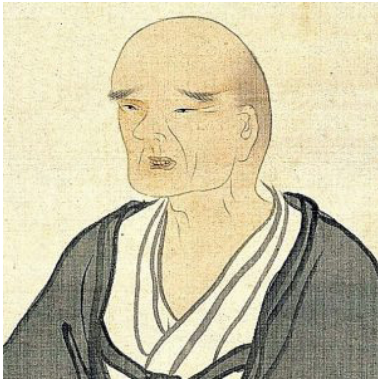
Người tuổi Mão sống chậm rãi và kiên định, không nôn nóng để ảnh hưởng đến công việc. Nhờ vậy mà những người tuổi Mão thường không hay chuyển đổi việc làm cũng như có tính gẫn bó lâu dài. Trong tình yêu, kết hôn người tuổi Mão thường dùng thái độ trân trọng, nghiêm túc. Đối với công việc họ thường dùng hết tâm huyết cũng như khả năng của mình vào việc được giao. Một vài hạn chế của người tuổi Mão là họ để tâm nhiều đến tiểu tiết, hướng tới sự hoàn hảo và cầu toàn. Nếu tính theo tiết khí (khởi vòng Trường sinh) thì Mão ứng với cung Lâm Quan. Người sinh năm này thường khá nhạy cảm.

(Xin xem tiếp trang 66)

MÙA XUÂN TRONG THƠ YOSA BUSON (Sưu tầm: Lê Minh Uyên)

Có thể nói haiku đến với Yosa Buson như một lời hẹn ước thời gian cũng tựa như Buson đến với haiku như một kiếp duyên tiền định. Con người ấy đã tô điểm thêm cho thể thơ đặc biệt này những vẻ đẹp mỹ miều, quyến rũ, được thể hiện tập trung trong những vần thơ về mùa xuân của ông. Gia tài đồ sộ trên hai nghìn bài thơ về đề tài này đã đưa Buson lên vị trí “nhà thơ của mùa xuân” trong hội tao đàn haiku Nhật Bản.

* **Yosa Buson (1716 - 1784)** được xem là viên ngọc sáng giá nhất trên thi đàn haiku sau Basho, là người tiếp bước con đường “áo chi tế đạo” của Basho, cũng đồng thời là một họa sỹ tài danh của thời Edo (1603 - 1868).



Buson đã kết hợp hài hòa được giữa tính chất biểu hiện của hội họa và tính chất gợi tưởng của thi ca để tạo ra những vần

thơ mùa xuân tinh tế và tài hoa. Ấn hiện trong đó là những quan niệm nhân sinh thấm đẫm nhân văn của một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống sâu sắc.

Mùa xuân hiện lên trong thơ Buson với những khoảnh khắc bừng sáng của cảm xúc ẩn chứa trong từng âm tiết thơ đầy rung động:

“Trái chiếu trên cánh đồng
Ta ngồi ngắm
Vườn mận nở hoa”

Đó là một bức tranh mùa xuân bình yên và thư thả. Cánh đồng trở thành sân khấu cho cuộc thưởng ngoạn mùa xuân. Cả con người và cảnh vật đều dung dị, thanh thản trong cái khoảnh khắc mùa sang ấy. Vườn mận nở hoa trở thành tín hiệu chủ điểm của bức tranh, đó không phải là tín hiệu động mà rất tĩnh, tĩnh lặng nhưng khuấy động được cảm xúc của người đọc về cái xôn xang của thời gian.

Con người trong khoảnh khắc của đất trời ấy thật an nhiên, tự tại. Hình như không còn bất cứ thứ gì còn có ý nghĩa trong cái giờ phút ấy nữa, tâm trí của con người đang hòa cùng với vẻ đẹp của thiên nhiên để cảm nhận hơi thở của cuộc sống.

Buson thường sử dụng những hình ảnh bình dị như thế để miêu tả những bức tranh xuân của mình. Không cần hoa mỹ, phô trương, chỉ cần những điều nhỏ bé, đơn sơ nhưng thể hiện được tầm vóc của cảm xúc - những rung động vi tế của tâm hồn được khám phá thông qua cảnh vật:

“ Trong ngôi chùa cổ
Hoa đào nở
Người đàn ông đập lúa”

Nhịp đập của mùa xuân được tác giả bắt mạch thông qua hai hành động của thiên nhiên và con người: hoa nở và người đập lúa. Ngõ tưởng sự «chênh nhịp» này sẽ làm bài thơ khập khiễng nhưng chủ ý của tác giả là vậy, mùa xuân chuyển mình từ tất cả những vận động của vũ trụ, con người.

Có một sự kết hợp hài hòa giữa ba hình ảnh: ngôi chùa cổ,

hoa đào và người đàn ông trong khung cảnh mùa xuân ấy. Nó thể hiện được cả ba chiều kích không gian: trên cao, lưng chừng và dưới thấp. Mỗi một nấc thang của không gian ấy có một chủ thể của chính mình nhưng tất cả lại được bao bọc trong một chủ thể lớn hơn, đó là mùa xuân. Chúng cùng nhau hòa quyện trong nhịp sống của thời gian.

Dẫu bình dị nhưng mùa xuân trong bức tranh này cũng đầy uy nghiêm, cổ kính mà cũng rất gợi ý, gợi tình nhưng cũng hết sức mộc mạc, đơn sơ. Cái đẹp bắt nguồn từ sự hòa quyện khéo léo ấy:

“ Một cảnh hoa đào đơn sơ
Của buổi sáng đẹp trời
Trang điểm một hồ sâu ”

Chỉ cần một cảnh hoa đào nhỏ nhoi thôi cũng đủ sức mang khí xuân về với mọi người. Hoa đào trở thành người đưa tin trung thành với thơ haiku nói riêng và người Á Đông nói chung. Nó trở thành biểu tượng của mùa xuân và được hầu hết các tác giả haiku sử dụng.

Toàn bài thơ là một sự phát triển thuần nhất của không - thời gian. Tất cả nằm trong một chiều tiến lên theo sự thay đổi của tạo vật. Một cái đẹp hoàn mỹ bắt đầu ngay từ điểm xuất phát đó là cảnh hoa đào. Cảnh sắc mùa xuân dường như lại nhận được sự ủng hộ của buổi sáng đẹp trời, vậy nên hệ quả tất yếu tạo ra đó là một không gian đẹp. Không gian ấy được bao phủ lên mặt hồ sâu, được trang điểm bởi những cánh hoa đào.

Sở dĩ Buson thể hiện khung cảnh mùa xuân thông qua mặt hồ sâu là bởi đối tượng này có sức lột tả không gian đến hai lần. Nghĩa là mặt hồ trở thành một chiếc gương khổng lồ

phản chiếu toàn bộ cảnh vật, như vậy cái đẹp được nhân đôi. Mùa xuân trong thơ Buson là mùa của tình yêu, hạnh phúc, mùa của những xúc cảm diệu vợi trong trái tim con người vút tiếng nói thanh tân. Mỗi khoảnh khắc của mùa xuân là mỗi khoảnh khắc của thời gian thỏn thức, của những âm vang cuộc sống muôn màu trong khúc hát hoan ca:

“ Mưa xuân thăm thì
Bên nhau đôi bóng
Ô và áo tôi đi ”

Khung cảnh mùa xuân được Buson khắc họa bằng hình ảnh của đôi tình nhân đi nhau trong làn mưa xuân đầy thi vị. Mưa xuân trở thành chiếc cầu nối hai đầu tình cảm, đưa hai con người lại gần nhau. Đó là một cái nhìn có tính nhân bản. Con người hòa vào thiên nhiên, thiên nhiên ôm lấy con người trong khúc ca hòa điệu của tình yêu đầy lãng mạn.

Buson vẫn thường tạo cho mùa xuân trong thơ mình những cảm xúc lãng mạn như vậy nhưng nó không hề xa rời thực tại mà luôn gắn với chủ thể của cuộc sống - những con người trần thế:

“ Hoa mơ tung bùng
Bên lầu, du nữ
Mua sắm đai lưng ”

Mùa xuân đến khiến lòng người nôn nao chờ đợi, khoảnh khắc đổi thay của trời đất cũng đồng thời là giây phút đổi thay của lòng người. Con người cũng đang hòa theo sự chuyển động của mùa xuân, hoa mơ nở cũng là lúc các du nữ sắm sửa, trang điểm cho mình.

Hai đối tượng thâm mỹ «hoa» và «du nữ» xét đến cùng nằm trong cùng một trường biểu hiện của cái đẹp, do vậy chúng

có mối quan hệ đồng cấp trong cấp độ hình tượng của bài thơ. Đó là một quan hệ hài hòa cùng chung một tính chất của cái đẹp tinh thần kết hợp với cái đẹp thể chất. Chính những mối quan hệ hài hòa hai chiều giữa thiên nhiên và con người như vậy đã tạo cho haiku nói chung và thơ haiku về mùa xuân của Buson nói riêng một sức sống mãnh liệt.

Cái thần của mùa xuân được Yosa Buson nắm bắt trong tất cả những biến chuyển của đời sống. Từ cánh hoa đào đơn sơ đến hình ảnh người nông dân đập lúa, từ ngôi chùa cổ kính đến lầu du nữ, từ cánh đồng đến đỉnh núi... Tất cả đều được Buson khoác cho tấm áo thi ca để đàng hoàng bước vào thơ ông tham dự hội xuân náo nức.

“ Đỉnh Yoshino
Nuốt vào mây trắng
Thờ ra hoa đào ”

Những vần thơ haiku về mùa xuân của Yosa Buson đã thể hiện cho một tâm hồn tinh tế và nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Sự rung động huyền diệu trong tâm hồn người nghệ sỹ đã giúp Buson chuyển tải được những bức tranh mùa xuân nhiều màu sắc và cuốn hút. Đó là những bức tranh thiên nhiên, bức tranh cuộc sống đầy thi vị, lãng mạn nhưng cũng rất chân thực, hiện hữu trong cuộc đời. Người ta có thể náo nức chờ đón mùa xuân, vui mừng hạnh phúc trong mùa xuân nhưng rồi cũng ngậm ngùi tiếc mùa xuân đã qua:

“ Đàn nhạn đi rồi
Cánh đồng trước cửa
Đường như xa xôi ”

Cánh nhạn mang mùa xuân về cùng đất trời thì cũng chính những cánh nhạn báo hiệu mùa xuân đi. Sự vắng bóng của chúng trước cánh đồng khiến cảnh vật trở nên lẻ loi và tĩnh

lặng lạ thường.

Buson không cần tả nhiều mà chỉ bằng hai hình ảnh rất đỗi quen thuộc ông đã tạo được sự ngậm ngùi, nuối tiếc trong lòng độc giả trong khoảnh khắc tàn xuân. Xuân đến, xuân đương và xuân qua, tất cả chúng đều nằm trong cái quy luật vĩnh cửu của thời gian, con người không thể nào làm khác được. Dầu cho có thể giữ được những cánh nhận ở lại thì mùa xuân vẫn cứ qua đi, cuộc sống vẫn cứ trôi chảy nhưng thông qua đó người ta có thể nhận ra được những rung động của chính mình.

Yosa Buson nhìn mùa xuân ở nhiều góc độ, khía cạnh và dù đứng ở điểm nhìn nào ông cũng có thể chọn cho mình những bố cục, gam màu rất phù hợp cho từng bức tranh xuân. Ở từng khung cảnh, mùa xuân hiện ra bằng nhiều tín hiệu:

“ Bước qua vũng nông
Bàn chân cô gái
Vẩn bùn lên nước xuân trong ”

Hẳn đã có một sự trách móc nhẹ nhàng của Buson đối với cô gái. Nàng đã cố ý hay không cẩn thận làm vẩn đục làn nước mùa xuân trong lành của tác giả? Đừng trách cô gái làm gì vì chính mưa mùa xuân là tác nhân gây ra điều đó đấy chứ. Buson đã đặt xuất phát điểm cho bài thơ từ một hình ảnh tầm thường để xây dựng hình tượng về cái đẹp. Bàn chân cô gái là nguyên nhân chính khiến tác giả thất vọng vì bức tranh mùa xuân đã nhòe màu, tựa như nét cọ của người họa sỹ đã bị biến dạng.

Hành động nghịch chiều thẩm mỹ của cô gái không hẳn đã phá vỡ đi cái đẹp của bức tranh, nó vẫn còn đó nguyên vẹn giá trị của mình, duy chỉ có điều, nhà thơ đã phát hiện ra nó

từ chiều đối lập với cái đẹp mà thôi. Đôi khi, Buson cảm thấy xót xa cho những cái đẹp kiêu như vậy:

“Hoàng hôn
Tiếng bắn chim trĩ vang dội
Trên triền núi xuân”

Âm điệu của bài thơ bàng bạc chất cay nghiệt bởi cái đẹp được nhà thơ xây dựng từ sự hủy diệt. Con người đang tạo lập cái đẹp hay tàn phá nó? Hoàng hôn phủ chìm triền núi mùa xuân đã đủ hoàn kết cho một bức tranh xuân lý tưởng rồi, có gì Buson phải tạo thêm âm thanh từ các cuộc săn bắn như vậy? Có lẽ nhà thơ cũng đượm buồn về bản chất của cuộc sống bởi lẽ mỗi một khoảnh khắc trong thực tại đều là một hành trình của sinh hóa hóa sinh. Đó chính là một cái nhìn có tính triết học cũng như đằm chất nhân văn của Yosa Buson.

Thơ haiku về mùa xuân của Buson không chỉ đơn thuần là những khoảnh khắc độc sáng của khung cảnh thiên nhiên mà đan xen trong đó là tâm hồn con người với những rung động tinh tế, huyền diệu. Và chính con người là chủ thể của những mùa xuân trong thơ haiku của Buson. Đó là những đối tượng thẩm mỹ hết sức nhân bản, cái đẹp thể hiện trong sự hòa phối nhịp nhàng giữa con người và thiên nhiên.

* Yosa Buson đã đem đến cho haiku những khúc hoan ca về cuộc sống thông qua những vần thơ về mùa xuân của mình. Ông đã hoàn kết một quá trình tiếp bước người dẫn đường vĩ đại Matsuo Basho bằng những bài haiku quyen rũ và đầy chất nhân bản. Buson cũng đồng thời đem đến cho haiku nguồn sức mạnh mới để tiếp tục tham gia vào hành trình của lịch sử văn học, đưa haiku phát triển cho đến ngày hôm

nay. Nếu như R.H.Blyth đã khẳng định: “ Nước Nhật sinh ra cùng thời với Basho vào năm 1644. Ông chính là người đã sáng tạo ra linh hồn của Nhật Bản” thì chúng ta cũng có thể nói rằng linh hồn của Nhật Bản đã thăng hoa cùng với những vần thơ haiku của Yosa Buson

MÙA XUÂN TRONG THƠ HAIKU (Nhật Chiêu)

Haiku, thơ tam tuyệt của Nhật Bản, mỗi bài chỉ có ba dòng, thể nhưng nó có thể chứa ba chiều của vũ trụ còn chiều thứ tư, để cho người đọc.

Nhà thơ Pháp Paul Valéry từng nói: “ Tôi viết nửa bài thơ. Người đọc viết tiếp nửa phần còn lại”. Điều đó đúng với mọi bài thơ hay và đặc biệt xác đáng với thơ haiku. Đọc haiku là viết tiếp haiku.



Vào thế kỷ mười bảy, thi hào Basho đã tạo cho bài thơ mười bảy âm tiết này một vẻ đẹp đơn sơ thanh trầm, một vẻ đời thường kỳ diệu.

Haiku, đây là ngón tay chỉ mặt trăng. Là ngón tay trần trụi, không trang sức. Và vàng trắng mà nó chỉ ra không chỉ mọc đâu đó bên trời mà mọc ngay bên trong tâm thức người ta.

Basho

Và khi đó, ta sẽ nghe ra tiếng thì thầm trò chuyện giữa con Và hơi ngón tay nhỏ nhắn của haiku, hãy chỉ cho ta mùa xuân để trong ta mùa xuân hiện diện...

“ Năm dậm mỗi ngày
Ta đi tìm em đấy
Hoa đào yêu dấu ơi!”

Basho

Trên đường tới Yoshino để ngắm hoa anh đào, thi hào Basho đã soạn bài haiku trên. Ở Yoshino, ông mê mải ngắm hoa anh đào lúc tinh mơ, lúc hoàng hôn hay vào nửa đêm. Nhưng chìm ngập trong hoa đào, Basho không còn viết gì về hoa đào được nữa. Như thể một tình nhân không nói được lời nào khi ngây ngất giữa tình yêu.

Haiku là tiếng hát của bốn mùa. Dường như không có loại thơ nào chứa tất cả sự kỳ diệu của bốn mùa như thơ haiku. “Xuân có hoa đào, hạ có chim cu, thu có vàng trắng và đông có tuyết sáng lạnh”, đó là đặc điểm của bốn mùa theo thiên sư Dogen. Nhưng hãy để haiku cho ta nghe tiếng hát mùa xuân của nó.

“ Mưa mùa xuân
Xuyên qua từng chiếc lá
Nuôi dòng suối xuân trong”

Basho

Dòng suối trong đổ ra từ một vách đá đầy rêu trên đường Basho đi tìm hoa đào đã xui ông soạn bài thơ ấy. Nước, yếu tố âm tính trong thiên nhiên thường được haiku thể hiện qua hình ảnh của mưa, dòng, khe, vũng... gọi là “nước mùa xuân” (haru no mizu: xuân thủy).

“ Băng qua vũng nông
Bàn chân cô gái
Vấn bùn lên nước xuân trong”

Buson

Bàn chân mềm yếu của cô gái đẹp, bùn đất dưới đáy vũng nước và bản thân chất nước chẳng những không có gì tương khắc nhau mà còn tuyệt đối hòa hợp trong sức mạnh âm tính của mùa xuân, của thiên nhiên.



Issa

Issa

Hình ảnh chú chuột bé xíu đường như bị xóa nhòa bên dòng sông lênh láng, dưới cơn mưa trắng trời. Thế nhưng chú chuột mới tự tại làm sao. Chú thông thả uống mùa xuân từng ngụm, uống đất trời từng ngụm. Dòng sông và mưa trời hiển mình cho chú, cái sinh linh nhỏ bé và hèn mọn, nhưng vẫn đủ đầy bản lĩnh, có “tính chuột” và “tính vũ trụ” chẳng thua ai.

Trên đường tới Nara, Basho nhìn thấy những ngọn đồi vô danh:

“ Mùa xuân đến rồi ư
Ngọn đồi không tên ấy
Sáng nay khoác áo sương mù ”

Basho

Nhưng vô danh không phải là vô nghĩa, tầm thường. Hơn nữa, vô danh vốn là bản tính của thiên nhiên. Và khi ta nhìn

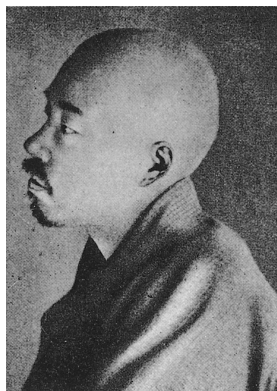
thấu bản tính ấy, thì thiên nhiên hiện ra trong cái dáng ẩn giấu mới mẻ, trong sự điễm trang đơn sơ bất ngờ của nó.

“ Nở sớm cây mơ này
Nở muộn cây mơ khác
Tôi triu mền cả hai”

Buson

Mà thực ra, có sớm có muộn gì đâu. Hoa lúc nào cũng nở đúng lúc, đúng thời-gian-của-nó, dù đầu mùa hay cuối mùa. Và nhà thơ biết điều đó. “Tôi yêu cả cái sớm lẫn cái muộn của hai cây mơ” (dịch sát nghĩa bài thơ trên).

Chẳng những không tên, thiên nhiên còn có khi không tiếng không lời:



“ Cánh bướm ơi, xin hỏi
Giác mộng nào trên hoa
Không tiếng bướm đáp lời”

Reikan

Đây là niềm im lặng vĩnh cửu, đây là nỗi vô ngôn hằng ngày. Nhưng tại sao ta không thể mộng giác mộng của bướm, vui niềm vui của cá? Đồng cảm với vũ trụ thì không còn câu hỏi nữa, nghĩa là không còn vấn đề nữa.

Shiki

Một bến bờ nho nhỏ
Nghe con thuyền tí tê ”

Shiki

Và khi đó, ta sẽ nghe ra tiếng thì thăm trò chuyện giữa con thuyền với bờ bến, hoặc đơn giản hơn, giữa các tình nhân với nhau:

“ Mưa xuân thâm thì
Bên nhau đôi bóng
Ô và áo tơ đi ”

Buson

Biết đâu rồi ta sẽ trẻ thơ như mọi trẻ thơ?

“ Đùa cùng bướm, trẻ con
Lùi sau chân cha mẹ
Trên đường hành hương”

Shiki

Bởi vì đùa cùng bướm mới là cách hành hương của trẻ.
Bướm bướm và trẻ thơ chính là những kẻ hành hương bất
vụ lợi của trần gian.

Thơ haiku cùng đập rộn với trái tim ta, giữa mùa xuân, với
bao ước vọng:

“ Ước vọng đầy tim tôi
Ngọn nến nào thấp sáng
Hoa đào nào đang rơi ”

Shirao

Sự thấp sáng của lửa, sự rơi của hoa và ước vọng của con
người có tương quan gì với nhau? Hay đây chỉ là một lẽ đời:
trái tim cháy khát vọng, ngọn nến cháy ánh sáng và hoa đào
cháy sắc hương. Và mùa xuân tung bùng ánh sáng, một ánh
sáng trần ngập tim người, thiên nhiên và sự vật.

Hỡi vắn thơ haiku nhỏ bé và vĩ đại, hãy cho ta đồng cảm với
thiên nhiên như em vậy, với sự sống như em vậy, hãy cho
một chút thơ ngây hiền minh mà em có, cái thơ ngây của
những mùa xuân muôn đời không chết...

(Sưu tầm: Lê Minh Uyên)

Phong vị Tết cổ truyền: Đêm khuya trông nồi bánh, nao nức đón Xuân về

(Người Năm Cũ | DKN)



Ảnh: Freepik.

Mục lục bài viết

- 1*- Phỏng đoán về nguồn gốc của ngày Tết Nguyên Đán ở Việt Nam
- 2*- Những việc sửa soạn cho cái Tết theo truyền thống dân tộc
- 3*- Nhưng còn gì nữa không?
- 4*- Những việc quan trọng không nên để sót trước giao thừa

“Bọn trẻ có thể vui một vài củ khoai, củ sắn vào bếp củi để lúc đêm khuya trông nồi bánh chưng sẽ có một thứ đồ ăn vặt thơm nức, bông rẫy cho vui câu chuyện bên nồi bánh và cảm nhận một không khí nao nức khi Xuân về...”

I- Phỏng đoán về nguồn gốc của ngày Tết Nguyên Đán ở Việt Nam

Trước hết, Tết Nguyên Đán là một kỳ lễ đón chào năm mới. Với ý nghĩa ấy thì nó không phải là phong tục của riêng người Việt. Các dân tộc, các nước đều có phong tục chào đón năm mới tương tự, nhưng được thực hiện vào những thời điểm khác nhau, theo những lịch khác nhau.

Trong ba chữ Tết Nguyên Đán thì:

- Chữ Tết là từ chữ Tiết (節) mà ra.
- Nguyên (元) có nghĩa là đầu tiên.
- Đán (旦) là buổi sớm.

Vậy Tết Nguyên Đán là “buổi sớm đầu tiên trong năm”. Gọi tắt là Tết.

Theo phỏng đoán của một số học giả, Tết có lẽ bắt nguồn từ truyền thống làm nông nghiệp của các dân tộc phía Nam sông Trường Giang thuộc Trung Hoa trở xuống đến Bắc và Trung Việt (tộc Bách Việt). Do hoạt động làm nông nghiệp của cư dân vùng này phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu nên có chữ ‘Tiết’, hay ‘Tết’ là vì vậy. Khí hậu vùng này nói chung có 4 mùa 8 tiết. Một năm chia thành 24 tiết khí theo nông lịch. 4 mùa là Xuân, Hạ, Thu, Đông. 8 tiết là Xuân Phân, Thu Phân, Hạ Chí, Đông Chí, Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông.

Tết Nguyên Đán là bắt đầu của tháng đầu tiên của năm âm lịch, gọi là tháng giêng, tháng này bao giờ cũng là tháng Dần. Đây là lúc chuôi sao Bắc Đẩu chỉ về phương Dần.

Tết Nguyên Đán ở ta có từ bao giờ? Đây là một câu hỏi chưa

thể trả lời chính xác, chỉ có thể phỏng đoán. Theo Từ điển Từ Hải thì năm khởi điểm của lịch Trung Hoa là vào năm 3000 trước Công Nguyên. Nhưng mãi đến đời nhà Hạ (2205 – 1808 trước Công Nguyên) thì họ mới lấy tháng Giêng làm tháng Dần. Có lẽ đó là thời điểm bắt đầu có Tết Nguyên Đán của Trung Hoa chẳng? Còn ở ta thì Tết Nguyên Đán có từ bao giờ? Phải chăng là từ khi những thái thú người Trung Hoa như Tích Quang, Nhâm Diên mang vào từ thế kỷ thứ I sau Công Nguyên? Thật khó để trả lời câu hỏi này.



Tết Nguyên Đán được cho là bắt nguồn từ Trung Hoa xưa.
(Ảnh sưu tầm)

II- Những việc sửa soạn cho cái Tết theo truyền thống dân tộc

Tết Nguyên Đán có thể nói là kỳ lễ quan trọng nhất trong năm theo truyền thống người Việt. Người Việt Nam ta từ xưa có nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp sản xuất nhỏ, gọi là tiểu nông. Cư dân vùng Bắc và Trung Bộ sản xuất nông nghiệp cũng tương đối khó khăn vì đất đai và khí hậu không thực sự thuận lợi. Vì vậy, người Việt nghèo, quanh năm ăn uống thiếu thốn, chỉ mong đến Tết Nguyên Đán sẽ được no đủ hơn. Dân gian có câu:

“Đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết”.

Hay:

“No ba ngày Tết, đói ba tháng hè”.

Ngày Tết là ngày đầu năm, là một khởi đầu mới chắt chứa bao niềm hy vọng cho một năm mới sung túc và thịnh vượng. Cho nên, ngày Tết cần phải được no đủ thì cả năm mới no đủ. Ai nghèo đến đâu cũng phải cố sắm sửa lấy cái Tết cho thơm tất, có thịt có bánh, đừng để đói. Cũng bởi thế, ông thầy bói mù mới được dịp phán như Thánh sống những chuyện đương nhiên như là:

“Số cô chẳng giàu thì nghèo
Ngày ba mươi Tết, thịt treo trong nhà”.

(Tất nhiên, đó chỉ chuyện trào phúng, không nên lợi dụng để đánh đồng, hạ thấp khả năng của giới bói toán có thực tài.)

Đó cũng chính là áp lực cho người sống vì có khi phải vay mượn để có một cái Tết thơm tất. Họ tưởng tượng rằng người chết sẽ mừng vì được cúng kiếng đầy đủ, nhưng còn người sống thì sao? Lo muốn chết vì Tết sắp đến:

“Tết đến sau lưng,
Ông vải thì mừng con cháu thì lo”.

Thế nên, việc chuẩn bị cho ngày Tết được thực hiện từ trong năm và từ những điều tưởng như vụn vặt nhất. Kiểm được thanh củi chắc, người ta cũng để dành để “nấu bánh chưng Tết”, hay kiểm được cái mo cau khô rụng, cũng dành cất đi để tước mỏng quăn lại và Tết sẽ có cái để gói giò. Người dân nuôi con lợn con gà cũng bảo để dành đến Tết. Có cân gạo nếp ngon cũng bảo để dành đến Tết gói bánh chưng.



Bánh Trưng là hương vị không thể thiếu trong những ngày tết. (Ảnh: Freepik)

Đây là đồ ăn. Còn thú chơi thì sao? Chơi hoa chẳng hạn. Muốn có hoa đào chơi Tết thì cả năm người chơi phải chăm sóc, cắt cắt uốn uốn cho cây. Lại phải:

“Trông trời trông đất trông mây
Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm...”

Trông ngóng thời tiết nắng mưa nóng lạnh để căn thời điểm tước lá cho đào (thường là tháng 10 âm lịch) sao cho đào ra hoa không sớm không muộn mà đúng vào dịp Tết. Ngày nay, người ta còn dùng nhiều biện pháp kỹ thuật hơn nữa. Thật là kỳ công.

Không chỉ chăm đào là kỳ công, mà chơi các thứ hoa Tết khác như mai, hải đường, trà, quất... cũng kỳ công không kém. Nếu muốn chơi hoa thủy tiên thì phải lo gọt củ từ đầu tháng Chạp mới có hoa nở đúng khi Tết đến Xuân về.

Với người buôn bán, Tết là dịp tốt để đẩy mạnh doanh số. Cho nên, họ phải chuẩn bị từ trong năm cho việc gần Tết sẽ bán hàng gì, số lượng bao nhiêu? Có khi phải chuẩn bị đặt mua hàng từ giữa năm.

Từ khoảng giữa tháng Chạp, chợ búa đã có vẻ nhộn nhịp hơn thường ngày. Rồi mỗi ngày chợ một tung bùng, tấp nập hơn, có nhiều hàng hóa và màu sắc hơn. Người ta nói “đông như chợ Tết”, tưởng cũng đúng. Đi chợ Tết là hòa mình vào một không khí vừa lâng lâng rộn ràng, vừa ngây ngất trong tiết trời se lạnh. Ta nghe thấy tiếng người rao bán râm ran, tiếng mặc cả ồn ào, tiếng gà què kêu quang quác, tiếng lợn ừ ừ, tiếng trẻ cười giòn tan... và người ta thấy mình lọt vào cả một rừng hoa Tết đủ loại đủ màu nhưng vẫn không che lấp được vẻ mộc mạc mà tươi tắn của những bức tranh dân gian, tranh Đông Hồ, tranh thư pháp chữ Nho... như một nhà thơ đã viết:

“Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp...”

Của xứ Kinh Bắc văn hiến.

Đi chợ Tết, ngoài việc mua đồ ăn, quần áo mới, cây, hoa, tranh... còn cần mua pháo Tết. Những băng pháo màu hồng kích cỡ từ nhỏ đến to: nhỏ thì như pháo tếp – bé như que đũa, to hơn là pháo đùng, cỡ đại là pháo cối. Làng có nghề pháo nổi tiếng nhất cả nước từ thời nhà Nguyễn là làng Bình Đà, thuộc huyện Thanh Oai, Hà Tây. Nhưng kể từ khi có chỉ thị cấm đốt pháo, đã từ lâu Tết không còn nghe tiếng nổ ùng ùàng vui tai của những tràng pháo nữa.



Một phiên chợ tết tại Hà Nội ở thập niên 90. (Ảnh: nghenhinvietnam)

III- Nhưng còn gì nữa không?

Vẫn còn nhiều việc phải làm. Một trong những việc đó là biếu Tết.

Hầu như ai cũng cần đi biếu Tết.

Con cháu đã ra ở riêng phải lo biếu Tết cha mẹ, ông bà. Nếu bề trên kinh tế khó khăn thì con cháu phải lo sắm sửa đầy đủ đồ ăn thức uống và các thứ vật dụng cho họ. Còn bề trên

sung túc thì ít nhất con cháu cũng phải chuẩn bị cành đào, cành quất, chậu mai, chậu cúc, củ thủy tiên, băng pháo hoặc của ngon vật lạ... để biếu tặng họ.

Có một phong tục khác gọi là đi “sêu Tết”. Không phải là phát âm của Anh ngữ (sales Tết) mà là tục lệ trong đó người con rể tặng quà nhà vợ hay bố mẹ vợ trong dịp Tết. Xưa thì tục ấy là để dành cho người con rể tương lai khi chưa cưới mà mới có đính ước. Nay thì không phân biệt điều ấy. Việc người con rể biếu quà Tết cho bố mẹ vợ không phải là bắt buộc và cũng không cụ thể như việc thách cưới của nhà gái với nhà trai, nhưng đó là một nét đẹp văn hóa với ý nghĩa thắt chặt mối tình cảm cha vợ, mẹ vợ với chàng rể. Hành động đó cũng hàm chứa sự biết ơn của người con rể với những bậc đã có công sinh thành và nuôi dạy người vợ hiền của mình. Dân gian có câu: “Con gái là con người ta” để nói về việc trước sau cô gái cũng về nhà chồng và coi việc nhà chồng như việc nhà mình. Khi con gái “mình” đã thành con người ta, thì “người ta” hẳn cũng nên có sự trân quý và biết ơn với “mình”. Người Việt ta là vậy.

Học trò cũng cần đi biếu Tết thầy mình. Đó cũng là nét đẹp của sự biết ơn, dù không ai quy định cụ thể như khi đội mâm xôi con gà đến xin bài sư.

Bệnh nhân cũng cần biếu Tết thầy thuốc đã chữa cho mình lành bệnh.

Ai đã từng gia ơn với mình thì đó cũng là đối tượng cần phải biếu Tết.

Bạn hữu bà con cũng biếu Tết lẫn nhau vì “có đi có lại mới toại lòng nhau”. Tết là dịp để bày tỏ tình cảm và gắn kết

quan hệ.

Cũng có một dạng biếu Tết khác là dân biếu Tết quan, con nợ biếu Tết chủ nợ, cấp dưới biếu Tết cấp trên. Có lẽ lúc ban đầu thì nó cũng xuất phát từ ân nghĩa tình cảm; nhưng dần dần thì ý nghĩa của việc này không còn được như thuở ban đầu nữa.



Ngày tết mọi người thể hiện tình cảm với nhau bằng những món quà. (Ảnh: Freepik)

Vẫn chưa hết những việc cần chuẩn bị. Việc đối ngoại đã xong, giờ là lúc quay về nhà mình để sửa soạn trang hoàng.

Trong nhà

Khu vực cần lau dọn sạch sẽ đầu tiên chính là bàn thờ. Những đồ thờ được lau chùi sạch sẽ, đồ đồng được đánh sáng choang.

Ở quê, vì đun rơm củi nên người ta thay mấy ông đầu rau mới bằng đất nặn. Ông đầu rau chính là ba cái chân kiềng bằng đất để đun bếp.

Cây, hoa cảnh sẽ được chuyển vào nhà hoặc bày trong khu vực sân nhà. Tranh sẽ được treo ở những nơi trang trọng. Có nhiều nhà dán câu đối đỏ ở cửa nhà hay cột nhà.

Những ngày 28, 29, 30 tháng Chạp là bận rộn nhất. Trong những ngày ấy, nhà cửa phải được dọn dẹp sạch sẽ, trang hoàng đẹp đẽ. Những nhà gói bánh chưng thì phải chuẩn bị lá dong, lạt, gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn, hạt tiêu, mắm muối... từ trước. Đến ngày ấy chỉ gói bánh và luộc bánh thôi.

Thường thì để có thịt lợn gói bánh chưng, gói giò thủ và các đồ ăn thức uống khác, thì trước đó phải giết mổ lợn. Những nhà không khá giả thì mấy nhà chung nhau mổ một con lợn.

Khi nôi bánh chưng được đun sôi sùng sục bằng củi để dành từ trong năm và vỏ trấu dành lại từ vụ mùa là lúc vui và ấm cúng nhất của gia đình. Lúc này, người lớn tuổi đi ra đi vào, ngắm hoa, uống trà, chuyện trò, gật gù hài lòng và ngắm lũ trẻ tíu tít chạy ra chạy vào. Bọn trẻ có thể vui một vài củ khoai, củ sắn vào bếp củi để lúc đêm khuya trông nôi bánh chưng sẽ có một thứ đồ ăn vặt thơm nức, bông rẫy cho vui câu chuyện bên nôi bánh và cảm nhận một không khí náo nức khi Xuân về.

Có thể nhân cái bếp còn lửa sau khi bắc nôi bánh ra, người ta đặt một nôi nước to với lá hương nhu, sả, quả mùi... để tắm tắt niên cho thơm tho sạch sẽ.



Khi nôi bánh chưng được đun sôi sùng sục cũng là lúc vui và ấm cúng nhất của gia đình. (Ảnh sưu tầm)

Ngoài sân và công nghệ

Đề trừ tà cho năm mới có nhiều cách. Hoặc người ta buộc cành đa, lá dứa ngoài cửa ngõ. Có người lại rắc vôi bột trước sân, ngoài công theo hình bàn cờ, cái cung cái nỏ với hình mũi tên bắn ra. Đây là với những nhà không trồng cây nêu.

Việc trồng cây nêu đề trừ tà thì muộn nhất phải làm xong chiều 30 Tết. Học giả Nguyễn Văn Huyền miêu tả phong tục này vào đầu thế kỷ trước như sau:

“Đây là một cây tre dài năm sáu mét, được tước hết các cành, nhưng có để lại ở ngọn những cụm lá hoặc buộc vào đó một túm lông gà trống, một mớ lá đa hay lá cây. Gần đỉnh treo một cái vòng đan bằng tre, buộc những con cá nhỏ, những chiếc chuông con và khánh bằng đất sét nung

phát ra một âm thanh nhẹ và êm khi gió thổi. Dưới cái vòng này có buộc một cái mũ thần, những thoi vàng bằng giấy, những miếng lá trầu, lá dứa hoặc cành xương rồng có gai. Ở đỉnh còn treo một cái đèn thấp ban đêm. Cây nêu được làm như vậy để chỉ đúng đường cho tổ tiên trở về ăn Tết với gia đình, cùng những người đang sống. Bằng ánh sáng và bằng gai của các cành cây mà nó mang lại, bằng âm thanh mà các vật đất sét phát ra lúc gió thổi, cây nêu làm sợ hãi ma quỷ, chúng tưởng mình đang đứng trước một vị Thần hay một Đức Phật. Để chống lại những hồn lang thang đáng sợ đó, người ta còn buộc vào cây nêu một tấm phen nhỏ gồm bốn nan dọc đan vào năm nan ngang, là thứ bùa nổi tiếng của các thầy phù thủy” .



IV- Những việc quan trọng không nên để sót trước giao thừa

Một trong các việc đó là: trả nợ. Vay ai cái gì hay mượn ai cái gì thì nên trả trước giao thừa, kéo đến đến năm mới người ta sang đòi thì gọi là “giông” cả năm.

Và từ trưa 30 Tết, người ta phải sửa soạn mâm cúng tất niên, đồng thời đón rước tổ tiên. Lúc này đèn hương thấp suốt ba ngày Tết.

Như vậy, coi như là đã xong những việc cần chuẩn bị trước Tết. Và đây là lúc vui nhất của gia đình người Việt theo văn hóa truyền thống. Tết Nguyên Đán là cái Tết lớn nhất, cái Tết đoàn viên của người Việt. Ai đi đâu xa mà không về kịp để sum họp với gia đình trong dịp Tết thì lòng ngậm ngùi, hiu quạnh, cảm thấy mình cô đơn khổ sở lắm.

Từ lễ cúng Giao Thừa hay lễ Trừ Tịch, mới thực sự bước vào thời gian chính của 3 ngày Tết. Lúc đó, người Việt có phong tục gì, xin quý độc giả đón xem ở kỳ sau.

(Người Năm Cũ)

(Bài viết có tham khảo cuốn “Đất lề quê thói” của Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu và cuốn “Phong tục Việt Nam” của Phan Kế Bính)

Nguồn: <https://www.dkn.tv/van-hoa/phong-vi-phong-tuc-ngay-tet-co-truyen-p-1.html>

ĐỌC - CỒ ĐỘNG - YẾM TRỢ

Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo

www.banthedao.net

www.banthedaohaingoi.org

Email: tnndk4@gmail.com

duyvan2011@gmail.com

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Cây nêu



Một cây nêu ở nông thôn, miền Trung Việt Nam

Cây nêu là một thân cây được người dân Việt Nam nói chung, bao gồm cả một số dân tộc thiểu số và người Kinh, đem trồng trước sân nhà mỗi dịp Tết Nguyên Đán, trên ngọn cây đeo một vòng tròn nhỏ và treo nhiều vật dụng có tính chất biểu tượng tùy theo địa phương, phong tục, dân tộc.

Cây nêu được dựng với mục đích ban đầu, theo truyền thuyết, nhằm ngăn ngừa không cho quỷ từ biển Đông vào đất liền và bén mảng đến nơi người cư ngụ. Tuy nhiên, theo thời gian, theo địa phương, theo dân tộc và tập quán của cộng đồng, ý nghĩa của việc trồng cây nêu ngày Tết đã trải rộng hơn.

Sự tích

Theo Nguyễn Đổng Chi trong Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, sự tích cây nêu được tóm tắt [1] như sau:

Ngày xưa Quỷ chiếm toàn bộ đất nước, còn Người chỉ làm thuê, và nộp phần lớn lúa thu hoạch cho Quỷ. Quỷ ngày càng bóc lột Người quá tay, và cuối cùng Quỷ tự cho mình hưởng quyền "ăn ngọn cho gốc". Người chỉ được hưởng rạ,

tuyệt đường sinh nhai nên cầu cứu Đức Phật giúp đỡ. Phật bảo Người đừng trồng lúa mà trồng khoai lang. Mùa thu hoạch ấy, Người được hưởng không biết bao nhiêu củ khoai, còn Quý chỉ hưởng lá và dây khoai, đúng theo phương thức “ ăn ngọn cho gốc”.

Sang mùa khác, Quý lại chuyển qua phương thức "ăn gốc cho ngọn". Phật bảo Người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quý lại hỏng ăn. Quý tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố "ăn cả gốc lẫn ngọn". Phật trao cho Người giống cây ngô (bắp) để gieo khắp nơi. Quý lại không được gì, còn Người thì thu hoạch cơ man là trái ngô. Cuối cùng Quý nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm nữa.

Phật bàn với Người đứng đầu của Quý, xin miếng đất bằng bóng chiếc áo cà sa treo trên ngọn cây tre. Quý thấy không thiệt hại gì nên đồng ý. Khi đó Phật dùng phép thuật để bóng chiếc áo cà sa đó che phủ toàn bộ đất đai khiến Quý mất đất phải chạy ra biển Đông.

Do mất đất sống nên Quý huy động quân vào cướp lại. Trận đánh này bên Quý bị thua sau khi bị bên Người tấn công bằng máu chó, lá dứa, tỏi, vôi bột... và Quý lại bị Phật đày ra biển Đông. Trước khi đi, Quý xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền viếng thăm phần mộ của tổ tiên cha ông. Phật thương hại nên hứa cho.

Do đó, hàng năm, cứ vào dịp Tết Nguyên đán là những ngày Quý vào thăm đất liền thì người ta theo tục cũ trồng cây nêu để Quý không bén mảng đến chỗ Người cư ngụ. Trên nêu có treo khánh đất, có tiếng động phát ra khi gió rung để nhắc nhở bọn Quý nghe mà tránh. Trên ngọn cây nêu còn buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mở hái để cho Quý sợ. Ngoài ra,

người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía đông và rắc vôi bột xuống đất trước cửa ra vào trong những ngày Tết để cấm cửa Quỷ.

Như vậy, trong truyền thuyết, cổ tích dân gian Việt Nam đã lý giải tại sao ngày tết phải cấm nêu, phải treo cành trúc trước nhà và sự lý giải đó không đi ngoài triết thuyết Phật giáo và Lão giáo. Cây nêu trở thành biểu tượng của sự đấu tranh giữa thiện và ác, giữa thiên thần và quỷ dữ nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên cho con người. Ngày tết thần linh về trời, tất nhiên con người cần có những "bảo bối" của thần nhằm đề phòng cảnh giặc, chống lại sự xâm nhập của ác quỷ lúc con người vui chơi.

Đặc điểm



Cây nêu của người Ca Dong ở Trà Sơn, Bắc Trà My, Quảng Nam

Cây nêu trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam có đặc điểm khá đa dạng tùy thuộc địa phương, phong tục, dân tộc, giai tầng xã hội của chủ nhân v.v. Có loại cây nêu mang tính nguyên sơ, không gắn liền với lễ hội mà hình thức cổ xưa nhất còn thấy ở cộng đồng người Kinh, với tục dùng cành tre dài cắm trên ruộng sau khi gặt. Khi thấy dấu hiệu này, người ta biết là chủ ruộng giữ lại mầm lúa

cho mùa năm sau, không thể tùy tiện thả trâu bò vào ăn. Riêng đối với dân tộc thiểu số, cây nêu loại này xuất hiện ở những vùng rẫy thuộc sở hữu cá nhân chưa khai hoang. Người chủ rẫy tìm bốn cây cao to, chặt đứt ngang thân, dựng ở bốn góc rẫy như bốn cái trụ và gọi đó là cây nêu (Kảnh Dar).

Những cây nêu gắn liền với các lễ hội như ngày tết, hội làng, lễ hội đâm trâu có hình thức cầu kỳ hơn. Cây nêu của người Kinh thường sử dụng một số loại cây họ tre như tre, bương, lồ ô, có độ cao khoảng 5-6 mét, tia sạch các nhánh và lá tre, trong khi đó với các dân tộc thiểu số, là loại cây gỗ chắc chắn được vẽ quanh thân, có tua đại [2].

Trên ngọn cây treo một vòng tròn nhỏ và tùy theo địa phương, vòng tròn này buộc nhiều thứ khác nhau như vàng mã, các lá bùa hình bát quái để trừ tà, nhánh xương rồng, cành lá dứa, bầu rượu bện bằng rơm, giỏ tre đựng xôi và trầu cau, cá chép bằng giấy, giải cờ vải và nhiều khi là những chiếc khánh đất nung tượng tự tác dụng của chuông gió bây giờ để những khánh đó va đập nhau kêu leng keng trong gió.

Với các dân tộc thiểu số cây nêu thường trang trí theo hình thức tô tem giáo trên ngọn, chẳng hạn người Kor trang trí trên đỉnh vật tô tem là con chim chèo bèo. Những vật treo trên cây nêu đều có tác dụng nhất định, như cá chép để Táo quân dùng làm phương tiện về trời nếu cây nêu được dựng lên từ 23 tháng chạp, bùa ngải trừ tà, tiếng động của khánh đất để báo hiệu cho ma quỷ biết nhà có chủ không được vào quấy nhiễu v.v.

Người Gia rai trong lễ bỏ mả dựng cây nêu làm bằng cây gao, trên ngọn treo nhiều lá bùa xanh đỏ bay phất phới theo gió.

Dân tộc Mường trồng nhiều loại cây nêu. Ngoài nêu chính (nêu lớn) được trồng ở giữa sân nhà còn có nhiều cây nêu khác nhỏ hơn, được cắm ở bếp, ngoài vườn, chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà, độn thóc. Trên cây nêu, người Mường không treo khánh nhà Phật như người Việt mà treo nhiều công cụ sản xuất như cày, bừa, cuốc v.v. đan bằng tre nứa.

Cây nêu của người Hmông làm bằng hai thân cây mai (một loại tre) to, già, thẳng, còn ngọn, có lá xanh, không bị sâu, với những nghi thức phức tạp khi chặt cây làm nêu, trồng nêu và bày đồ lễ khấn trước cây. Cả hai cây được chằng buộc để ngọn cây vút cong hướng về phía Tây, phía mặt trời lặn. Cây mai nhỏ hơn (gọi là cây chông) được buộc sát, chắc chắn vào cây mai to (cây vợ). Trên ngọn cây nêu của người Hmông treo 3 đến 5 sợi vải lanh đen (tuỳ cây nêu cao hay thấp) nép cành trúc, buộc thành cờ; và phía dưới sợi vải lanh đen còn buộc 2 túm bắp ngô, 1 cụm lúa, 1 quả bầu nậm đựng rượu, ngoài ra còn có khèn, gậy [3].

Trong những ngày tết cổ truyền, vào buổi tối trên cây nêu có nơi còn treo một đèn lồng nhằm chỉ đường cho tổ tiên biết đường về ăn tết với con cháu. Trong đêm trừ tịch cũng như ngày mùng một Tết người dân còn treo bánh pháo tại cây nêu đốt đón mừng năm mới, mừng tổ tiên về với con cháu, xua đuổi ma quỷ hoặc những điều bất hạnh của năm cũ, cầu mong một năm mới tốt lành.

Quan niệm truyền thống

Tại miền Bắc Việt Nam cây nêu thường được người Kinh dựng vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch, là ngày Táo quân về trời, với quan niệm rằng chính từ chính vì từ ngày này cho tới đêm giao thừa, vắng mặt Táo công, ma quỷ thường nhân cơ hội này lên về quấy nhiễu.[4] Ngày dựng cây nêu gọi là lên nêu, và ngày 7 tháng giêng âm lịch, ngày làm lễ dỡ cây nêu xuống, gọi là ngày hạ nêu. Người Mường trồng cây nêu vào ngày 28 tháng Chạp âm lịch, trong khi đó cây nêu của người Hmông vùng Tây Bắc Việt Nam được dựng trong lễ hội Gầu tào (cầu phúc hoặc cầu mệnh) tổ chức từ ngày 3 đến ngày 5 tháng giêng âm lịch.

Cây nêu được cộng đồng người dân tộc Sán Dìu dựng trong

lễ cầu mùa. Mùa thu, khi đã thu hoạch mùa màng xong, đồng bào Sán Diu tổ chức lễ Đản phàn (đại lễ cầu mùa màng) để tạ ơn trời đất và cầu mong sự bình yên cho người và gia súc, ngày đầu làm lễ dâng thóc giống mời các thần về, cầu hồn lúa đồng thời cúng trị các loại ma ác gây bệnh tật cho con người, phá hoại mùa màng. Sang ngày thứ hai dựng cây nêu.



Cây nêu dựng tại Chùa Long Sơn Nha Trang

Nguyên khởi cây nêu được dựng với ý nghĩa trừ ma quỷ, nhưng ý nghĩa thực của cây nêu trong cộng đồng các dân tộc Việt nam dần trải rộng hơn thế. Theo thời gian, cùng với sự phong phú của các đồ lễ treo trên ngọn cây, cây nêu được coi là cây vũ trụ nối liền đất với trời, do tín ngưỡng thờ thần mặt trời của các dân tộc cổ sơ, hàm chứa ý thức về lãnh thổ của người Việt. Dựng nêu ngày tết bao gồm trong nó cả các dụng ý để trừ ma, quỷ, thờ phụng thần linh và vong hồn tổ tiên, tẩy trừ những điều xấu xa của năm cũ.

Trong xã hội thị tộc, chiếm hữu nô lệ thì cây nêu biểu trưng cho một cộng đồng tộc người, khẳng định địa vực cư trú của cộng đồng đó. Trong các lễ hội, cây nêu là tiêu điểm tập trung, cố kết của tâm thức cộng đồng. Đối với cư dân nông nghiệp, nông lịch luôn gắn bó với cuộc sống, định hình thời vụ sản xuất và sinh hoạt, lễ hội. Thời điểm cuối năm là thời điểm nông nhàn, chuẩn bị bước vào các hoạt động vui chơi. Khi cây nêu được dựng lên, tất cả mọi hoạt động khác đều dừng lại. Nó tạo nên thế cân bằng tuyệt đối trong sự vận hành thay đổi giữa năm cũ và năm mới. Con người yên tâm

vui chơi, cả cộng đồng sinh hoạt vui vẻ, quên đi những ưu phiền của năm cũ. Cây nêu của người dân tộc thiểu số được dựng lên để cáo tế thần linh dự lễ hội đâm trâu, cầu mong mùa màng tươi tốt. Với con trâu cột chặt buộc phải chạy vòng quanh cây nêu và mọi thành viên trong cộng đồng hòa nhập vào lễ tế linh thiêng khi nhảy múa xung quanh, phản ánh một triết lý về sự vận hành âm dương. Cây nêu của người Kinh cũng mang triết lý âm dương thông qua những con số Lạc thư và các quả Kinh dịch được thể hiện qua các biểu tượng treo trên ngọn cây.

Ngày xưa, cây nêu là biểu tượng cho sự uy quyền, nhà nào có quyền thế nhất là nhà đó có cây nêu cao nhất. Hiện nay do đô thị hóa, sân bãi không đủ to và rộng, phong tục trồng cây nêu ngày tết với người Việt vùng đô thị được thay thế với tục chơi cành hoa đào, hoa mai ngày tết, bày trong nhà. Cây nêu thường bắt gặp tại một số vùng có sân bãi rộng,[5] trong cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng thượng du Bắc Bộ hay Tây Nguyên.

Chú thích

1*- Cây nêu ngày tết Lưu trữ 2008-01-23 tại Wayback Machine Tạp chí Quê Hương trên Internet Truy cập ngày 29 -1-2008.

2*- Cây Nêu trong tâm thức dân tộc Lưu trữ 2007-07-12 tại Wayback Machine Tạp chí Văn Hóa Cơ Sở Truy cập ngày 29 Tháng 1 Năm 2008.

3*- “Giải mã lễ hội Gầu tào người Hmông, cập nhật Thứ bảy ngày 3 tháng 2 năm 2007, 00:00”. Bản gốc lưu trữ ngày 7 tháng 2 năm 2009. Truy cập ngày 30 tháng 1 năm 2008.

4*- Sự tích và ý nghĩa của việc dựng cây nêu ngày Tết

5*- “Lễ thượng tiêu - dựng cây nêu đón Tết tại Huế”. Báo điện tử VOV. 25 tháng 1 năm 2022.



I* - Chúc Mừng Năm Mới Quý Mão 2023

Quý Mão Xuân về vẻ lạc quan,
Hồi sinh vạn vật toả huy hoàng.
Mai đào khoe sắc mừng xuân mới,
Ong bướm chập chờn đón nhụy vàng.
Xuân chúc đệ huynh vui sống Đạo,
Xuân mừng nam nữ phước Trời ban.
Đồng môn hòa ái đường tu vững,
Đừng tiếc Xuân qua, giấc mộng tràng!

Hoàn Nguyên

HỌA 1

Đón Xuân năm mới cổ trang hoàng
Phong cảnh đẹp tươi có mỹ quan
Sân trước Mai Đào khoe sắc thắm
Trong nhà hoa quả đỏ xanh vàng
Chúc cho Huỳnh Tỷ vui nguồn Đạo
Đệ Muội hanh thông giáo lý ban
Quý Mão cầu mong nhiều hạnh phúc
Thương yêu nhơn loại toả lan tràng ...

Yên Hà

26/10/2022

HỌA 2

Mừng Xuân Quý Mão giác hương quan
Thịnh trị thanh bình Thánh địa hoàng
Lạc nghiệp Hoa Kỳ cơ hội mới

Định cư đất khách dịp may vàng
Nhâm Dần, tổng cựa, bao nhiêu thương
Quý Mão, nghinh tân, biết mấy ban
Chúc thọ an khang dăng quả phẩm
Mừng Xuân đất khách lễ đàn tràng...

Mai Xuân Thanh
October 26, 2022

HỌA 3

Nảy lộc rừng Xuân điểm cảnh quan,
Tân niên Quý Mão vẻ huy hoàng.
Phục sinh nhơn vật khoe tươi sáng
Vờn lượn bướm hoa tắm nắng vàng.
Xuân chúc yêu thương hòa thế giới,
Xuân cầu công chánh hiệp Thiên ban.
Xuân mong bốn biển nhìn chung cội,
Chấm dứt chiến tranh, chuyện dã tràng?

Duy Hòa
Sacramento, 26-10-22

HỌA 4:

Tổng Cựa Nghinh Tân

(Nhâm Dần 22- Quý Mão 23)

Nghinh Tân tổng cựa hết bi quan
Quý Mão, Nhâm Dần hoán vị hoàng
Nảy lộc cành Xuân ra trái chín
Đâm chồi nụ búp trở bông vàng
Cọp đi luân chuyển vô thường lại
Mèo đến tuần hoàn Thánh đức ban
Tết nhứt trồng lân ông Địa quạt

Nhơn sanh phúc khí kết hoa tràng...

Mai Xuân Thanh

October 26, 2022

HỌA 5

Đạo Tràng Xuân .

Bao năm ấp ủ giấc hương quan
Bát ngát trên mây bóng phượng hoàng
Toà Thánh vẫn vươn cao cõi phước
Quê Cha còn rực sáng cờ vàng
Mới hay Xuân tái do Trời độ
Càng hiểu Thời lai tự Phật ban
Tuổi tác tăng thêm cùng thiện hữu
Hồi kinh học Đạo đẹp gia trang ...

Cao My Nhân

Los Angeles 28-10-2022

HỌA 6

Xuân đến, Xuân đi cảnh củ tàn,
Xuân nồng, Xuân mới khởi Vinh quang.
Xuân Đồi mở rộng tình Nhơn Ái,
Xuân Đạo dịu Đồi vạn phúc an.
Quý Mão Cầu Xin Trời Cứu khổ,
Vạn Linh Sanh chúng hết lầm than.
Chiến tranh Nạn ách Thiên tai mãi,
Cầu nguyện CHÍ TÔN giải nạn tan.

Mỹ Nga, 30/10/2022

ÂL,06/10/Nhâm Dần.



II*- Kính Mừng Đại Lễ Đức Chí Tôn (Mồng 9 tháng Giêng Quý Mão)

Mồng chín tháng giêng vía Chí Tôn,
Vạn Linh tùng xuất đại chơn hồn.
Thương yêu công chánh Thiên nhân ước,
Dưỡng tánh tu tâm Thánh Đức tôn.
Mở Đạo Tam kỳ quy thế giới,
Độ đời vạn giáo hiệp Thiên môn.
Nhẫn hòa yếu chỉ cơ siêu thoát,
Thức tỉnh nhơn sanh trống giục đồn.

Hoàn Nguyên

HỌA 1

Ngày Vía Đức Chí Tôn

Ngọc Đế Cha Trời Đức Đại Tôn
Chiết Thần nhơn loại có linh hồn
Tình thương vô tận thời Nguơn Hạ
Diệu bút Tiên Gia ý bảo tồn
Đại Đạo Tam Kỳ cơ cứu rỗi
Ngũ Chi Tam Giáo hội đồng môn
Tỏ lòng tôn kính Ngài sâu đậm
Sanh chúng gắng tu trống thúc đồn..

Yên Hà

30/10/2022

HỌA 2

Nhớ Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn

Ngọc Hoàng Thượng Đế Đại Thiên Tôn
Mừng Chín tháng giêng lễ Vía hồn
Tín nữ tu tâm mơ sống thọ
Thiện nam dưỡng tánh ước sinh tồn

Cao Đài phổ độ qui nguyên giáo
Đại Đạo hoàng khai nguyện nhập môn
Thế giới tinh tâm Toà Thánh Thất
Nhon sanh giác ngộ mở chuông dồn...!

Mai Xuân Thanh

October 30, 2022

HỌA 3

Sáng danh Đức Chí Tôn

Đạo lý Phật Trời chôn Thượng Tôn
Nhân gian thế giới sáng linh hồn
Giữ chân, thiện, mỹ cho cao quý
Có đức, tài, tâm mới đại tồn
Cảnh vật muôn loài quanh Thánh Đế
Thiên thu vạn kiếp trước Thần Môn
Tu thân lễ nghĩa bao liêm sỉ
Chiêng trống lừng vang vọng dập dồn...

Cao My Nhân

Hawthorne 31 - 10 - 2022

HỌA 4

Đại Lễ Mừng Nay Vía Chí Tôn
Tháng Giêng mông chín độ Chơn Hồn.
Càn Khôn CHA nắm quyền cai quản,
Thượng Phật Công Bình Đức Bảo Tôn.
Ban rải Hồng Ân toàn Thế Giới,
Tam Kỳ Phổ Độ hiệp đồng môn.
Long Hoa Hội Tuyên phong Tiên Vị
Mau Kíp Tu Chơn trồng thúc dồn.

Mỹ Nga

Texas 01/11/2022

HỌA 5: Ngày Đại Lễ

Mùng chín Vía Thầy - Đức Chí Tôn,
Trần ai vạn chúng nguyện thần hồn...
Ta bà công chính Cha thương quản,
Thế giới bình an Thượng độ tồn.
Đại Đạo Cao Đài gom tánh Đức,
Dương gian Giáo pháp tựu duyên Môn.
Nhân hoà Thánh thiện câu kinh niệm,
Tự tỉnh, tu tâm vọng kính đôn.

Song Linh (03-11-2022)

III*- Đại Lễ Thượng Nguyên

Thượng Nguyên sử tích thật cao minh
Rằm tháng Giêng, Đại Lễ Thánh nghinh
Đại Đạo Tam Kỳ chơn diệu pháp
Cửu Huyền Thất Tổ nguyện siêu linh
Chí Tôn đại xá ban ân huệ
Các đẳng chơn hồn giải nghiệp sinh
Chiến sĩ trận vong cầu giải thoát
Hồng ân chan rưới phục hồi vinh ...

Yên Hà (7/11/2022)

HỌA 1

Vũ trụ khởi đầu Thái cực minh,
Thượng nguơn tạo hóa lễ cung nghinh.
Chơn hồn, chiến sỹ ban siêu rỗi;
Thất tổ Cửu Huyền xả nghiệp linh.
Lập Đức giúp huờn ngôi phụ mẫu,
Lòng từ mở khóa cõi trường sinh.
Chí Tôn xá tội chư linh đẳng,

Định tinh vọng cầu cõi hiền vinh.

HOA 2 **Hoàn Nguyên (7 -11-2022)**

Tháng giêng chánh nguyệt khởi tiền minh
Rằm Thượng Nguơn đàn cúng tiếp nghinh
Đại Đạo hoằng khai đây giáo lý
Tam Kỳ Phổ Độ đó sanh linh
Ông bà thờ phượng cơ siêu thoát
Chiến sĩ trận vong nghiệp tử sinh
Xá tội, Long Hoa, quy cựu vị
Nguyện cầu các đấng được tôn vinh...!

Mai Xuân Thanh (7-11- 2022)

* * *

(Tiếp theo trang 27)

Chúng ta có thể kể một vài nhân vật nổi tiếng sinh năm Mão: Trần Nhật Duật (Ất Mão 1255 - 1330), Phạm Ngũ Lão (Ất Mão 1255 - 1320), Trần Quốc Toản (Đinh Mão 1267 – 1285), Mạc Đăng Dung (Quý Mão 1483 – 1541), Nguyễn Hữu Dật (Quý Mão 1603 - 1681), Nguyễn Thiếp (Quý Mão 1723 – 1804), Ông Ích Khiêm (Tân Mão 1831 – 1884)

Xem ra tạo hóa ưu đãi giống mèo. Mèo là vật nuôi nhàn nhả nhất, tự do nhất, ít bị hành hạ nhất. Mèo được coi là thú cưng vì đặc tính của chúng giống người, độc lập, tự chủ, hành động theo ý của chúng. Mèo có khả năng xoa dịu tinh thần, là người bạn đồng hành thân thuộc và có thể đem lại tình yêu thương vô điều kiện cho con người. Có mèo ở bên, chúng ta sẽ bớt căng thẳng.

Năm Quý Mão đến, chúc các bạn được nhiều mèo quý.

(Lê Tấn Tài)

TIN THÁNH THẮT SAN JOSE CALIFORNIA

1*- Công cử thêm tân Chức Việc Bàn Trị Sự



Vào lúc 2 giờ chiều ngày 02 tháng 10 năm 2022 Thánh Thất San Jose CA có buổi họp công cử Chức Việc Thánh Thất. Ba Hiền tỷ dưới đây đã được tín nhiệm với số phiếu trên 80% vào các chức vụ sau đây:

- 1 - Hiền tỷ Đặng Kim Sơn được tín nhiệm làm Phó Trị Sự
- 2 - Hiền tỷ Nguyễn Thiên Thanh được tín nhiệm làm Thông Sự
- 3 - Hiền tỷ Nguyễn Thị Lượng trước đây là Thông sự Thánh Thất San Jose, nhưng vì bận việc gia đình đã xin nghỉ lo gia đình. Nay được tín nhiệm để tiếp tục làm Thông Sự lại.

Vào ngày 8-11-2022 (ngày rằm tháng 10 Nhâm Dần) 2 tân Chức Việc Đặng Kim Sơn và Nguyễn Thiên Thanh nêu trên đã Minh Thệ tại Thánh Thất San Jose để nhận nhiệm vụ, Riêng vị Thông sự Nguyễn Thị Lượng vì trước đây đã minh

thệ rồi nên nay không phải minh thệ nữa.

2*- Bầu cử tân Qu. Đầu tộc Tộc Đạo Santa Clara CA

Hôm nay, Chủ Nhật ngày 04/12/2022, vào lúc 1 giờ 30 chiều Thánh Thất San Jose đã tổ chức một đại hội tại phòng họp để bầu cử vị tân Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara tiểu bang California.

Tại phòng họp chúng tôi nhận thấy HH Trần Minh Thành (nguyên Quận Đoàn Trưởng Đại Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara) làm MC cho Đại hội và các thành phần khác trong Đại hội như sau:

1*- CHỦ TỌA ĐOÀN :

Trên bàn Chủ Tọa chúng tôi nhận thấy có:

- *- HH Cựu Qu. Đầu Tộc Đạo CTS Mai Ngọc Tuyết
- *- Hiền Tỷ Qu. Quản Tộc ĐTPM Hành Thiện Lê Thị Lệ
- *- HH Thông Sự TT San Jose Lương Văn Chính

2*- BAN GIÁM SÁT

- *- Thính Thiện ĐTPM Nguyễn Minh Đức
- *- Hộ Vụ TT San Jose Ngô Khắc Vũ

3*- THƯ KÝ : Mai Xuân Thanh (Lễ Vụ)

Thành phần tham dự đại hội gồm có:

- Chức việc BTS 2 Hương Đạo San Jose 1 & San Jose 2 và Đồng Đạo TTSJ
 - Ban Quản Tộc, Thính Thiện Tứ Vụ và Đồng Đạo ĐTPM
- Tổng số người tham dự là 30 vị

Sau khi đọc Kinh Nhập hội MC Trần Minh Thành tuyên bố lý do tổ chức Đại Hội và các diễn biến như sau :

CTS Nguyễn Thế Long, Qu. Đầu Tộc tuyên bố mãn nhiệm kỳ và ngỏ lời cảm ơn Hội Thánh và nêu lên lý do tổ chức Đại Hội.

Trong phần đề cử ứng viên giữ nhiệm vụ Qu. Đầu Tộc CTS Nguyễn Thế Long đề cử CTS Hồ Văn Gấn (Đầu Hương Đạo San Jose 1). Tiếp theo lời đề cử này CTS Gấn nêu lý do không tranh cử, xin từ chối

- Chủ Toạ Đoàn CTS Mai Ngọc Tuyết chấp nhận

PTS Nga đề cử CTS Dương Minh Đức và CTS Đức cũng đã từ chối sự đề cử nêu lý do mới mang phẩm CTS của mình.

Chủ Toạ Đoàn và Ban Giám Sát cũng chấp thuận

Sau khi tham khảo ý kiến các vị hiện diện trong phiên Đại hội, mọi người đồng ý bỏ phiếu kín.

Kế tiếp Ban Giám Sát phát phiếu bầu theo qui định

Ban Giám Sát đã kiểm phiếu bầu và kết quả như sau:

Tổng số phiếu bầu: 30

Chỉ có 2 phiếu trắng và 28 phiếu còn lại đều tín nhiệm bầu CTS Nguyễn Thế Long tiếp tục giữ nhiệm vụ Qu. Đầu Tộc thêm một nhiệm kỳ nữa.

Chủ Toạ Đoàn CTS Mai Ngọc Tuyết tuyên bố :

CTS Nguyễn Thế Long tái đắc cử Quyền Đầu Tộc Đạo Santa Clara với tỷ lệ 28/30

MC Trần Minh Thành giới thiệu Tân Qu. Đầu Tộc lên phát biểu và CTS Nguyễn Thế Long đứng trước Đại Hội xin nhận lãnh trọng trách Tân Qu. Đầu Tộc và phát biểu đôi lời cảm tạ trước cử tọa Đại Hội...

Đại hội đã kết thúc vào lúc 2 giờ 30 chiều cùng ngày.



TIN ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU SAN JOSE CA Công cử Một Số Vị tân Thánh Thiện

Trong 2 ngày 27-8-2022 (ÂL 1-8 Nhâm Dần) và ngày 10-9-2022 (ÂL 15-8 Nhâm Dần) tại ĐTPM San Jose CA đã có phiên họp để cử xét và công cử một số vị tân Thánh Thiện. Sau khi cân nhắc và thảo luận lần lượt từng hồ sơ một, phiên họp đã bầu chọn khoảng 10 vị tân Thánh Thiện vì những vị này đã phục vụ rất nhiều năm và có thành tích tại ĐTPM Những vị tân Thánh Thiện này sau đó đã Minh Thệ tại Thánh Thất San Jose CA để làm nhiệm vụ.

Vào ngày 18-9-2022 (ngày 23-8 Nhâm Dần) ĐTPM cũng đã có phiên họp nhất trí bầu Thánh Thiện Lê Thị Lệ Qu. Quần tộc lên phẩm Hành Thiện và Hành Thiện Lê Thị Lệ đã Minh Thệ vào ngày 8-11-2022 tại Thánh Thất San Jose.

Sau đây là một số hình ảnh Lễ Minh Thệ:





Lễ Minh Thệ của Hành Thiện Lê Thị Lệ Qu. Quản Tộc ĐTPM San Jose, PTS Đặng Kim Sơn & Thông Sự Nguyễn Thiên Thanh ngày 8-11-2022 (Ngày Rằm tháng 10 Nhâm Dần) tại Thánh Thất San Jose California.



TIN BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Ban Thế Đạo Hải Ngoại tổ chức
bầu cử BQN/BTĐHN nhiệm kỳ 10 (2022-2025)

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 tuy có giảm, nhưng vẫn còn nguy cơ lây lan các nơi, gây trở ngại trong việc tụ tập đông người cũng như di chuyển xa nên Ban Thế Đạo Hải Ngoại, sau nhiều phiên họp thảo luận đã quyết định tổ chức bầu cử BQN/BTĐHN nhiệm kỳ 10 (2022-2025) qua phương thức bầu qua e-mail và qua bưu điện (cho những vị không dùng email).

Cuộc bầu cử BQN/BTĐHN đã bắt đầu vào ngày 10-7-2022 và kết thúc vào ngày 3-10-2022 với kết quả như sau:

Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Đăng Khích
Hai Phó Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Sam &
HT Nguyễn Thành Hưng

Sau đó do QĐ số 05 và QĐ số 07/VP/QĐ/BTĐHN ngày 25-10-2022 Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công bố thành phần Ban Quản Nhiệm / BTĐHN và Ban Cố Vấn như sau:

Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Đăng Khích
Đệ I Phó Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Sam
Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm: HT Nguyễn Thành Hưng

***- Nhiệm Giáo Lý:**

Trưởng Nhiệm: HT Lê Thành Hưng

***- Nhiệm Văn Hóa Xã Hội:**

Trưởng Nhiệm: HT Hồ Văn Trị

Phó Trưởng Nhiệm HT Lê Thành Sơn đặc trách kỹ thuật trang Web BTĐHN

Phó Trưởng Nhiệm: HT Lê Thị Thu Vân đặc trách quản lý bài vở trang web BTĐHN

***- Nhiệm Ngoại Vụ:**

Trưởng Nhiệm: HT Trương Thị Vân Lan

***- Nhiệm Thanh Sát:**

Trưởng Nhiệm: HT Võ Ngọc Độ

Phó Trưởng Nhiệm: HT Nguyễn Bán

***- Các Ban Đại Diện/ BTĐHN tại các địa phương**

1*- Ban Đại Diện /BTĐHN tại Úc Châu

Trưởng Ban: HT Nguyễn Bán

Phó Trưởng Ban: HT Thái Nguyệt Lâm

Thư Ký kiêm Thủ Quỹ: HT Nguyễn Minh Phụng (nữ)

2*- Ban Đại Diện /BTĐHN tại Bắc California - Hoa Kỳ

Trưởng Ban: HT Nguyễn Thành Hưng Đệ II Phó

Tổng Quản Nhiệm / BTĐHN kiêm nhiệm

3*- Ban Đại Diện/BTĐHN tại Tiểu bang GA Hoa Kỳ:

Trưởng Ban: HT Võ Ngọc Độ

4*- Ban Đại Diện/BTĐHN tại Tiểu bang Ohio Hoa Kỳ

Trưởng Ban: HT Nguyễn Ân Hồng

5*- Ban Đại Diện/BTĐHN tại Tiểu bang AL Hoa Kỳ

Trưởng Ban: HT Lê Thành Hưng

6*- Ban Đại Diện/BTĐHN tại Tiểu bang Texas Hoa Kỳ

Trưởng Ban: HT Hồ Văn Trị

Phó Trưởng Ban: HT Cao Văn Triết

***- Ban Cố Vấn/BTĐHN**

Trưởng Ban: QS Nguyễn Ngọc Dũ

Thành viên: HT Nguyễn Hữu Nghiệp

LỄ MINH THỆ TÂN BQN/BTĐHN
Nhiệm kỳ 10 (2022-2025) tại
Thánh Thất San Jose - TB California - Hoa Kỳ

Vào chiều ngày 10-10-2022 lúc 18.00 giờ (ngày giò TB California) tại Thánh Thất San Jose TB California, một Lễ Minh Thệ BQN/BTĐHN đã được cử hành tiếp sau Đàn cúng Rằm tháng 9 Nhâm Dần tại Thánh Thất.

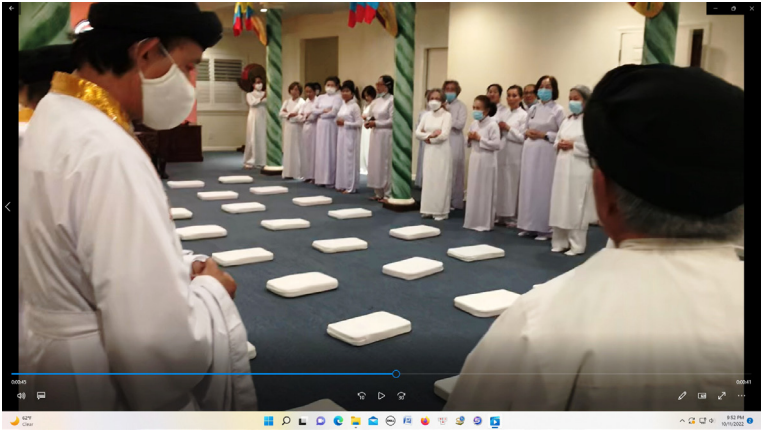
Đàn cúng Rằm tháng 9 Nhâm Dần tại Thánh Thất đã được tổ chức rất trang nghiêm và được đông đủ Chức Việc BTS cùng đông đảo đồng đạo tham dự và nhân số tổng cộng khoảng 60 vị. BTĐHN cũng đã có 4 vị tham dự đàn cúng.

Sau Đàn cúng Lễ Minh Thệ cũng được nhị vị Qu. Đầu Tộc Nam Nữ và Bàn Trị Sự lưỡng phái hai Hương Đạo và đồng đạo tham dự. Vị CTS Nguyễn Thế Long Qu. Đầu Tộc Đạo cầu nguyện trước và QS Nguyễn Ngọc Dũ đã đọc Lời Minh Thệ cho HT Nguyễn Đăng Khích Tân TQN/BTĐHN và HT Sam Nguyễn Phó TQN/BTĐHN đọc theo trước Bàn Thờ Đức Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

Sau cùng QS Nguyễn Ngọc Dũ ngỏ lời cảm ơn Thánh Thất San Jose CA, chư Chức Sắc, Chức Việc BTS và đồng đạo đã tham dự Lễ Minh Thệ này.

Lễ Minh Thệ đã được chấm dứt vào khoảng 19 giờ 30 cùng ngày.

Sau đây là vài hình ảnh buổi Lễ,













Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PO Box 21577, San Jose, CA 95151

HT Nguyễn Đăng Khích ĐT: (408) 823-6044 (Xin
nhấn máy) Email: tnnk4@gmail.com

II- Ban Đại Diện BTĐHN @ Bắc CA - Hoa Kỳ

*- **Trưởng Ban:**

HT Nguyễn Thành Hưng ĐT: (408) 621-4468
Email: thanhhungnguyen122@gmail.com

III- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Ohio - Hoa Kỳ

*- HT Nguyễn Ân Hồng ĐT: (937) 416-6519
Email: zthienan@yahoo.com

IV- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Alabama - Hoa Kỳ

*- HT Lê Thành Hưng ĐT: (256) 617-2595
Email: lethanhhung1942@yahoo.com

V- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Georgia - Hoa Kỳ

*- HT Võ Ngọc Độ ĐT: (770) 377-9264
Email: usv_markdovo@yahoo.com

VI- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Texas Hoa Kỳ

*- HT Hồ Văn Trị ĐT: (972) 939-5100
Email:trivanho@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Úc Châu

*- HT Nguyễn Bán: ĐT: +61 4 0679 7993
Email: banthuy@icloud.com

Tường Nguyễn DDS & Huệ Tô DDS	
San Jose CA	200.00
Trần Kim Anh, Chamblee GA	50.00
Trương Thị Khanh, Oakland CA	100.00

Cộng(1): 1,495.00

II - In Kinh Sách

CaoDai Temple Association of WA	150.00
Hà Thị Nết, Garden Grove CA.	100.00
Lưu Văn Chỉ, San Jose CA	20.00
Ngô Thị Bạch Cúc, San Jose CA	40.00
Nguyễn Thị Nữ, Norcross GA	20.00
Đoàn Văn Giáp, Lake City GA	50.00

Cộng (2): 380.00

Tổng số tiền yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại (1+2) từ ngày 16-9-2022 đến ngày 15-12-2022 là Một ngàn tám trăm bảy mươi lăm đôla (US\$ 1,875.00)

San Jose, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Ban Thế Đạo Hải Ngoại



THÁNH THẮT CAO ĐÀI GEORGIA
PHÂN ƯU



Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Đạo hữu
PHẠM THỊ BẠCH

Sanh ngày 10-4-1952 nhằm ngày 16-3 năm Nhâm Thìn

Đã quy vị lúc 3.45 PM ngày 12-9-2022 (nhằm ngày 17 tháng 8 năm Nhâm Dần) tại Bệnh viện Emory thành phố Atlanta. Tiểu Bang Georgia - Hoa Kỳ

Hương Trung Thọ 71 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng HH Nguyễn Thành Công (phu quân của Hiền Tỷ Phạm Thị Bạch) và gia đình cùng tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh Cố đạo hữu Phạm Thị Bạch sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu

BTS Hương Đạo Atlanta Thánh Thất Cao Đài Georgia
Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi & Thanh Niên thuộc TT Georgia.
Đông đạo Cao Đài Thánh Thất Georgia.

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI & THÂN HỮU

X X X

PHÂN ƯU



Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Đạo hữu

TRẦN VĂN TRIÊN

Hội viên Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu

Đã quy vị ngày 30 tháng 8 năm Nhâm Dần (nhằm ngày 25 tháng 9 năm 2022) tại San Jose California.

Hưởng Thượng thọ 89 tuổi

Chúng tôi xin:

*- Thành thật chia buồn cùng đạo hữu Trần Tiếp Lượng và tang gia hiếu quyến về sự mất mát to lớn này.

*- Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi hương linh cố đạo hữu Trần Văn Triên Hội viên HTTCD & TH sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống

Hội Đồng Quản Trị - Ban Giám Sát
Ban Điều Hành Hội và Toàn thể Hội viên
Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI PHÂN ƯU



Chúng Tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Hiền Tài HỒ VĂN HOÀNG

Nguyên Cựu Tổng Quản Nhiệm
Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhiệm kỳ 1 (1995-1998)

Đã từ trần ngày 14 tháng 10 năm Nhâm Dần
tại Garden Grove, California - Hoa kỳ

Hưởng Thượng Thọ 88 tuổi

Ban Thế Đạo Hải Ngoại thành thật chia buồn cùng Hiền
Đệ Hồ Minh Hoàng Việt và tang gia hiếu quyến

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và
các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi Chơn Linh Cố HT Hồ Văn
Hoàng được cao thăng Thiên vị.

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Cố Vấn & Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại

- *- Các Ban Đại Diện BTĐHN tại Bắc CA, tại TX Hoa kỳ
- *- Các Đại Diện BTĐHN tại GA, tại AL và tại OH Hoa kỳ
- *- Ban Đại Diện BTĐHN tại Australia
- *- Hệ thống truyền thông / BTĐHN:

Bản Tin Thế Đạo và Tập san Thế Đạo

www.banthedao.net & www.banthehaingoai.org

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI PHÂN ỦU



Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Quốc Sĩ BÙI ĐÔNG PHƯƠNG

Nguyên cựu Phó Tổng Quản Nhiệm / BTĐHN
Đã từ trần ngày 18 - 10 năm Nhâm Dần tại NSW Úc

Hưởng Thọ 88 tuổi

Ban Thế Đạo Hải Ngoại thành thật chia buồn cùng Hiền Tỷ Quả phụ Bùi Đông Phương, nhũ danh Lê thị Hồng Thủy, quý HT Bùi Lê Phong, HT Nguyễn Minh Phụng & HT Phạm Ngọc Nhi cùng tang gia hiếu quyến

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi Chơn Linh Cố Quốc sĩ Bùi Đông Phương được cao thăng Thiên vị.

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ỦU

Ban Cố Vấn & Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại

- *- Các Ban Đại Diện BTĐHN tại Bắc CA tại TX Hoa kỳ
- *- Các Đại Diện BTĐHN tại GA, tại AL và tại OH Hoa kỳ
- *- Ban Đại Diện BTĐHN tại Australia
- *- Hệ thống truyền thông / BTĐHN:

Bản Tin Thế Đạo và Tập san Thế Đạo

www.banthedao.net & www.banthedaohaingoai.org

Học Về Chữ Tâm trong THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN

Đọc Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ,chúng ta thấy kể từ khi Đức Chí Tôn giáng cơ lập Đạo năm 1926,Thầy đã không ngớt khuyên răn, dạy dỗ các môn đệ của Thầy :

”Các con. . . Ngày nay Đạo đã khai,tức là Tà khởi.Vậy thì các con phải hết lòng hết sức mà gìn giữ lấy mình ;đã chẳng phải giữ mình các con mà thôi ,lại còn gìn giữ cả môn đệ của Thầy nữa. . .”

Từ năm 1926 về sau này,qua cơ bút,Đức Chí Tôn đã không ngừng dạy dỗ nhắc nhở con cái của Thầy răn gìn lòng Đạo Đức,Tu Tâm Dưỡng Tánh để thoát khỏi sự cám dỗ của Tà Thần Tinh Quái,chờ ngày về hội hiệp cùng Thầy.

Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao-Đài,
Bởi Đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn,năng cứu chuộc,
Gìn lòng Tu Tánh chớ đơn sai.
(Đàn cơ ngày 19-12-1926)

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ giới vọng ngôi cao.
Sang hèn trối kệ Tâm là quý,
Tâm ấy Toà sen chỗ Lão ngồi.

Trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo ,Thầy có giải về chữ Tâm như sau: “ Con người nên chủ cái Tâm ,gìn cái Ý,mà bảo tồn lấy Tam Bửu,Ngũ Hành.Tam Bửu là cái báu nhất của

con người; thành Phật, Tiên cũng do đó, mà làm ma quỷ cũng tại đó. . . ”

Theo Thánh Ngôn Thánh Giáo truyền dạy thì việc Tu Tâm Dưỡng Tánh là đệ nhất Pháp Môn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ do Đức Chí-Tôn sáng lập, giúp cho kẻ tu hành đoạt cơ giải thoát và là con đường duy nhất đưa nhân loại đi đến chỗ Huynh Đệ Đại Đồng.

Với chủ đề “ Học về Chữ Tâm ” người viết bài này không dám lược giải Thánh Ngôn Thánh Giáo, mà chỉ làm việc trích lược, đúc kết (chưa đầy đủ) những lời châu ngọc của Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng Liêng dạy về chữ Tâm trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển do Hội Thánh Cao-Đài Toà Thánh Tây Ninh tái bản năm 1964-1966 để chúng ta, những môn đệ của Thầy và những ai quan tâm trên con đường Tu học cùng nhau chiêm nghiệm và học hỏi. . . .

A- Phần Thánh Ngôn Thánh Giáo qua các bài Thi Văn Dạy Đạo :

Thi Văn Dạy Đạo

Gắng sức trau dồi một chữ Tâm,
Đạo ĐỜI muôn việc khỏi sai lầm .
Tâm Thành ắt đạt đường Tu vững,
Tâm Chánh mới mong mỗi Đạo cầm.
Tâm ái nhân sanh an bốn biển,
Tâm Hoà thiên hạ trị muôn năm.
Đường Tâm cửa Thánh dù chưa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tâm .

* * *

Đạo cao thâm, Đạo cao thâm,
Cao bất cao, thâm bất thâm.

Cao khả xạ, hê thâm khả điều,
Cao thâm vạn sự tại Nhơn Tâm.

* * *

Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay,
Ngặt nổi là xưa chẳng thể bày.
Đạo hạnh khuyên con gìn Thánh Đức,
Cửa Cung Bạch Ngọc đã gần khai

* * *

Lợi danh đã đọa biết bao người,
Nhiều kẻ nay còn ý dễ người.
Hễ muốn lợi danh mang thất Đức,
Thờ chung danh lợi hết gần Trời.

* * *

Dưỡng Tánh Tu Tâm tua gắng sức,
Ngày sau toại hưởng trọn Thiên ân.

* * *

Trau Tâm hiệp sức vun nên Thánh,
Dưỡng Tánh chờ khi sạch bợn Trần.
Phước gặp Tam Kỳ Trời cứu độ,
Gắng Tu kịp bước lướt đài vân.

* * *

Mấy kẻ xét mình Tâm tự cải,
Thân danh bề khổ mặc buông trôi.

* * *

Biết Đạo khá lo trau Hạnh Đức,
Dĩ lành đọi buổi cũng cân phân.

* * *

Gín lòng chơn chánh chớ Tà tây,
Thường phạt về sau cũng hội này.
Trước hết sửa mình Tâm chí vẹn,
Sau nương cảnh tịnh mới nên hay.

* * *

Tìm nguồn Đạo Đức Tâm phạm gột,
Danh mà chi lợi ấy mà chi.

* * *

Dò theo đường chánh chớ sai lầm,
Biết Đạo cần trau một chữ Tâm.
Tiên Phật nơi mình đâu phải khó,
Khó do chẳng trọn tâm Chơn Thành.

B-Phần Thánh Ngôn Thánh Giáo dưới các thể loại.

“ Đạo cốt cho kẻ hữu duyên ,những kẻ nào đã làm môn-đệ của Tà Thần Tinh Quái thì không thể gì làm môn-đệ của Thầy được. . .”

Mối Đạo từ đây rán vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đĩnh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
(Đàn cơ ngày 12-09-1926)

“ Tâm trung chính đáng là làm cốt cho Tiên Thánh; còn Tâm chí vạy Tà là chỗ của Tà quái xung nhập . .” (Đàn cơ ngày 23-11-1926).

“ Hại thay lũ quỷ lại là phần nhiều,nó bày bố ra mọi nơi một gia cuộc mà dỗ dành các con.Ấy vạy,Đạo Đức của các con là phương pháp khử trừ Quỷ mị,cũng là phương diu dắt các

con trở lại cùng Thầy. .(Đàn cơ ngày 19-11-1926).

“ Thầy thấy nhiều đứa các con còn có ý theo Đạo đặng toan kế làm nhiều việc chẳng lành . . .nhiều đứa vô Tâm ,cũng muốn cho chúng nó ăn năn chừa lỗi ngõ hầu hưởng phúc, mà chúng nó không biết tự hối ,thì làm sao rồi đặng . . .”
(Đàn cơ ngày 13-12-1926)

“ Tài mọn,Đức hèn,mượn chước khoe mình,việc kính thành Thánh Giáo,hư thiệt,thiệt hư đâu qua máy hành tàng của Tạo hóa .Nhơn luân giữ trọn ,ấy là mối Đạo Nhân,lo Thánh Đức trau lòng đó là phương thoát tục. . .”(Đàn cơ ngày 7-11 Bính Dần).

“ Thầy vì đức hiếu sanh nên thu nhập nhiều đứa lương-tâm chưa chính đáng ,là Thánh Ý để cho chúng quy Chánh cải Tà ;nhưng thói phạm tục lung lảng chẳng dứtBiển khổ đã lắm nổi chìm,mà nhành dương liễu chẳng mau vói nứu,đọa trầm luân chưa chịu thoát ,mà điều tình tội lại chác thêm . . . ” (Đàn cơ ngày 14-12-1926)

“Kẻ vô phúc dụng Tà Tâm làm một món lợi riêng ,quên cả điều hình phạt đã kể bên mình ,chơi với cả muôn triệu giữa dòng, mà chẳng chịu sớm tự hối,đặng gỡ lần mối họa sâu.họa Trời đâu tránh khỏi. . .” (Đàn cơ ngày 3-1-1927).

“ Nếu vì chút Phạm Tâm mà chia đường phân ngõ,ghét nghịch lẫn nhau ,các con sẽ treo gương bất chính cho kẻ sau,lại nền Đạo cũng vì đó mà khó mau thành đặng .”

“Các con phải biết Đạo tại lòng Bác Ái và Chí Thành.Bác Ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình,còn Chí Thành là mỗi việc đều lấy lòng thành thật mà đối đãi trong Đạo và trong Đời. . .” (Đàn cơ cuối năm 1927).

“Đạo Đức cần trau nơi Tâm là chỗ chẳng ai thấy được. Rèn trau cho thuần Tâm mỹ Tánh, rồi mới lần đến bề ngoài (trọn hết cả ngoài trong) thì chừng ấy Tâm Trí chắc khư, nào ai chuyển lay cho được. Lo ngoài, quên trong; che bề trong trau bề ngoài . . . cũng như có xác không hồn, chuộng hữu hình mà quên các huyền bí Chơn Truyền vậy . . .” (Nhàn Âm Đạo Trường, 1928).

“Cái Tâm là vật người không thấy được, khá trau dồi nó trước. Nếu bỏ Tâm kia ra ngoài mà lo rèn hình thể . . . đó là phương đem đường cho Quý vương, chẳng một ai tránh được nghe. Nên hiểu kỹ lời, bằng chẳng thấu thì Tu có ích chi.”

“Các con được tin cậy nhau, diu dắt nhau, nâng đỡ nhau mà phải hết sự hiềm nghi theo thể tình, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ lớn lao hơn hết đó. Còn kẻ phản bạn trở lòng, Luật Thiên Điều cũng có buổi trừng răn cách xứng đáng vậy.” (Đàn cơ ngày 13-12-1928).

“Tâm cứng cõi, Đạo điều hòa thì cứ bước tới Thầy. Tâm bất định, đạo hạnh không hoàn toàn, thì con đường hám lợi xu danh tới hang sâu vực thẳm . . .” (Đàn cơ ngày 22-6-1928).

“Đạo chưa yên là tại người Hành Đạo kém bề Hạnh Đức, kẻ được Hạnh mất phần minh mẫn, người thông hiểu Đạo kém Đức, thiếu khiêm cung; kẻ trọn Tâm thành mạnh phần ham danh lợi . . . Kẻ nào đã vì Tà Tâm mà để cho nợ Chơn linh, cho lũ Tà quỷ rối, thì chẳng khi nào được trọn tinh-thần ngay thật mà diu dắt ai cho chánh đáng. (Đàn cơ ngày 28-6-1928)

“Đạo chẳng hoàn toàn, con đường đi chưa cùng bước là vì

tại nơi lòng của nhiều đấng . . .Kẻ hữu Đức buồn lòng thối
bước ,đưa chơn thành không vui nắm tay theo,ma hồn quỷ
xác loán vào;kẻ Đức thiếu nín đưa không Nhân thành ra
Nhân kém Đức suy ,cứ thẳng một đường Tà dung ruổi . .
.Áo đà cũng muốn mặc,giày Đạo cũng muốn mang ,muốn
đứng trước cả non sanh để họ biết mình hướng Đạo.Đường
tiên cũng lập lừng,đường Thánh cũng toan vào,mà thấy
bạc rơi cũng chẳng bỏ,lợi mún chẳng từ,mượn danh Đạo
tạo danh mình,vô Thánh Điện mà hơi Tà còn phảng phất. .

.”Vậy Thầy khuyên các con:

“Bước Đạo lần chơn một dạ thành,
Xu Trần chớ luyến lợi cùng danh.
Nâu sòng nhuộm áo pha màu khổ,
Tránh mối oan khiên chớ buộc mình.”

(Đàn cơ ngày 7-2-1930).

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy Đạo :

“Quang minh Chánh Đại lập Tâm Thành,
Âm chất khả Tu,Đạo khả minh.
Bồ liễu nhưt thân sinh biến hóa,
Tác thành kim thể đắc trường sanh.”

* * *

“Ngày chung qui,chỉ đem về Thầy một chữ Tâm và những
công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng. . “

(Thái Thượng Đạo Tổ,Đàn cơ ngày 13-7-1934).

* * *

Tóm lại,qua trích lược một số Thánh Ngôn Thánh Giáo của
Đức Chí Tôn dạy về chữ Tâm,chúng ta thấy việc Tu Tâm

Dưỡng Tánh không những là gốc của người Tu học mà còn là kim chỉ nam cho nhân loại trau dồi Thiên lương, xây đời Thánh Đức tại thế-gian này. Trong kinh Pháp cú của nhà Phật có dạy :”Trong các Pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác. Nếu nói năng hoặc hành động với Tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến .” “ Người Tâm không an định, không hiểu Chánh Pháp, lòng tin không kiên cố, thì trí tuệ khó thành. . .” (Kinh Pháp cú, Phẩm Song Yếu và Phẩm Tâm).

Trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy cũng đã lược dạy về chừ Tu như sau:

“Trong Pháp Đạo, Tu Tâm đệ nhất,
Tu Tâm là đúng bậc Tiên Thiên.”

Ấy vậy , Tu Tâm theo lời dạy của Đức Chí Tôn là đệ nhất Pháp môn Chơn truyền của nền Đại Đạo , là gốc của tinh hoa Tam Giáo, và là con đường duy nhất cho kẻ hữu duyên đoạt cơ thăng hoa siêu thoát, và ngược lại muôn đời chỉ là Trầm luân, Đọa nghiệp.

San Jose, ngày 13 tháng 10 năm 1998

(Song Nguyên)

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YẾM TRỢ
Tập San Thế Đạo - Bản Tin Thế Đạo
www.banthedao.net
www.banthedaohaingoi.org
Liên lạc: tnndk4@gmail.com
duyvan2011@gmail.com

ĐỨC PHẬT DI LẶC VÀ ĐỨC CHÚA TÁI LÂM TRONG ĐẠO CAO ĐÀI (Quang Thông)

1. Những tiên tri về ngày Đức Chúa sẽ tái lâm trong Thánh Kinh.

Những dấu hiệu về sự tái lâm của Chúa.



Trong Kinh Thánh, Cựu Ước và Tân Ước có rất nhiều lời tiên tri về dấu hiệu báo trước Chúa tái lâm, sau đây là một số đoạn căn bản:

Dấu hiệu rõ ràng nhất về Ngày Chúa tái lâm là sự việc trở về quê hương tái lập quốc của dân Do Thái:

- “Trong ngày đó, Chúa còn đặt tay một lần nữa đặng chuộc dân sót của

Ngài, tức là kẻ sót lại bởi A-sy-ri, Ê-díp-tô, Ha-mát cùng các cù lao biển. Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước, nhóm những người Y-sơ-ra-ên bị đuổi, thâu những người Du-đa lưu lạc từ bốn góc đất.” (Ê-sai 11: 11,12)

Đức Chúa Giê-su phán trong Lu-ca 21:11&25 “Sẽ có động đất lớn, có đói kém và dịch lệ”; “Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao; còn dưới đất, dân các nước sầu não rối loạn vì biển nổi tiếng om sòm và sóng đào.”

“Hỡi anh em, về thời và kỳ thì không cần viết cho anh em; vì chính anh em biết rõ lắm rằng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy. (ITê 5:1-3)

Về ngày tận thế và ngày Chúa tái lâm.

“ . . .Nói xong những dấu hiệu thành Jérusalem và Thánh đường sẽ bị phá, Chúa cũng đáp câu hỏi về ngày tận thế và ngày Con Người sẽ đến. Ngài phán tiếp theo:

Trước ngày đó sẽ có đại họa, một đại họa từ tạo thiên lập địa cho đến bây giờ chưa từng có và sau này cũng không hề có nữa. Lúc đó nếu Chúa không rút ngắn lại những ngày khủng khiếp ấy, sẽ không một ai được cứu thoát; nhưng vì những người được tuyển lựa Chúa sẽ rút ngắn những ngày đáng sợ ấy đi. . .

Sau những ngày đại họa ấy, tiếp đến những điềm lạ trong mặt trời mặt trăng và tinh tú: mặt trời sẽ tối tăm, mặt trăng sẽ mất sáng, tinh tú sẽ tự trời rơi xuống, và sức mạnh của các tầng trời sẽ chuyển động. Đồng thời trên mặt đất, muôn dân tộc sẽ xông xao khóc lóc, cảm thấy như bị đè bẹp dưới áp lực lo âu trước tiếng biển động sóng gầm , và gần như chết đi vì sợ hãi. Chính lúc đó, người ta thấy Con Người ngự đến với uy quyền và vinh hiển trong đám mây. Ngài sẽ sai sứ thần của Ngài dịch loa lớn tiếng khắp bốn phương trời, để tập hợp những người được tuyển lựa lại. Rồi Ngài sẽ ngự tòa uy nghi sau khi muôn dân đã được triệu đến trước tôn nhan Ngài. Bấy giờ Ngài sẽ tách biệt người ta ra hai loại giống như người mục đồng tách biệt chiên với dê và Ngài sẽ đặt chiên bên phải, dê bên trái.

Công việc đó xong, Ngài phán với những kẻ ở bên phải rằng: “Hỡi những người được Cha Ta chúc phúc, hãy đến lĩnh nhận Nước đã sắm cho các con từ ngày khai thiên lập địa. Vì xưa kia Ta đói, các con đã cho Ta ăn. Ta khát, các con đã cho ta uống; Ta là khách trọ, các con đã đón nhận; Ta ở

trần truồng, các con đã cho ta mặc; Ta ốm, các con đã thăm Ta và Ta bị ngồi tù, các con đã đến với Ta”.

Bờ ngõ, những người được tuyên lựa thừa Ngài rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng tôi thấy Chúa đói mà cho Chúa ăn, đã thấy Chúa khát mà cho Chúa uống. . .”

Nhưng Ngài sẽ phán với họ: “Ta nói thực với các con, bao nhiêu ơn các con đã làm cho một người hèn mọn nhất trong loài người là anh em của Ta, ấy là các con đã làm cho Ta đây”.

Sau đó, Ngài quay về phía bên trái và phán với những người ở bên này rằng: “Hỡi những người thất phúc kia, chúng bây hãy ra khỏi nơi đây và hãy vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và các sứ thần của nó. Vì xưa kia Ta đói mà chúng bây chẳng cho ăn; Ta khát mà chúng bây chẳng cho uống; Ta là khách lạ mà chúng bây không thêm cho trọ. . .”

Sau lời tuyên án của Ngài, những người thất phúc kia sẽ đi vào nơi khổ cực muôn đời, và những người có ơn tuyên lựa sẽ được lên nơi trường sinh bất tử. . .” (trích từ sách Cuộc Đời Chúa Cứu Thế, phần III, chương 5, J. Lâm Quang Trọng)

2. Những Tiên Tri về Đức Phật Di Lặc ra đời qua kinh sách Phật.

“Đức Di Lặc, người Tàu cũng gọi tên Ngài là Từ Thị. Ngài cũng có tên A Dật Đa (dịch nghĩa: Vô Năng Thắng). Ngài là Bồ Tát Ma Ha Tát sẽ thành Phật kế Đức Thích Ca Mâu Ni. Trong lúc Đức Thích Ca thành Đạo và thuyết pháp, Đức Di Lặc có dự thính theo hàng đệ tử. Ngài có nghe Phật thuyết bộ Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Đức Thích Tôn có giảng về

công đức và các hạnh từ những đời trước của Đức Di Lạc, và cho hay rằng về sau Đức Di Lạc sẽ thành Phật hiệu là Maitreya (Di Lạc, Từ tôn).

Tuy Đức Di Lạc còn là Bồ Tát, chớ người tu Phật đã gọi Ngài là Di Lạc Phật hay Từ tôn rồi. . . .

Kinh Di Lạc Hạ Sanh Thành Phật:

Kinh này do ông Xá Ly Phát khởi thỉnh Phật Thích Ca thuyết diễn. Đức Phật giảng rằng về sau Bồ Tát Di Lạc sẽ rời cung Đâu Suất, giáng sanh nơi cõi nhơn gian, ngồi nơi cội cây Bồ đề tên là Long Hoa mà thành Phật. . .



Ngài có mở ra ba kỳ thuyết pháp: kỳ đầu độ được chín mươi sáu ức người, kỳ nhì độ được chín mươi bốn ức người, kỳ ba độ được chín mươi ba ức người.

Đức Phật Thích Ca có giảng rằng: ai muốn sanh về cõi của Đức Phật vị lai là Di Lạc thì từ nay khá tu hành Ngũ giới, Bát giới, Thập thiện, Cụ Túc giới và làm hạnh Bồ Tát”. . .

Long Hoa Hội: Theo kinh ông Cưu-ma-la-thập dịch, pháp hội của Phật Di Lạc sẽ nhóm dưới cây hình con Rồng trở hoa vàng nên kêu là Long Hoa Hội.

Tại Long Hoa Hội Đức Phật Di Lạc sẽ thuyết pháp ba kỳ độ chúng sanh. Kỳ Hội đầu thuyết pháp có 96 ức người đăng quả A La Hán. Kỳ Hội thứ nhì có 94 ức người đăng quả A la Hán. Kỳ Hội thứ ba thuyết pháp có 92 ức người đăng quả A La Hán. . . Đó kêu là Long Hoa Tam Hội”. (trích Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

3. Đức Phật Di Lạc và Chúa Tái Lâm trong đạo Cao Đài:

Trong Đạo Cao Đài có những biểu tượng và kinh kệ chứng tỏ rằng Đức Phật Di Lạc cũng là đức Chúa Tái Lâm đã và sẽ xuất hiện trong cửa Đạo Cao Đài.

Thứ nhất là về hình ảnh : tượng Phật Di Lạc cỡi cọp trên nóc HTĐ Tòa Thánh, đặc biệt Đức Di Lạc trong Đạo Cao Đài mặc phẩm phục nửa bên vai trái là áo Cà sa, còn vai mặt khoác măng bào. Phải chăng sứ mạng của Ngài về cả phần đạo lẫn phần đời ?

Trước cửa Đền Thánh có 4 cột, trong đó có 2 cột chạm hình rồng đỏ và 2 cột chạm hình hoa sen tức là tượng trưng cho Long Hoa hội .

Thứ hai là: về kinh tận độ trong Đạo Cao Đài có 2 bài nói về sứ mạng của Đức Di Lạc đó là Di Lạc Chơn Kinh và kinh Đại Tường mà ý nghĩa vô cùng thâm sâu. Ngoài ra còn có một bài thi do Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ban cho Đức Hộ Pháp, bài này nói lên nguyên căn của Đức Hộ Pháp và có liên quan đến Đức Chúa Jêsus và Đức Phật Di Lạc. Sau đây chúng ta lần lượt tìm hiểu ý nghĩa bài kinh và bài thi này. Trước nhất là bài Kinh Đại Tường:

Hỗn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên.
Tái sanh sửa đổi chơn truyền,
Khai cơ tận độ cửu tuyền diệt vong.
Hội Long Hoa tuyền phong Phật vị,
Cõi Tây phang đuổi quỷ trừ ma.
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyên cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Thâu các Đạo hữu hình làm một,
Trường thi Tiên, Phật dượt kiếp khiên.
Tạo Đời cải dữ ra hiền,
Bảo sanh nắm giữ diệu huyền CHÍ TÔN.

Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng giảng nghĩa bài Kinh trên như sau:

C.1-2: Đức Di-Lạc Vương Phật làm Giáo chủ từng Trời Hồn Nguơn Thiên. Ngài đảm đương việc thâu nhận và gìn giữ những người có duyên tu hành ở khắp nơi.

C.3: Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ giảng sanh xuống cõi trần này một lần nữa để sửa đổi tất cả giáo lý của các tôn giáo xưa, cho đúng chơn truyền, bởi vì giáo lý của các tôn giáo này, qua hơn 2000 năm truyền bá đã bị người đời canh cải làm sai lạc rất nhiều.

C.4: Đức Di-Lạc Vương Phật mở ra cơ quan tận độ nhơn sanh và tiêu diệt cõi Địa ngục.

C.5: Đức Di-Lạc Vương Phật mở Đại Hội Long Hoa tuyển lựa người đầy đủ công đức phong thưởng vào ngôi vị Phật.

C.6: Nơi cõi Tây phương Cực Lạc, Đức Phật Di-Lạc xua đuổi và trừ khử ma quỷ không cho lộng hành.

C.7-8: Đức Phật Di-Lạc chiết chơn linh giáng trần làm một vị Phật Hộ Pháp, dùng bửu pháp Giáng Ma Xử chuyển động để xua đuổi các loài tà ma yêu quái.

C.9-10: Đức Di-Lạc Vương Phật thâu gom các nền tôn giáo lớn hiện nay vào một mối duy nhất, lập thành một nền Đại Đạo. Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi Công quả tuyển phong Tiên vị và Phật vị, giao cho Đức Di-Lạc làm Chánh

chủ khảo, duyệt xét tội tình của nhơn sanh để chấm thi đậu rớt.

C.11-12: Tạo lập đời Thượng ngươn Thánh đức bằng cách giáo hóa người dữ thành người hiền, gìn giữ sự sống cho chúng sanh, nắm giữ quyền pháp huyền diệu của Đức Chí Tôn”. Theo hai câu 7 và 8, thì ngươn linh của Đức Hộ Pháp chính là Đức Di Lạc giáng linh.

Chúng ta nhớ lại khi mới mở Đạo, trong một đàn lễ chính Đức Chí Tôn làm phép trục xuất chơn linh ông Phạm Công Tắc và cho chơn linh Hộ Pháp nhập vào, cho nên trong các bài thuyết đạo Đức Ngài có nói rằng Phạm Công Tắc đã chết từ năm 35 tuổi. . .nghĩa là kể từ ngày Đức Chí Tôn hành pháp thì chơn linh Phật Hộ Pháp hay là Phật Di Lạc đã đến để thi hành sứ mạng. . .Chúng ta cần phân biệt hai từ : giáng linh và tái sanh. Giáng linh là một chơn linh cao trọng mượn một xác thân nào nhập vào; còn tái sanh là chơn linh nhập vào thân xác khi vừa mới lọt lòng mẹ.

Tiếp đến là bài thi khoán thủ do Đức Lý giáng cơ ban cho Đức Hộ Pháp khi nhận nhiệm vụ Chương quản Nhị Hữu Hình Đài. Cũng chính Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng giải nghĩa bài thi này như sau:

“ . . Đức Lý Giáo Tông thố lộ về nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi khoán thủ dưới đây;

1. Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
2. Pháp luân thường chuyên máy Thiên thơ.
3. Chương quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
4. Quản suất Càn khôn định cõi bờ.
5. Nhị kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,

6. Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
7. Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
8. Đài trọng hồng ân gắng cấy nhờ.

Câu 1 : cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

Câu 2 : cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.

Câu 3 : Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi Cực Lạc Thế Giới (CLTG). (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa CLTG bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào CLTG).

Câu 4 : Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị CKTG. Câu này kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di-Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị CKTG.

Câu 5 : cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jê-sus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Câu 6 : Kiếp này Ngài giáng sanh xuống nước VN làm Hộ Pháp Chương quản HTĐ, nắm giữ Thiên điều.

Câu 7 : Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh CTĐ) được nên hình tướng.

Câu 8 : Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, nhơn sanh gắng cấy nhờ hồng ân của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên

một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp :

Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp là : Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.

- **Kiếp giáng trần thứ nhứt là Vi Hộ**, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Phật Vi Hộ Pháp.

- **Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jésus** mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

- **Kiếp giáng trần thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.**

- **Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa là Đức Di-Lạc Vương Phật**, làm Giáo Chủ Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Nguơn Thánh đức”.

Như vậy, chính Đức Hộ Pháp là Chơn linh Chúa Jésus Tái Lâm và cũng là Đức Di Lạc đã đến thay thế Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Đức Ngài còn tái sanh để chủ trì Hội Long Hoa trong tương lai nơi cửa đạo Cao Đài.

Đoạn trên là những suy luận từ Kinh kệ và Thánh giáo các Đấng giáng cho, ngoài ra còn các chuyện kể của những người từng thân cận đức Ngài kể lại :

“ . . . Về Tòa Thánh, một hôm nọ Đức Hộ Pháp nhân dịp cúng Tiểu Đàn, có Chúc Sắc Thiên Phong dự chứng, Đức Hộ Pháp cầm cây Giáng Ma Xử đưa ra bên trên trước mặt Ngài Khai Pháp đang quỳ đối mặt với Ngài, Đức Ngài nói:

Này Pierre, ngày trước ngươi đã chối Ta ba lần, lần này Ta tha cho đó. . .”

. . .Lúc Ngài qui vị, Đức Hộ Pháp đã biết, nên ngay đêm đó, Đức Hộ Pháp sai mấy vị Bảo Thể gác, nhớ coi chừng Đức Ngài. Nhưng mấy vị Bảo Thể không để tâm. Đêm đó Ngài Khai Pháp té và chết đầu ngược xuống đất, chân ở trên bực thềm của văn phòng Hiệp Thiên Đài, kiểu té chúi nhủi. Mấy vị Bảo Thể báo cáo với Đức Hộ Pháp. Ngài rầy Bảo Thể.

Đức Hộ Pháp nói:

- Pierre tới ngày liễu Đạo cũng như tiền kiếp vậy”. (Trích từ Những Câu Chuyện Trong Đạo, Tủ Sách Đại Đạo) (1)

Như vậy, chúng ta còn biết thêm Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa chính là ngươn linh của ông Thánh Pierre (Phê-Rô), là vị đệ nhất Tông đồ của Chúa Jésus tái kiếp.

Một bằng chứng nữa do Ngài Thừa Sứ Lê Quang Tấn kể lại trong quyển “Đức Phạm Hộ Pháp, Phật Sống của Đạo Cao Đài” (2) như sau:

“ . . . Chẳng những người Tín Đồ mà cả 3 Ngài Chánh Phối Sư Thái Phần Thanh, Thượng Chử Thanh, Ngọc Trang Thanh đã chứng kiến thấy rõ trong lòng bàn tay và bàn chân của Đức Phạm Hộ Pháp có dấu vết hình hoa Sen đỏ hồng bằng ngón tay. . .

. . . Thêm một nhân chứng sống động nữa là Hiền huynh Giáo sư Thượng Tuy Thanh thuật lại cho chức sắc bản đạo biết là vào năm 1958 Hiền huynh lên Trấn Đạo Tân Quốc (Phnom Penh) kiến diện Phạm Hộ Pháp để trình bày mọi sự biến chuyển của Hội Thánh Tây Ninh vừa qua. Đức Phạm Hộ Pháp đang nằm trên võng ở Báo Ân Đường tiếp Hiền huynh Giáo sư Thượng Tuy Thanh.

Bái lễ Đức Ngài xong, GS Thượng Tuy Thanh đứng dưới chân võng trình bày mọi sự chuyển biến ở Tòa Thánh Tây Ninh – Hiền huynh Giáo Sư nhìn thấy rõ ràng trong lòng bàn chân của Đức Ngài có dấu vết hình Hoa Sen đỏ hồng chứng tỏ những vết thương mà Chúa Jesus Christ bị đóng đinh trước kia hiện ra cho Hiền Huynh Giáo sư chiêm ngưỡng để chứng minh lời phổ biến của Bản Đạo là lòng bàn tay và lòng bàn chân của Đức Ngài ứng hiện bông Hoa Sen đỏ hồng là đúng sự thật. . .”

Còn về bằng chứng Đức Hộ Pháp là hiện thân của Phật Di Lặc cũng có câu chuyện tương truyền rằng khi đắp tượng Đức Phật Di Lặc trên nóc Hiệp Thiên Đài, các vị Tá Lý thỉnh ý đức Ngài về cái mào của Phật Di Lặc như thế nào thì Đức Ngài dạy cứ đắp giống y như cái mào của Qua đây.

. . Theo Pháp Chánh Truyền : “. . . Bộ Đại Phục, người phải mặc giáp, đầu đội Kim Khôi toàn bằng Vàng, trên Kim Khôi có thể Tam Sơn, giống như cái chia ba ngành, chủ nghĩa là Chương Quân Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc. . .” .

Do vậy ngày nay chúng ta thấy mào của tượng Phật Di Lặc cũng có thể Tam Sơn, giống như chia ba ngành trên chót.

Như thế hai vị là một, tuy nhiên đức Ngài không nói trắng ra một là vì đức khiêm cung, hai nữa là Ngài muốn mai danh trong màn bí mật như đoạn văn trích trong bài thuyết đạo về “Cơ Cứu Khổ của Đạo” như sau:

“ . . . Mặc dù Ta không dám bì với các nhà Tiên Tri buổi trước chớ Ta cũng nhận định được ngày tận thế hầu gần, giữa lúc thanh trược bắt phân dầu cho có Chúa Cứu Thế ra đời mà Ngài không ản danh cũng bị quân nghịch bắt đóng đinh trên cây Thánh giá. Nên Đức Di Lặc Ngài phải mai danh trong

vòng bí mật, xét thời kỳ nào cũng thế chứ không có chi lạ.

Vậy các bậc đạo đức chân tu, ai là người có đủ đức tin sửa mình cho nên chí Thánh để đợi đón rước Ngài đăng kết thúc Long Hoa Đại Hội”.

Trong bài thuyết đạo vào đêm 30 tháng 2 Ất Mùi (1955), đức Ngài cũng có giảng về Hội Long Hoa như sau:

“ . . .Tới năm Tý sẽ mở Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị tại Tòa Thánh này. Mấy em làm cho kịp, Qua nói quả quyết mấy em làm không kịp, mà Qua có qui liễu trước đi nữa thì cái tội ấy về mấy em chứ không phải về Qua, nhớ điều đó, Qua cố gắng, Qua tận trung cùng Đạo, tận hiếu cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, Qua chỉ ước cho giòng máu Thiêng Liêng của mấy em đây nó hưởng một điều trọng yếu không biết bao giờ, ngày giờ Qua không có thể định trước.

. . . . Mấy em cố gắng đi, từ đây tới sau cho tới ngày Long Hoa Đại hội nên hư, đăng thất, điều gì Qua lập Đại hội Long Hoa được hay chẳng Qua phú thác nơi tay mấy em đó vậy”.

Đức Hộ Pháp tự nhận sẽ lập Hội Long Hoa, mà chúng ta biết Hội Long Hoa do Đức Phật Di Lặc lập nên để phong thưởng những người đầy đủ công đức, vậy Đức Ngài chính là Đức Di Lặc Vương chứ còn ai nữa. . .

Giờ chúng ta thử điểm qua Thông Thiên Học , giáo lý Hội này cũng có nói nhiều về Đức Di Lặc sau đây là một đoạn tiêu biểu:

“ Đức Bồ Tát hiện kim là Đức Di Lặc (Seigneur Maïtreya); Ngài đã giáng phàm hai lần. Lần thứ nhứt tại Ấn Độ 2.400 năm trước đây lấy tên là Chúa Hải đồng Christna, múa hát với các nữ mục đồng Gori. Lần thứ nhì, tại Palestine, Ngài

mượn xác Đức Jésus, nên người ta gọi Ngài là Jésus Christ. Luôn luôn Ngài nhấn mạnh về giá trị của cá nhân và sự hi sinh Bản ngã. . .” (trích từ sách Quần Tiên Hội Và Sự Cai Trị Thế Gian -Bạch Liên)

Như vậy Thông Thiên Học đã làm sáng tỏ hơn qua sự kiện Đức Chúa Jésus Christ cũng là một hóa thân của Đức Di Lặc Bồ Tát. Và trong Tam Kỳ Phổ Độ này Ngài đến thế vừa là hiện thân của Chúa Jésus Christ vừa là Phật Di Lặc cũng không có chi lạ.

Tóm lại, Đức Phạm Hộ Pháp chính là Đức Chúa Jésus Christ tái lâm mà cũng là Đức Di Lặc Vương Bồ Tát thay Đức Chí Tôn đã đến mở đạo độ đời và Ngài cũng hứa hẹn sẽ đến nữa để kết thúc Long Hoa Đại Hội hay làm cuộc phán xét cuối cùng cho nhân loại như lời tiên tri trong Thánh Kinh Tân Ước. Đây là một vinh hạnh lớn lao cho người môn đệ Cao Đài. Vì chúng ta đã được học đúng trường, đúng chương trình để đi thi. Chỉ cần gắng sức chúng ta sẽ dễ dàng đậu hơn người học ở trường khác.

Cầu mong cho tất cả chúng ta được về dự hội Long Hoa mà hình ảnh đã được ĐHP diễn tả trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

*** Quang Thông (01-2013)**

Các Link đã dẫn:

(1) <http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/books/pdf/pdf2/Nhung-Cau-Chuyen-Trong-Dao.pdf>

(2) <http://tusachcaodai.files.wordpress.com/2012/10/dhp-phatsongcuadaocao-dai.pdf>

**Huyện lệnh làm Minh quan tiết lộ thiên cơ,
người phụ nữ ăn mày chí hiếu được thăng thiên
(Tác giả Lưu Hiếu)**

Ái Tân Giác La – Miên Nghi, tự là Bội Khanh, là hậu duệ Hoàng thất triều Thanh. Ông đậu Tiến sĩ vào năm Hàm Phong. Năm Đồng Trị thứ 8 (1869) được điều nhiệm chức Binh Bộ Thị Lang ở Thịnh Kinh. Thịnh Kinh là thành phố Thẩm Dương ngày nay.

Khi ở Thịnh Kinh, Miên Nghi mời Văn Tuyết Môn làm thầy dạy cho các con của mình, khách và chủ sống chung với nhau thập phần hòa hợp. Lúc ấy có vị Huyện lệnh thường xuyên đến Thịnh Kinh làm việc, Miên Nghi kết giao thân thiết với ông ta, cũng rất coi trọng ông ta, bởi vậy mỗi lần ông ta đến đều muốn mời cơm.

Vị Huyện lệnh này còn kiêm nhiệm làm quan Âm Phủ, mỗi lần đến Âm Phủ làm việc, đều phải mặc y phục chỉnh tề, sau đó nằm lên giường, nhiều thì ba ngày đêm, ngắn thì cũng phải vài giờ mới trở về. Khi có người tò mò hỏi chuyện ở Âm Phủ, ông đều từ chối trả lời, chỉ nói “không thể tiết lộ”.

Một hôm, Huyện lệnh lại đến Thịnh Kinh, đang cùng mấy người Miên Nghi, Văn Tuyết Môn chuẩn bị dùng bữa trưa. Thế nhưng khi ông vừa mới gắp đồ ăn, thì lập tức dừng lại, hơn nữa lập tức đứng dậy cáo từ, đồng thời lấy quan phục mặc vào đàng hoàng, sau đó tìm một gian phòng vào trong đó nằm xuống. Mọi người đều biết ông làm việc ở Âm Phủ, nên cũng không để ý lắm.

Qua hơn một giờ đồng hồ, Huyện lệnh từ trên giường ngồi dậy. Văn Tuyết Môn ngạc nhiên tốc độ làm việc lần này của

ông ấy nhanh như vậy. Huyện lệnh nói: “Trước đây xử án, đều là việc bí mật không thể để dương gian biết được, nhưng lần này thì khác, là bởi vì có một vị nữ ăn mày cực kỳ hiếu thảo đã được thăng thiên, Âm Phủ rất tôn kính cô ấy, vì thế rất nhiều quan Âm Phủ đều đi đưa tiễn, tôi cũng ở trong số đó. Chuyện này rất có tác dụng giáo hóa và khuyến thiện đối với người đời, cho nên tôi mới nói cho các ông biết.”



Một phần bức tranh “Thanh minh thượng hà đồ”.

(Ảnh: Viện bảo tàng Cố Cung cung cấp)

Huyện lệnh nói cho mấy người Miên Nghi, Văn Tuyết Môn biết, người nữ ăn mày này lấy chồng năm 16 tuổi, nhưng chưa được một năm thì chồng qua đời, từ đó nàng thủ tiết phụng dưỡng mẹ chồng, rất là cung kính. Về sau trong nhà ngày càng nghèo túng, không thể không trở thành ăn mày, nhưng tấm lòng hiếu thảo của nàng không thay đổi, mấy chục năm cũng như một ngày hiếu kính mẹ chồng. Sau khi mẹ chồng qua đời, cô thông qua việc đi xin mới an táng

được mẹ chồng, ngày lễ ngày tết và ngày giỗ đều đến cúng mộ.

Văn Tuyết Môn liền hỏi: “Nàng ấy đã hiếu thuận như thế, vì sao thượng thiên không ban phúc cho nàng, mà mặc kệ để nàng nghèo khổ đến nông nổi trở thành ăn mày?” Huyện lệnh đáp rằng: “Nghèo khổ vốn là báo ứng của nàng ở kiếp này, nàng ấy nhất định phải trả, hiện giờ nhân quả xấu đã hoàn trả xong, thì thiện quả kết thành vậy, cho nên được thăng thiên. Nếu như mọi người không tin, có thể phái người đến dưới góc liễu bên trong Nguyệt thành ở phía cửa nam, tìm thấy thi thể của nàng ấy.”

Huyện lệnh miêu tả kỹ càng y phục và vị trí của thi thể, Miên Nghi lập tức phái người đến cửa nam xem xét. Quả nhiên ở nơi đó tìm được một thi thể của một phụ nữ ăn mày, y phục, vị trí và những chuyện khi còn sống của người phụ nữ ăn mày này xác thực như lời của Huyện lệnh đã nói, càng thần kỳ hơn là thời điểm nàng qua đời vừa đúng vào lúc giữa trưa, cũng chính là thời điểm lúc Huyện lệnh ăn cơm trưa cáo từ rời bàn.

Chuyện này về sau Văn Tuyết Môn nói cho mọi người biết. Trong lịch sử Văn Tuyết Môn tuy không nổi tiếng, nhưng người em họ của ông là Văn Đình Thức về sau làm thầy dạy cho Trân phi của vua Quang Tự. Trong các bài thơ ca của Văn Đình Thức có một bài ghi là “Kinh sư ngộ Tuyết Môn đại huynh hòa tác”, “Tuyết Môn đại huynh” ở đây là chỉ Văn Tuyết Môn.

Dương Hiếu Tử ăn mày phụng dưỡng song thân được thăng thiên

Dương Hiếu Tử, là người thời triều Thanh quê ở thôn Vu

Kiều, huyện Vũ Tiên, tỉnh Giang Tô, mọi người gọi là “Dương Hiếu Tử”, ngược lại ít người biết tên thực của ông. Nhà họ Dương rất nghèo túng, cha mẹ của ông quanh năm bị bệnh nằm trên giường, mỗi năm khám bệnh uống thuốc còn tốn không ít tiền. Bởi vì thực sự kiếm không ra tiền, Dương Hiếu Tử rơi vào đường cùng chỉ đành nhẫn nhịn khuất nhục, đi làm ăn mày.

Mỗi ngày, Dương Hiếu Tử đều đem đồ ăn xin được nhường cho cha mẹ ăn trước, chính mình lại ăn những gì cha mẹ ăn còn dư lại. Nếu như đồ ăn không đủ, thà rằng mình bị đói cũng để cha mẹ ăn no, hơn nữa mỗi lần dùng bữa, ông đều quỳ gối trước mặt cha mẹ, đem đồ ăn cung kính mà nâng đến trước mặt họ.

Vì để cha mẹ mắc bệnh lâu ngày nằm trên giường được vui vẻ về mặt tinh thần, Dương Hiếu Tử đã tự biên soạn rất nhiều bài hát dân gian, vừa hát vừa nhảy trước mặt cha mẹ, để cho cha mẹ vui vẻ cười to.

Mỗi ngày, Dương Hiếu Tử đều đem đồ ăn xin được nhường cho cha mẹ ăn trước, chính mình lại ăn những gì cha mẹ ăn còn dư lại.

Như vậy qua hơn mười năm, người trong vùng đều bị hành vi hiếu thuận của Dương Hiếu Tử làm cho cảm động. Có một người phú hộ vì giúp đỡ ông, dự định muốn thuê ông làm người hầu ở trong nhà, nhưng Dương Hiếu Tử đã từ chối, ông nói: “Cha mẹ của tôi quanh năm bị bệnh, nằm triền miên trên giường, tôi mỗi ngày ngoài việc đi ăn xin, sẽ phải ở nhà để hầu hạ thuốc men, không thể rời xa một ngày. Tôi không có cách nào đến nhà ông để làm người ở được, chỉ có thể cảm tạ ý tốt của ông vậy.”



Bức tranh Công gạo trăm dặm trong “Nhị thập tứ hiếu đồ”. (Ảnh: Tài sản công)

Sau lần đó ông vẫn giống như trước đây, ra ngoài ăn xin, có được chút tiền dư, thì mời thầy xem bệnh cho cha mẹ. Về sau cha mẹ của ông lần lượt qua đời, Dương Hiếu Tử đem số tiền ăn xin được đi mua hai bộ quan tài, lấy y phục của mình làm áo liệm, còn mình thì ăn mặc đơn bạc, trong gió rét lạnh đến run lẩy bẩy, cũng không hề tiếc.

Sau khi chôn cất cha mẹ, ông ngủ lại bên cạnh mộ để giữ đạo hiếu, ngày đêm khóc thương. Không ngờ đến hơn một tháng sau, vì bi thương quá độ mà cuối cùng bị chết.

Sau khi Dương Hiếu Tử chết một ngày, trong thôn có một vị họ Từ tên là Đạo Chi, trong khi mắc bệnh bị sai dịch Âm phủ dẫn đến Âm Phủ. Ông nhìn thấy một vị quan Âm Phủ mặc áo bào tím hướng về Diêm Vương báo cáo rằng: “Dương Hiếu Tử đến rồi.” Diêm Vương lập tức đứng dậy

ngheh đón. Từ Đạo Chi nhìn kỹ một chút, thì ra người mà Diêm Vương ngheh đón chính là Dương Hiếu Tử mới vừa qua đời.

Từ Đạo Chi nghe được Diêm Vương nói với Dương Hiếu Tử rằng: “Đã ngưỡng mộ hành vi hiếu thuận của người từ lâu, người đại thiện giống người như vậy, Địa Phủ chúng tôi không dám khinh thường. Hiện giờ Thiên Đế có truyền lệnh, triệu người đi lên Thiên đường.” Vì dương thọ của Từ Đạo Chi chưa hết, nên nhanh chóng tỉnh lại. Sau khi Từ Đạo Chi tỉnh lại, mỗi lần gặp người khác, ông liền kể lại chuyện ở Âm Phủ tận mắt mình nhìn thấy Diêm Vương tuyên bố Dương Hiếu Tử được thăng thiên. Dưới sự truyền bá rộng khắp của ông, người trong vùng đều biết Dương Hiếu Tử sau khi chết đã được phúc báo thăng thiên.

Vậy có lẽ cũng là Trời cao mọn miệng của Từ Đạo Chi để nói cho thế nhân biết, làm việc hiếu đắc phúc báo. Cũng như nguyên do vị Huyện lệnh kiêm nhiệm làm quan Âm Phủ ở phân trên kia tiết lộ chân cơ, là vì “Chuyện này rất có tác dụng giáo hóa và khuyến thiện đối với người đời.” Đúng vậy, làm người không thể không hiếu thuận đối với cha mẹ, đối với các bậc trưởng bối !

Tư liệu tham khảo:

- “Động Linh bổ chí”
- “Đức dục cổ giám”
- Tổ tiên tích đức hành thiện, con cháu được hưởng phúc báo

Tác giả BTV Epoch Times Hoa Ngữ

Tổ tiên tích đức hành thiện, con cháu được hưởng phúc báo

(Tác giả BTV Epoch Times Hoa Ngữ)



Cổ ngữ nói “tích thiện dư khánh” là chỉ những nhà tích đức làm việc thiện thì phúc báo sâu dày, con cháu đều được hưởng ân trạch. Dưới đây là những câu chuyện ghi chép trong cổ tịch liên quan đến đường thi cử và công danh.

Đổi đãi với người khác hết lòng, đời sau được hưởng phúc âm

Thời Tống có một thư sinh tên Tiêu Ái Đường, bởi vì sinh kế khó khăn nên không thể đi thi lấy công danh, bèn dựng một trường tư ngay tại phố thị gần đó, tập hợp một số trẻ nhỏ và dạy chúng đọc sách. Tiêu Ái Đường còn biết y thuật, cũng thường thường xem bệnh cho người ta, có khi gặp phải người nghèo khó tìm đến chữa bệnh, anh chẳng những không thu tiền xem bệnh mà còn xuất tiền cho người ta mua thuốc. Bởi vậy, mọi người ở gần đó đều rất tán thưởng anh,

khen anh không chỉ là một “người thầy giáo tốt” mà còn là “một thầy thuốc giỏi”.

Có một năm, vùng này mất mùa, trường học phải đóng cửa, Tiêu Ái Đường sau khi dọn dẹp xong chỉ mang theo bảy lượng bạc về nhà. Trên đường, anh nhìn thấy một người đàn bà ôm con khóc rất thương tâm, hỏi một chút mới biết được họ đã ba ngày không ăn thứ gì rồi. Đúng lúc cùng đường mạt lộ, anh liền đem toàn bộ bảy lượng bạc cho người đàn bà này.



Tiêu Ái Đường đem toàn bộ bảy lượng bạc cho người đàn bà nghèo khổ này. (Ảnh: Epoch Times)

Tiêu Ái Đường về đến nhà, lúc này trong nhà chỉ còn lại ba thăng đậu nành để duy trì sinh hoạt. Đang lúc định nấu cơm, một cụ già họ Trương sát vách nghe nói anh trở về, liền đến mượn lương thực, nói rằng trong nhà đã ba ngày không nấu

gi rồi. Tiêu Ái Đường lập tức đem phân nửa đậu nành đưa cho cụ già. Tiêu Ái Đường an ủi người nhà, nói: “*Nếu như mệnh chúng ta không đến con đường chết, tự có trời trợ giúp, giữ lòng tốt, làm việc thiện, nhất định sẽ có kết quả tốt*”. Quả nhiên, ngày hôm sau có người giàu có nọ lo lắng bệnh tình nghiêm trọng đi tìm thầy thuốc, Tiêu Ái Đường liền chữa trị cho họ. Người giàu có liền mang chút bạc đến, thế là nhà họ Tiêu vượt qua được cửa ải khó khăn.

Đến năm sau, Tiêu Ái Đường có được một người con, đặt tên là Tiêu Quân, anh đích thân dạy con đọc sách. Tiêu Quân thiên tư mẫn tuệ, thông hiểu nhiều thứ, 16 tuổi tham gia thi hương, đạt được hạng nhất, 22 tuổi đậu Trạng nguyên. Người trong thôn tới Tiêu gia chúc mừng, đều nói: “*Tiêu Ái Đường cả đời làm việc thiện, quả nhiên thiện có thiện báo*”. Tiêu Ái Đường vô tư trợ giúp người khác, vòn vện bầy lượng bạc cũng đem giúp người khác; ba thăng đậu nành, chia phân nửa cho người ta; thuốc tốt cách hay, tùy duyên cứu người, có thể thấy được là dùng một tấm lòng thành đối đãi với người khác hết lòng hết dạ.

Rộng tích việc thiện, tên đề bằng vàng

Bành Định Cầu thích đọc sách Thánh hiền, kính tín Thần Phật, chú trọng phẩm hạnh tu dưỡng. (Ảnh: Epoch Times)

Bành Định Cầu sống vào thời Thanh, người Trường Châu (nay thuộc Tô Châu, Giang Tô), thích đọc sách Thánh hiền, kính tín Thần Phật, chú trọng phẩm hạnh tu dưỡng. Ông từ nhỏ thường đọc các sách hay liên quan đến việc tu hành và nhân quả, ngày thường thích làm việc thiện, không chỉ có bản thân làm việc thiện, còn khuyên những người chung

quanh làm theo. Về sau, ông còn đem loại sách hay này đề là “Nguyên Tể tất đọc thư”, không phải vì đọc cuốn sách này có thể làm Trạng nguyên, Tể tướng, mà là Trạng nguyên và Tể tướng không thể không đọc loại sách này.



Bành Định Cầu thích đọc sách Thánh hiền, kính tín Thần Phật, chú trọng phẩm hạnh tu dưỡng. (Ảnh: Epoch Times)

Cha của Bành Định Cầu là Bành Lung, đảm nhiệm chức Tri huyện Trường Ninh (nay là Tân Phong, Quảng Đông), Bành Định Cầu ở nhà chăm sóc mẹ. Bành Lung làm quan thanh chính, vì bách tính làm rất nhiều việc thiết thực, khiến dân chúng rất cảm phục. Bởi vì ông bản tính liêm chính, trung thực, không chịu a dua nịnh hót, khiến Tri phủ tức giận, cuối cùng bị bắt giam oan uổng. Bành Định Cầu năm đó 23 tuổi, trèo non lội suối hơn bốn mươi ngày mới đến được Trường Ninh thăm cha. Anh đi khắp nơi, tìm cách giải oan cho cha,

mọi người chung quanh đều cảm động trước tâm lòng hiếu thảo thành thực này. Bành Lung nhờ đó có thể bình an mà rửa sạch oan uổng.

Bành Định Cầu thi đậu Hội nguyên, vào năm Khang Hy thứ 15 lại đỗ Trạng Nguyên. Không lâu sau, ông đảm nhiệm chức quan cư chú, theo hầu Khang Hy Hoàng đế giảng kinh luận sử, hộ tống hoàng đế tham gia các hoạt động lớn, ghi chép sổ sách. Ông học thức uyên bác, chú tâm nghiên cứu ý nghĩa đạo lý trong tu luyện, nghiêm ngặt phụng giữ quy phạm đạo đức truyền thống, giảng thuật sự tích Thánh hiền tam giáo Nho, Phật, Đạo, dẫn dắt mọi người hướng thiện. Ông thường cùng người khác đàm luận đạo lý và nhân quả báo ứng, đề xướng rộng khắp, truyền bá hữu ích để nhân tâm hướng thiện, khiến rất nhiều người nhận được lợi ích. Bành Định Cầu sau khi thi đậu Trạng Nguyên ra làm quan, vẫn ngày ngày đọc sách Thánh hiền, giúp thể xác lẫn tinh thần đều đôn chính, đền đáp thánh điển quốc gia, tạo phúc bách tính.

Về sau, cháu trai Bành Định Cầu là Bành Khải Phong lại lần nữa lần lượt thi đậu Hội nguyên, Trạng nguyên, nhận chức Hàn Lâm viện Tu soạn, sau nhậm chức Tả Đô Ngự Sử, Binh bộ Thượng thư .v.v. Ông tuân theo chí hướng tiên tổ, đề xướng văn giáo, dùng lời nói thẳng để can gián, cứu tế nạn dân.

Nhà họ Bành thiện báo chẳng dứt, nhiều người trúng cử, mấy đời phú quý hiển vinh. Người lúc ấy nói rằng đây là báo ứng nhờ Bành gia mấy đời tích lũy việc thiện, cũng lấy hành động của mình để khuyên người khác làm việc thiện. Lễ bộ Thượng thư Kê Hoàng tán thưởng ông cháu Trạng nguyên

của Bành gia: “Nhân gian văn phúc vô song phẩm, Chiêu đại khoa danh đệ nhất gia” (ý là phúc về đường văn trên chốn nhân gian không có nhà thứ hai, đây là nhà đệ nhất làm rạng danh đại khoa).

Giữ vững lương tri, trong lòng còn có thiên lý

Diêu Văn Điền thời Thanh, là người Hồ Châu, Chiết Giang. Tét Nguyên Đán năm Kỷ Mùi niên hiệu Gia Khánh, một người đồng hương của ông mộng thấy đến chỗ quan phủ, nghe được lời truyền nói: “Trạng Nguyên trên bảng vàng ra rồi!”. Lúc này cửa son mở ra, hai quan lại mặc trang phục màu đỏ, trong tay cầm cờ vàng đi ra, đuôi cờ có bốn chữ : “Nhân tâm dị muội, thiên lý nan khi” (lòng người dễ mê mờ, thiên lý khó coi thường). Người này sau khi tỉnh lại, không hiểu ý nghĩa của giấc mơ là gì.



Ảnh minh họa: Bảo tàng cổ cung Đài Bắc/Epoch Times

Không lâu sau, Diêu Văn Điền thi đậu Trạng nguyên, có người đem giấc mộng này nói cho ông. Diêu Văn Điền trầm tư hồi lâu, đột nhiên bừng tỉnh nói: “*Đây là lời nói của cao tổ đã qua đời của ta rồi!*”.

Diêu Văn Điền trầm tư hồi lâu, đột nhiên bừng tỉnh nói: “*Đây là lời nói của cao tổ đã qua đời của ta rồi!*”.

Năm đó cao tổ nhậm chức Đề hình ở Hoàn Giang, trong ngục có hai người bị người khác vu cáo, hãm hại mà phán tội chết, cao tổ tra ra chuyện này không có chứng cứ, chuẩn bị phóng thích hai người, lúc này người vu cáo đưa cho ông hai ngàn lượng bạc, thỉnh ông nhất thiết phải phán hai người kia án tử hình. Cao tổ nói: “*Lòng người dễ mê mờ, thiên lý khó coi thường. Nếu như ta cầm tiền tài mà giết oan người vô tội, thiên lý bất dung!*”. Thế là Kiên quyết cự tuyệt việc nhận tiền tài, cuối cùng đem hai người nhận tội oan kia phóng thích. Chữ trên đuôi cờ, chẳng lẽ là chuyện này sao?

Sau khi Diêu Văn Điền thi đậu Trạng nguyên kế nhiệm chức Hàn Lâm viện Tu soạn, Tả Đô Ngự Sử, Lễ bộ Thượng thư .v.v., ông tự đề câu đối trong thư phòng viết: “*Thế thượng kỉ bách niên cự gia, vô phi tích đức; Thiên hạ đệ nhất kiện hảo sự, hoàn thị độc thư*”. (Nghĩa là: Trên thế gian gia phong mấy trăm năm một mực tích đức; Khắp thiên hạ chuyện tốt nhất vẫn là đọc sách). Hai từ “*cự gia*” ở đây là để chỉ nhà có gia phong, nhà có gia phong đọc sách cũng được người đời xưng là “*thư hương môn đệ*”, “*không tham xa xỉ, có nền nếp thanh sạch*”. Diêu Văn Điền thường xuyên đảm nhận vị trí quan chủ khảo trong các kì thi cử, mà mỗi lần ông đều dán lên hai bên cổng lớn trường thi câu đối bắt mắt: “*Khoa trường vũ tề giai hữu thường lộng, cáo tiểu nhân vô quyền*”.

pháp võng; Bình sinh liễn tiết bất thông nhất tự, giới chư sinh hốt thính phù ngôn”. Ý là: Chốn trường thi việc gian lận thường xảy ra, bảo cho kẻ tiểu nhân không được phạm vào phép tắc; Ngày thường câu cú không thông một chữ, răn các học trò chớ nghe lời phù phiếm”, thể hiện làm quan thanh liêm, một thân chính khí.

Tổ tiên của Diêu Văn Điền không chỉ vì đời sau tích nhiều phúc đức, cũng vì đời sau lưu lại gia phong liêm chính, trong sạch, ngay thẳng và truyền thống làm việc thiện. Ông trước lợi ích không hề động tâm, không hại oan người vô tội, quả nhiên “ngẩng đầu ba thước có Thần minh”, thiên thượng cho phép con cháu ông có được phúc báo hiển đạt, khiến đời sau được hưng thịnh, cũng di phúc trăm năm về sau.

Quả thực, Thiên lý đang cân nhắc hết thảy, đạo đức và lương tri mới là điều quan trọng nhất để làm người.

(Nguồn: Epoch Times)

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YỂM TRỢ

Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo

Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất hân hoan và mong nhận được từ quý HTĐM sự yểm trợ tài chánh cho việc in ấn phổ biến Tập San Thế Đạo, Kinh Sách Đạo . . vv . .

Xin vui lòng gửi check /hoặc money order về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PO. Box 21577

San Jose CA 95151

Trên check / hoặc money order xin đề người nhận là Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Chân thành cảm ơn quý liệt vị

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

TỤNG KINH (HT Lê Văn Thêm)

Tụng kinh là thực hành một trong những pháp tu căn bản nhằm chuyển hóa tâm thức để phát triển tâm linh đúng theo con đường mà các Đấng Thiêng Liêng đã dạy.

Thông thường người đời nghĩ rằng ai tụng kinh nhiều là tu nhiều, ai tụng kinh ít là tu ít. Cách nghĩ như thế có thể đúng mà cũng có thể không. Không hẳn tụng kinh nhiều là tu nhiều và ít tụng kinh là ít tu. Người tụng kinh thường xuyên mà tâm không chuyển hóa, hành xử mọi việc hoàn toàn theo thế tục, bị sai xử bởi ngũ dục, lục trần, như thế dù có tụng kinh nhiều mà cũng như chẳng có tu tập gì. Trái lại người không tụng kinh nhưng như đạo giữ tròn, tham, sân, si liả bỏ được thì còn hơn tụng kinh ngàn bộ, lay cúng vạn thời.

Nói như thế không có nghĩa khuyên người tu không tụng kinh hay đừng tụng kinh, vì thật ra kinh gồm những lời hay lẽ phải, khuôn vàng thước ngọc điển đạt Chân Lý. Tự bản thể kinh như vậy thì việc tụng kinh chẳng có lỗi gì. Trái lại, tụng kinh là hạnh nên hành, vì đó là một giáo pháp tu tập. Dù vậy, cần nên nghĩ phải tụng kinh như thế nào để có nhiều lợi lạc nhất. Lợi ở đây được hiểu là phương tiện hay con đường giúp ta siêu thăng hoặc giải thoát và lạc là niềm vui, không những là niềm vui lúc được về Cực Lạc mà vui ngay cả khi còn ở thế gian này.

Muốn có lợi lạc nhiều trong việc tụng kinh, điều cần yếu là nên xem qua các mục đích của đạo hạnh này để từ đó thấy được mục đích nào là quan trọng hơn cả.

MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC TỤNG KINH:

Tất cả người tu khi tụng kinh đều giống nhau. Mọi người đều ngồi hay quỳ, tụng hay đọc và lạy. Nhìn trên hiện tượng tức về tướng không có gì khác nhau. Dù vậy, trong lòng mỗi người, tức tự tâm, lại có nhiều khác biệt.

Thật vậy, cũng cùng tụng kinh nhưng nhiều người có nhiều mục đích khác nhau.

1. Có một số người đi cúng tụng kinh không thỉnh cầu, không van xin, không vọng niệm. Họ tụng kinh với tất cả lòng thành kính, với nhất tâm, chỉ có thể thôi.
2. Lại có người đi cúng tụng kinh để mong tìm kiếm được một phần thưởng mà họ nghĩ rằng các Thực Thể vô hình có khả năng ban bố.
3. Cũng có người khi tụng kinh tập trung tư tưởng hay trầm tư mặc tưởng để thỉnh cầu, van xin, từ một Thực Thể nào đó cao hơn.
4. Có người khác tin rằng với công lao khổ nhọc, thức khuya dậy sớm, đi xa về trễ v.v. để tụng kinh gõ mõ thế nào cũng có được một sự đáp trả thỏa đáng từ các Đấng vô hình.
5. Có người đang gặp nhiều phiền não, khổ đau. Trong cơn hoạn nạn họ tụng kinh gõ mõ cầu nguyện với lòng tin sẽ được phúc lành và sự che chở hầu tai qua nạn khỏi.
6. Có người đang lúc tâm tư tán loạn, tụng kinh để mong mỗi có một sự bảo trợ của ơn trên giúp đỡ nhằm có được sự bình tĩnh sáng suốt.
7. Một số người khác thường đi cúng tụng kinh vì biết rõ kinh là lời chơn lẽ thiệt, dạy tánh tốt hạnh lành, là khuôn

vàng thước ngọc, là biểu trưng của Chân Lý, của diệu dụng mà ta muốn làm theo. Miệng tụng tâm hành y như phương cách mà từ xưa đến nay các Đấng Thánh, Tiên, Phật đã hành trì để thành đạo.

Tất cả những trường hợp được ghi trên đây thật ra chưa diễn tả hết được trạng thái tâm và ý của người tụng kinh vốn rất đa dạng. Dù vậy, có thể thấy ba dạng sau đây là vượt trội hơn cả.

I*- TỤNG KINH NHẤT NGUYỆT:

Một số người tụng kinh là chỉ biết tụng kinh thôi. Cũng có lúc họ thỉnh cầu nhưng chỉ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, đồng bào đồng loại mà thôi. Họ tụng đọc và đặt tất cả chánh niệm vào lời kinh tiếng kệ không hề có hậu ý hay mong cầu việc tụng kinh sẽ làm cho họ thành Tiên thành Phật. Họ cứ tụng niệm và đạo hạnh này, giữ được họ ở trong chánh niệm để trở thành nhất niệm. Họ ít hay nói dù sinh hoạt vẫn bình thường. Đôi khi họ có trầm tư nhưng vẫn không buồn hay phiền não. Họ thường vui tươi, đó là dấu hiệu của người ở trong chánh niệm lúc nào thân tâm cũng an lạc. Đây là những vị có túc duyên nhiều đời, đã trải qua nhiều căn kiếp tu hành dù chưa đạt Đạo. Các vị ấy là những bậc đại căn đại trí. Đại trí ở đây có nghĩa là trí tuệ hay trí huệ hầu như viên mãn tròn đầy được tích tụ qua nhiều kiếp tu. Trí huệ đó dù các vị ấy không hề để ý tới nhưng mãi nhiên khai thị cho các vị ấy biết rằng tụng kinh mà để cầu chứng đắc thì có thể được phước hay được lợi lạc đến một mức độ nào đó thôi chứ không bao giờ chứng đắc giải thoát được.

Tóm lại, tụng kinh nhất niệm hay tụng kinh với tâm nhất nguyện chỉ thường có với những vị đã trải qua bao căn kiếp

tu hành. Giờ đây, chư vị ấy tiếp tục tu, tụng niệm kinh kệ với nhất tâm, nhất niệm, nhất nguyện cũng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong đêm thuyết pháp tại Đền Thánh vào 29 tháng giêng năm Mậu Tý (1948). Ngài dạy tín đồ khi vào Đền Thánh phải tịnh tâm, tinh thần an định và khi cúng “phải để tâm nhất nguyện thì mới có sự hưởng ứng”

Tâm nhất nguyện theo như lời Đức Hộ Pháp dạy đó là tâm không tán loạn hay phóng dật, không hôn trầm hay vọng niệm, vì nhất nguyện là để trừ tâm, cột tâm làm cho tâm động trở thành thanh tịnh, làm cho vọng tưởng không thể xâm nhập vào tâm.

Tụng kinh với tâm nhất nguyện cũng có nghĩa là tụng kinh với nhất tâm, mà nhất tâm bao gồm toàn ý, tức tất cả ý nghĩ, ý niệm, đều tập trung vào lời kinh để không còn một khởi ý nào khác có thể đi tạo nghiệp, vì nghiệp là do thân, khẩu, ý mà ý là chủ động. Như vậy, ý không còn khởi động, không còn chủ động là hết tạo nghiệp, tức siêu thăng hay giải thoát.

Giống như lời Đức Hộ Pháp dạy, bên đạo Phật Tông Tịnh Độ cũng dạy người tu niệm Phật với tâm nhất nguyện, niệm đến nhất niệm, và Thiền Tông, với Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy Phật tử niệm đến vô niệm. Vô niệm, theo Lục Tổ Huệ Năng, chữ vô là vô vọng niệm, còn chữ niệm đó là tâm nhất nguyện đó là nhất niệm, niệm Chân Như.

II*- TỤNG KINH THỈNH CẦU:

Ngoài những bậc chân tu có căn cơ tụng kinh nhất niệm để được siêu thăng hay giải thoát, có nhiều người tu tụng niệm phần lớn để thỉnh cầu. Vấn đề đặt ra là việc thỉnh cầu có thấu đến được các Đấng Thiêng Liêng hay không?

Người đời thường nói: “Hễ có cảm là có ứng”. Và Đức Hộ Pháp cũng trong đêm thuyết pháp 19 tháng giêng Mậu Tý (1948) tại Đền Thánh có dạy rằng: “Đi cúng, điều trọng yếu nhất là tinh thần, cái huyền vi Bí Pháp tinh thần ở đây là Cữ Trùng Đài rồi Bát Quái Đài thuộc về Chơn Linh, ấy là linh tâm xuất hiện, nếu mấy em có cảm mới có ứng, mà nếu có ứng thì mấy em mới hưởng được, thảng không hưởng được là lỗi tại mấy em không trọn tâm thành kính.”

Quả thật vậy, quyển Thiên Đạo có khai triển rõ việc này và trang 62 ghi như sau: “Hễ chúng ta tin tưởng Trời Phật thì Trời Phật cảm ứng với chúng ta. Đức tin tỷ như một vật chứa nước, cơ cảm ứng đối với đức tin ví như nước đem đựng vào. Vật lớn chứa được nhiều nước. Vật nhỏ chứa được ít nước. Đức tin lớn được nhiều cảm ứng và trái lại; chí như vật chứa bể đi (là khi mất đức tin) thế nào đựng được nước nữa (mất cơ cảm ứng).

Ngoài ra, trang 73 cho biết: “Trong võ trụ, tất cả mọi vật đều có thể phát ra những luồng điện mạnh yếu, dài ngắn khác nhau. Những luồng điện ấy, có khi thấy được, nhiều khi không thấy, xin gọi là Linh Điện cho dễ hiểu. Từ loài nhỏ vô cùng như vi trùng cho đến vĩ tinh tú to vô hạn, đều có đặc tính phát điện. Thế mà người không biết là vì không có linh giác tiếp xúc được những Linh Điện ấy... Thần Tiên giao thông với người bằng Thiên điện cũng như nhơn loại giao thông với nhau bằng máy vô tuyến điện vậy, cho nên Tiên phàm hai vẻ song có thể không công với nhau được. Nhưng muốn giao thông, tất nhiên người phải đồng điện với Thần, Thánh, Tiên, Phật... Cơ thể con người cũng như cái máy vô tuyến điện. Máy này có hai bộ phận, một phần để

thân điễn vào và một phân đề phát điễn ra. Phàm hễ muốn thân điễn của một cái máy khác phát ra thì máy thân và máy xuất cần phải có một năng lực thuần điễn cùng nhau (même longueur d'ondes)”

Như vậy vấn đề các nhơn phẩm thông công đượ với các Đấng Thánh, Tiên, Phật là việc có thể xảy ra với điều kiện là phải đồng điễn (harmonie de fluide) và thuần điễn (même longueur d'ondes). Vậy đồng điễn và thuần điễn là gì?

Cũng trong quyển Thiên Đạo, trang 121 có giải thích như sau: “Nên biết vạn pháp đồng nhất lý. Người và Trời là một. Nhưng bởi người truy lạc mà phải xa Thiên Lý”.

Thật vậy, chữ vạn pháp ở câu trên chỉ tất cả mọi sự vật thế gian trong đó có con người. Người với Trời vẫn như là một, đồng nhất lý. Tại sao có thể nói như vậy?

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Này thiện tri thức, chẳng ngộ tức Phật là chúng sanh, khi một niệm ngộ, chúng sanh là Phật.” Như vậy Phật hay chúng sanh không khác, tức cả hai đều có Pháp Tánh hay Nhơn linh nhưng chỉ khác nhau là do mê hay ngộ mà thôi. Để chứng minh, xin ghi lại tiền kiếp xa xưa của Đức Phật Thích Ca. Đức Phật Thích Ca có một tiền kiếp đọa vào địa ngục để thọ phạt. Một hôm Ngài thấy bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa bắt một ngựa quỉ dẫn đi vừa đánh đập vừa chưởi rủa. Ngài động lòng thương nên phản đối, bảo rằng làm gì mà đánh chưởi như thế. Bọn đầu trâu mặt ngựa quay lại đánh Ngài và đâm một chia ba vào bụng Ngài làm Ngài chết. Sau khi chết Ngài thoát được địa ngục và đầu thai trở thành người nhờ có lòng từ tâm biết thương xót kẻ khác. Sau đó Ngài tiếp tục tu đến thọ Bồ Tát tòng quyền Đức Phật Nhiên Đăng và

cuối cùng đắc thành Phật quả sống ở thế gian 49 năm là một Đức Phật tại thế với hình thể một con người đắc đạo đi phổ độ chúng sanh. Như vậy, Trời Người là một, chỉ khác nhau là mê muội tức vô minh hay tỉnh thức tức giác ngộ mà thôi. Về chúng tử Phật, Thánh, Tiên thì tất cả mọi người đều có, nhưng nếu con người không tỉnh ngộ mà cứ chìm sâu mãi vào truy lạc, vào u mê tăm tối của vô minh thì Chơn Linh phải lần lần xa lìa Thiên Lý. Đó là hiện tượng mà giáo lý Đạo Cao Đài trong phần Thánh Ngôn bảo rằng: “Mỗi ngày thôn mẫn mỗi ngày qua. Tiên Phật nơi mình phải ở xa” đó vậy.

Một khi “Tiên Phật nơi mình phải ở xa” có nghĩa là Chơn Linh xa lìa Thiên Lý thì con người sẽ mất đi năng lực đồng diễn và thuận diễn với các Đấng, từ đó khả năng thông công không còn nữa và do đó dù có van xin, cầu khẩn gì thì chẳng khác nào khói mây bay tan vào hư không vô tận, chẳng diệu dụng gì.

Theo Thiên Đạo, sở dĩ Chơn Linh phải xa lìa Thiên Lý và vì con người quá đam mê dục lạc. Chính ngũ dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thù và lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã làm cho con người tham đắm mà ngày càng trở nên mê muội. Đã mê muội con người không còn biết tự nơi mình có chúng tử Tiên Phật, không còn nhớ đến Tiên Phật là những Đấng chí thành, chí Thánh, đại lượng đại bí, mà có nhớ chẳng là chỉ để thỉnh cầu van xin cho được nhiều phước đức, được an lành hoặc tai qua nạn khỏi mà thôi.

Nếu con người khi tụng kinh với mục đích chỉ để cầu xin mà không để ý tới lời kinh để lời kinh được đi sâu vào tâm não, phá mê, phá chấp thì việc tụng kinh đó có thể được phần nào phước đức chớ không thể đạt được mục đích tối hậu là siêu

thăng hay giải thoát. Thí dụ như một người tụng kinh nhiều nhưng dục lạc vẫn không chừa, vẫn còn chấp ngã, chấp pháp, chấp thân., chấp tâm, chấp danh tự ngôn ngữ .v.v thì tụng kinh cho lắm cũng để tự hành hạ thể xác mình mà thôi. Không tỉnh lặng, không thanh tịnh, không đồng điền, không thuận điền thì sẽ không thông công được với các Đấng, do đó cầu xin sẽ khó có kết quả được.

Điều quan trọng trước khi tụng kinh và muốn tụng kinh có diệu dụng, người tu phải biết từ bỏ dục vọng, xả chấp và quan trọng nhất là phải giữ tròn ngũ giới.i Giữ tròn ngũ giới là bước đầu đặc biệt quan trọng đối với người tu. Người tu mà còn làm hại người khác hay còn có ý hại người, xâm phạm hay lường gạt của cải người khác, dâm loạn, uống rượu đến loạn tâm và nhất là vẫn nói láo, nói thêu dệt thêm bớt để hại người hoặc để gây chia rẽ, nói đâm thọc, nói lời độc ác hay bất cứ lời nào làm đau khổ người khác thì dù có tụng kinh nhiều, tụng mãi cũng chẳng được lợi lạc gì. Có giữ gìn đúng ngũ giới rồi sau đó tụng niệm để tu hành thì việc tu hành do tụng kinh gỡ bỏ mới diệu dụng được. Muốn được nhiều diệu dụng, người tụng kinh cần phải hiểu kinh dạy gì, hiểu cái lý trong kinh tức chân lý mà cái Đấng Thiêng Liêng dạy dỗ qua kinh, cơ, luật, luận. Chính vì lý do này mà Cổ Nhân mới dạy: “Đọc Kinh Cầu Lý.”

III*- TỤNG KINH CẦU LÝ:

A. LÝ TRONG KINH:

Người tụng kinh mà không nắm được lý trong kinh tức Chân Lý mà các Đấng Thiêng Liêng muốn dạy qua lời kinh có thể có lợi mà cũng có hại.

Thông thường, tụng kinh là một phương cách để tu. Người tụng kinh chân quý, tay chấp do đó thân tịnh. Thân không làm điều xằng bậy hay ác độc mà ở trong tư thế sẵn sàng thể nhập thiện lành đó là không tạo nghiệp ác về thân. Thân nghiệp tránh được khi tụng kinh thì khẩu nghiệp cũng thế. Người tụng kinh miệng đọc lý chơn, lời mỹ, điều phải lẽ hay, tức khẩu hành ngôn thiện. Thân nghiệp và khẩu nghiệp đã nhờ tụng kinh tránh được, nhưng ý nghiệp thì thế nào?

Người ta thường nói “Tâm viên, ý mã” có nghĩa vọng tâm của người thế gian chẳng khác nào một con khi, con vượn. Khi vượn không khi nào ngồi yên một chỗ mà chuyển từ cành này sang cây khác. Vọng tâm người thế gian cũng vậy. Hết thương rồi ghét, hết vui rồi buồn, thường chứa chấp lục dục thất tình hỷ nộ, ái ố, dục v.v. Chính thất tình lục dục đã làm cho con người luôn luôn văng động trên bước đường hướng về tội ác mà xa lìa chánh kiến chánh tư duy và cuối cùng là chánh đạo. Tâm thì như thế mà ý cũng không khác. Yù mà có nghĩa ý như một con ngựa, cứ chạy rong xuôi ngược, chẳng chịu dừng, chẳng chịu đứng yên. Như vậy, việc dừng ý nhằm dừng vọng tưởng, vọng tâm tức dừng nghĩ đến những điều độc ác, xấu xa để thanh tịnh cái ý của mình rất quan trọng và cần phải làm ngay. Đây là một bước để không tạo ra ý nghiệp.

Người tu, một khi đã tịnh được ý, thân và khẩu không còn tạo ra khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp thì từ đó bước đường trở về ngôi xưa cảnh cũ hay quy hồi cựu vị đã rộng thênh thang. Có câu:

“Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đông Phật vắng Tây Phương”.

Nói thì dễ, nhưng thực hành lại khó. Thường thường người tu khi tụng kinh, chân quỳ, tay chắp, miệng đọc là đã tịnh được thân và khẩu, nhưng ý thì khó tịnh hơn nhiều. Có người miệng vẫn tụng đọc nhưng ý nghĩ thì khi nhớ chuyện này, khi chuyện khác. Nếu tụng kinh mà cứ thả ý chạy rong thì khác nào người muốn chần tâm, chần ý mà cứ để tâm ý phóng theo ngoại cảnh, để căn chạy theo trần sanh ra thức rồi từ đó tạo ra bao nhiêu ý nghiệp không lành. Do đó, khi tụng kinh, điều quan trọng là phải luôn luôn giữ ý, giữ niệm. Niệm ở đây có nghĩa là nhớ.

Nhớ đây là nhớ gì. Đó là nhớ lý của kinh, nhớ chân lý qua lời dạy của các Đấng trong kinh để từ đó luôn luôn giữ chánh niệm nhằm hành trì theo đúng ý kinh. Chánh niệm ở đây được hiểu cuột cách nôm na là những lời dạy chân chánh mà ta hiểu rõ và ghi nhớ trong tâm, bây giờ muốn noi theo gương thành đạo của các Đấng, ta đọc để dâng lên các Đấng, trình với các Đấng rằng ta hiểu rõ ý nghĩa kinh, chân lý mà các Đấng đã dạy và tâm ta nguyện noi theo chân lý này tức là Đạo để phản bổn hoàn nguyên. Chính với mục đích này mà Đức Hộ Pháp trong đêm 14 tháng 2 Mậu Tý (24-3-1948) thuyết pháp tại Đền Thánh có cho chúng ta biết rằng Ngài phải dùng Giác Ma Xứ để dâng niệm và ý của chúng ta vào tận Bát Quái Đài. Ngài nói: “Khi bái đàn rồi cả thầy quì tụng kinh, còn Bàn Đạo tịnh niệm, mỗi câu kinh mà mấy em đọc vẫn dễ, vì thuộc mà đọc thôi, riêng Bàn Đạo mỗi câu kinh phải mật niệm, tụ hết nghĩa lý của nó dâng lên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Rồi còn điều này rắc rối hơn hết, hễ khi nào cả thầy tụng rồi bài kinh Chí Tôn hay bài kinh Tam Giáo, khi Bàn Đạo thấy nín hết, buổi đó đem hết tinh thần trụ lại, dâng lời mật niệm ấy vào Bát Quái Đài... Bàn Đạo

cuối đầu niệm thể cho cả thầy”.

Qua lời thuyết pháp của Đức Hộ Pháp, người tu thấy lúc tụng kinh, tâm và ý niệm rất quan trọng. Muốn cho tâm thể nhập với lời kinh và niệm đúng với Chân Lý trong kinh, người tu phải hiểu rõ lý của kinh. Nói rõ hơn, tụng kinh trước nhất là phải thấu hiểu ý nghĩa của kinh, chân lý hay đạo lý mà kinh dạy để miệng tụng tâm hành như thể mới diệu dụng được.

Trái lại, người tụng kinh mà không hiểu rõ ý nghĩa của kinh nhiều khi lại có hại. Tụng đọc kinh nhiều mà không thấu lý đạt nghĩa, người tu dễ mệt mỏi và đó là một trong những nguồn gốc khai triển tâm sân. Ngoài ra, tụng đọc nhiều kinh, người tụng đọc dễ sanh công cao, tự cho rằng mình tu nhiều hơn người khác, cao hơn người khác và đôi khi lại xem thường người tụng kinh ít hơn. Đây là một thứ bệnh tâm mà nhiều người tu thường mắc phải nếu thiếu tâm khiêm hạ và nếu tụng đọc kinh nhiều nhưng không hiểu ý nghĩa và công dụng của kinh.

Nghĩa thật sự của kinh là cái lý tức chân lý mà các Đấng muốn dạy thông qua kinh. Kinh giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay không phải là chân lý mà mặt trăng mới thật là chân lý. Dù vậy, vẫn phải nhờ ngón tay chỉ mới lần theo hướng đó để thấy mặt trăng. Ngón tay hay kinh giống như chiếc bè đưa khách từ bên mê bên này sang bờ giác bên kia. Chiếc bè chỉ là phương tiện thôi. Nếu người sang sông cứ ôm chiếc bè mà không chịu bước lên bên kia bờ giác thì cũng giống như người tụng kinh không hiểu nghĩa và công dụng của kinh, cứ ôm kinh mà tụng đọc và không cần đạt lý để tu, chỉ vì nghĩ rằng càng tụng đọc nhiều càng tốt, càng tụng kinh nhiều làm mình đã có tu nhiều. Hiểu như thế này để

khiến người tụng đọc kinh sinh ra ngã mạn, mà ngã mạn là một trong sáu tâm bệnh nặng nhất của người tu, đó là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến.

Xin được ghi lại nơi đây câu chuyện của một nhà tu do tụng kinh nhiều mà sinh ra ngã mạn: có một vị tăng tên là Pháp Đạt đi tu từ thuở mới lên 7 tuổi. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm sư đến đánh lễ Lục Tổ Huệ Năng, quỳ cuối xuống lạy Tổ nhưng đầu không sát đất. Tổ thấy thế lấy làm lạ bèn quở rằng: “Ông lễ lạy mà đầu không sát đất chi bằng đừng lạy là hơn. Trong tâm ông chắc có ẩn chứa sự nghiệp gì phải không?”

Sư Pháp Đạt thưa: “Tôi đã tụng được kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ”.

Tổ bảo nếu ông tụng được đến muôn bộ và hiểu rõ lý của kinh cũng như không còn chấp ngã để ngã mạn thì lúc đó ông mới bằng ta. Nếu không hiểu lý kinh và vẫn còn chấp ngã tức là vẫn còn có tội chớ mong gì được phước đức. Tổ bảo: “Hữu ngã tội tức sanh. Vong công phước vô ti” nghĩa là có ngã tội liền sanh. Quên công phước vô ti.

Sư Pháp Đạt nghe Tổ quở như thế liền thức tỉnh, hối hận tạ lỗi thưa rằng con đã tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, cuối mong Tổ chỉ dạy.

Tổ Huệ Năng dạy rằng: nếu người tu khi tụng kinh mà hiểu được nghĩa thì mới có thể nhờ kinh để đi đến chân lý, tức tu theo lời dạy trong kinh để đạt Đạo. Ngược lại, nếu tụng kinh mà không hiểu nghĩa thì chỉ để kinh làm cho người tụng mệt nhọc nhiều thêm thôi. Cứ tụng kinh hoài mà không thấu được lý trong kinh không khéo sẽ có nhiều hại hơn là lợi

lạc. Tổ nói: “Tụng kinh cứu bất minh, dữ nghĩa tác thù gia”. Nghĩa là tụng lâu không rõ nghĩa, cùng nghĩa trở thành thù.

Tóm lại, người tu khi tụng kinh, điều quan trọng là phải hiểu rõ lý của kinh. Chính lý của kinh mới có thể dẫn dắt người tu từ bên mê đến bờ giác. Chính lý của kinh hay chân lý trong kinh mới thức tỉnh được con người, trị được tâm bệnh mà hầu hết người thế gian đều mắc phải.

B. KINH VÀ TÂM:

Người thế gian có hai thứ bệnh: bệnh thân và bệnh tâm.

Bệnh về thân như nóng lạnh, nhức đầu v.v. và bệnh về tâm như phiền não, khổ đau, tham, sân, si v.v.

Khi bệnh thân, người ta phải đi đến bác sĩ. Bác sĩ cho toa về mua thuốc uống để trị. Còn bệnh về tâm thì phải nương vào Đạo, nhờ kinh cơ để giải tỏa những phiền não khổ đau.

Dù biết vậy, nhưng nếu bệnh về thân, người bệnh đến bác sĩ cho toa rồi về không chịu mua thuốc uống mà cứ cầm cái toa ấy đọc hoài, đọc mãi đến thuộc lòng như thế làm sao hết bệnh được. Đọc thuộc lòng toa thuốc, dù đọc muôn ngàn lần, bệnh vẫn còn. Chỉ có theo toa mua thuốc uống thì bệnh mới hết được.

Cũng vậy, người đời phải nương theo Đạo, nương theo kinh kệ để trị bệnh tâm. Phải biết Đạo, hiểu kinh và tụng đọc kinh thì mới mong trị lành tâm bệnh. Nói khác hơn, thuộc kinh để đọc thôi chưa đủ, mà điều cần yếu là phải thấu hiểu được ý nghĩa của kinh, chân lý chứa đựng trong kinh, cái lý mà kinh muốn dạy để từ đó ứng dụng tu hành hầu giải tỏa những vọng niệm, loạn tâm v.v. như thế mới mong phá được phiền

nào, giải được khổ đau để trị lành tâm bệnh.

Tóm lại, kinh là khuôn vàng thước ngọc, nói hạnh tốt, dạy hạnh lành, là biểu trưng của diệu dụng mà ta muốn làm theo. Kinh là lời chơn, lẽ thiện mà các Đấng Thiêng Liêng ban cho nhơn sanh để noi theo đó mà tu tập. Do đó, tụng kinh trước nhất phải thấu hiểu ý nghĩa của kinh, giáo lý thâm diệu trong kinh mà các Đấng muốn truyền đạt. Nếu tụng kinh mà chỉ chân quỳ tay chấp, không cần biết kinh dạy phải làm gì, tâm phải hành như thế nào, vậy là không theo đúng thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng; Các Đấng ban cho nhơn sanh kinh, cơ để noi theo đó mà tu. Điều quan trọng là người tu phải biết vận dụng kinh, noi theo lời dạy trong kinh để miệng tụng tâm hành. Thế mới đúng là tu tập. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Người mê miệng đọc, người trí tâm hành” và “miệng tụng mà tâm chẳng hành như huyền, như hóa, như sương, như điện chớp chớp không có thật. Miệng tụng mà tâm hành thì tâm miệng tương ưng, sẽ lần hồi thấy được Chơn Tâm, Tự Tánh.”

C*- TỤNG KINH HIỂU LÝ ĐỂ TU:

Người tu hầu hết ai cũng biết Tu là sửa. Nhưng sửa đây là sửa những gì?

Đó là sửa những thói quen, tật xấu, tập khí ngàn đời mà ta đã huân tập qua nhiều căn kiếp, cũng như đã tạo ngay ở kiếp này. Các thói quen tật xấu đó đã bao phủ lấy ta, vây hãm ta. Chúng như cái vỏ cứng, như cái tháp ngà mà trong đó ta bị giam cầm mà hầu như không hề hay biết. Ta phải phá hủy, bẻ gãy tất cả những thói quen tật xấu đó vì chúng như bức tường rào, như cái nhà tù đã nhốt chặt ta. Ta bị giam hãm hoặc ngủ mê trong lầu ngục của thành kiến, của ngũ dục lạc,

buồn đau hờn giận, tóm lại trong bốn bức tường của mê và chấp đã đem đến cho ta không biết bao nhiêu phiền não.

Dù biết vậy, nhưng thẳng hoặc có người lại cho rằng họ vẫn hoan lạc chứ có buồn khổ gì đâu. nếu nghĩ như thế thì điều cần thấy là sự hoan lạc đó chỉ là hoan lạc của thế gian, của vô thường, có đó rồi mất đó. Càng chìm đắm trong mê lầm hoan lạc thế gian con người sẽ càng tạo nghiệp, mà như đã nói ở phần ngũ giới là nghiệp sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường luân hồi chuyển kiếp, vì khi ta chết đi rồi thì bao nhiêu hoan lạc, hình tướng thế gian ta sẽ bỏ lại tất cả, trừ nghiệp là vẫn không khi nào rời bỏ ta. Chính vì lý do này mà ta cần phải thức tỉnh hay giác ngộ. Chúc tỉnh hay giác ngộ là đặc tính bản chất của Chơn Linh mà chỉ tại vì mê đắm, bị lớp bụi trần gian phủ mờ mà ta đã quên đi và hầu như đã đần ùh mất do đó mới chìm nổi trong kiếp luân hồi.

Nói đến luân hồi, nói đến sự không thường hằng của kiếp sống tại thế gian, nhiều người bảo rằng nói như vậy chỉ cốt làm cho con người bi quan yếm thế và như vậy là không thực tế. Sự thật trái hẳn lại. Nếu biết được đời là vô thường như vậy ta mới thức tỉnh, nhận thấy được cái chân thường ở ngay trong ta. Đó là Chơn Tâm, là Phật tánh, là Bản Lai Diện Mục của ta.

Chính cái lý vô thường này làm cho ta vui hơn, hoan hỉ hơn thay vì bi quan yếm thế. Thấy đời là vô thường tức ta thấy sự biến hóa hay tan hoại của tất cả ngã, tất cả pháp (sự vật) trên đời này. Nếu đời không vô thường, không biến hóa đổi thay thử hỏi làm sao đưa bé lớn lên được. Nếu nó cứ thường hằng như vậy thì đưa bé sẽ bé hoài làm sao thay đổi để trưởng thành. Nếu mọi pháp trên thế gian không vô thường mà cứ

thường hằng mãi mãi như vậy thì thử hỏi làm sao các chế độ độc tài chuyên chế chuyên đổi được để trở thành dân chủ tự do. Chính sự vô thường, thay đổi, biến hóa, mà một khi thấu hiểu được, sẽ làm cho con người hoan hỉ và hạnh phúc nhiều hơn, vì điều mà bất cứ ai sống trên đời cũng mong chờ là sự biến đổi để đưa con người càng ngày càng hạnh phúc, một khi con người đã nhận thấy được chân thường và nương theo đó mà tu tập.

Mục đích của tu tập là gì mà bảo tu là sửa?

Trước tiên, tu là làm sao cho cuộc đời càng ngày càng đẹp đẽ hơn, dễ chịu hơn và hạnh phúc hơn không những cho riêng mình, gia đình mình mà cũng cho tất cả mọi người. Phát triển cái khả năng có hạnh phúc của mình, cái khả năng đem lại hạnh phúc cho mọi người đó là một trong những mục đích của việc tu tập. Người càng tu, thấy được đâu là hạnh phúc chân thường không bao giờ biến hoại, khác hẳn với hạnh phúc vô thường có đó rồi mất đó, người tu đó sẽ có khả năng tạo hạnh phúc cho mình và cho tất cả mọi người. Nếu tu mà không thấy có hoan hỉ, có hạnh phúc thì thôi còn tu để làm gì. Thử cứ nhìn hình tượng các Đấng mà ta tôn thờ, nhất là hình ảnh của Đức Phật Thích Ca, ta thấy hình ảnh của các Đấng đều an nhàn tự tại, Đức Phật Thích Ca thì luôn luôn vẫn cười, một nụ cười êm đềm, nhẹ nhàng, hồn nhiên của hạnh phúc chân thường chớ không phải nụ cười to tiếng hay toe toét của người thế gian một khi đã đạt được khoái lạc hồng trần.

Nói tóm lại, muốn tránh được phiền não khổ đau và đạt được hạnh phúc vĩnh hằng, con người cần phải tu. Muốn tu, con người phải trông cậy vào kinh, cơ, luật, luận để cầu lý.

Muốn thấy lý của kinh thì phải hiểu kinh phải biết coi kinh có mục đích dạy những gì để nương theo đó mà luyện tâm, rồi miêng tụng tâm hành chớ không thể tụng đọc thuộc lòng như để cho các Đấng Thiêng Liêng nghe. Các Đấng Thiêng Liêng ban cho kinh, các Đấng đã biết hết rồi không có ý để nghe tụng đọc lại. Điều các Đấng chờ đợi là người tu thấy được lý của kinh để nương theo lý này mà tu tập. Kinh là phương tiện, kinh chỉ cho thấy được Chân Lý tức là Đạo giống như chiếc bè dùng để sang sông mà đến bên kia bờ giác vậy.

Người tu phải nhờ kinh, phải hiểu lý kinh rồi tụng kinh với hạnh miêng tụng tâm hành để tu, để tự cứu lấy mình và phổ độ bao nhiêu người khác nếu có thể. Chớ người tu không thể tụng kinh mà chẳng hiểu kinh dạy gì, và tụng đọc chỉ để thỉnh cầu van xin, như vậy có được phước cũng chỉ phần nào thôi.

Nếu con người vẫn cứ ham muốn, thèm khát, tham dục, chạy theo trần cảnh làm cho tâm tán loạn; nếu con người thiếu tình thương, thiếu từ tâm, không chịu tu thân, tu giới, tu tâm, thân cứ làm ác, tâm cứ tham, sân, si, giới luật chẳng giữ gìn, đó là mình đã tự tạo phiền não khổ đau cho mình, như thế phải nhờ kinh khai thị tức mở bày ra cho thấy thiện chơn, thiên lý để rồi theo lý của kinh mà đổi vọng thành chơn, vô minh thành trí tuệ, phá mê, phá chấp để ngộ nhập.

Nói rõ hơn, tụng kinh là phải làm sao cho ý nghĩa của lời kinh thấm vào trong lòng mình. Phải để ý tới chân lý trong kinh để lời kinh được đi vào tâm làm cho những hạt giống thiên lành, những hạt giống tuệ giác, những chủng tử của trí tuệ và giác ngộ được tươi tắn bởi lời kinh. Tụng kinh cầu

lý ngoài việc hiểu lý của kinh còn phải tụng với niệm lực và định lực để ý tới lời kinh, để hết tâm vào lời kinh từ đó lời kinh có thể làm cho ta bình tĩnh ngộ nhập. Phải làm sao cho tâm ta như những thửa ruộng mênh mông mà lời kinh như là những trận mưa rào giáo pháp. Nói khác hơn, phải hiểu lý kinh để khai mở trí huệ khi tụng kinh để lời kinh càng mở mang tuệ giác. Đọc kinh, tụng kinh như thế mới đúng là đọc tụng để tu.

Khi tụng kinh, người tụng đọc đi đọc lại những câu văn mang đến lời hay lẽ phải, lời thiện lẽ chơn, và hơn thế nữa kinh còn diễn tả con đường để đi đến đạt Đạo, con đường dẫn đến Chân Lý và ngay cả Chân Lý. Nhờ tụng kinh, nghe kinh hay giáo lý, người tu sẽ lần hồi nhớ lại con người chân thật của mình vốn dĩ thiện lành, từø tâm, từ ái, luôn luôn mong cầu tự giác và được hành hạnh phổ độ tức giác tha. Đó là nhờ lời kinh hay giáo lý tụng đọc hoặc lắng nghe đã nhắc lại cho người tụng đọc hay người nghe nhớ lại bản tính, trí huệ mà con người mình có sẵn từ lâu nhưng lại che giấu bởi lớp bụi trần.

Khi tụng kinh, người tụng kinh sẽ cảm thấy được một cảm giác sâu xa về những gì thân thích, quen thuộc với mình, đã có sẵn trong con người mình nhưng bị vọng trần đè nén từ lâu, giờ nay kinh sẽ làm cho những cảm giác ấy chầm chậm thức giấc và sống dậy, dẫn người tu từ từ trở về con đường đạo lý, đó là đường tu, cách tu để siêu thăng hay giải thoát qua hạnh lễ bái, kinh kệ, để kiến tánh minh tâm.

Hơn thế nữa, càng lễ bái tụng kinh, có nghĩa càng để tâm lắng nghe thật sự những gì do kinh dạy, người tu chỉ còn nhớ lời kinh mà lần hồi buông bỏ và quên đi bao nhiêu vọng

niệm, vọng tâm, vọng thức, những thứ từ lâu do vọng trần từ bên ngoài và tư kiến, định kiến, thành kiến từ bên trong đã dồn vào chông chát và độn nay đầu óc con người. Chúng là những trở ngại, mà người đời gọi là lớp bụi trần gian, đã thực sự ngăn che con người với bản tính chân, thiện, mỹ tự nhiên và thiên nhiên trở về với Đạo. Tụng kinh, nghe kinh, người tu nhớ lời kinh, chân lý phô bày sự thật từ lời kinh mang đến, do đó người tu sẽ lần hồi buông bỏ được những gì do phàm tánh hay thú tánh gây nên. Người tu sẽ lần hồi buông bỏ được cái ta, cái ngã, huyền hóa, đó tức là lần hồi rời xa chấp ngã. Người tu trước nhất nhờ giữ giới, rời xa được chấp ngôn, rồi nhờ gỡ bỏ tụng kinh, lắng nghe kinh kệ, lắng nghe giáo lý lần lần rời xa được chấp ngã. Một khi đã rời được chấp ngôn, rời xa chấp ngã thì con đường trở về “cảnh nhàn buổi xưa” (theo kinh Đại Tường) sẽ không còn xa nữa. Người tu sẽ tiến lần gần hơn đến chốn quê xưa cảnh cũ và sẽ hoàn toàn đến nơi khi chấp ngã, chấp pháp không còn, đó cũng là nhờ Chân Lý, giáo lý từ trong kinh kệ mà có được.

Tóm lại, nếu mọi người đều hiểu rằng tụng kinh là có phước, điều đó đúng không sai. Nhưng phước không chưa đủ, cần phải có tuệ tức huệ. Tụng kinh mà hiểu được lý của kinh, tụng với niệm lực và định lực tức là tụng với trí tuệ để phát huệ nhằm khoát khỏi luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, đó mới đúng là mục đích tối hậu của đạo hạnh tụng kinh. Đó là Phước Huệ song tu.

(HT Lê Văn Thâm)



THIÊN CHÚA GIÁO

(Khảo luận của Đức Nguyên)

Mục Lục

Tổng quát về lịch sử Thiên Chúa Giáo.

Tổ chức Giáo Hội.

Cộng Đồng Vatican II.

Giáo lý và các Điều Răn.

Các phép Bí tích.

Các Dòng tu.

Hai Chi phái lớn.

Thiên Chúa Giáo tại Việt Nam.

Tiểu sử Đức Chúa Jésus.

(Tiếp theo TSTĐ số 89)

3- Hội Đồng Tòa Thánh về Gia đình :

Hội Đồng do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập năm 1973 nhằm mục đích nghiên cứu những vấn đề linh đạo, luân lý và xã hội của gia đình trong một viễn tượng mục vụ.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Lopez Trujillo.

Hội Đồng này có một Chủ Tịch Đoàn gồm 9 Hồng Y, 8 Giám Mục, và có 19 Đức Ông làm thành viên.

4- Hội Đồng Tòa Thánh về Công lý và Hòa bình :

Lúc đầu là Ủy Ban Công lý và Hòa bình do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập ngày 6-1-1967 và năm 1988 được đổi

thành Hội Đồng Tòa Thánh với mục đích ủng hộ sự phát triển của các nước nghèo, cổ vũ hòa bình và công bằng xã hội trong giao hữu giữa các nước.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Roger Etchegaray.

Phó Chủ tịch : Tổng Giám Mục Nguyễn văn Thuận.

Các thành viên của Hội Đồng gồm : 4 Hồng Y, 1 Thượng Phụ, 7 Giám Mục, và 15 Đức Ông.

5- Hội Đồng Tòa Thánh về Đồng Tâm :

Hội Đồng được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập ngày 15-7-1971 với mục đích phối hợp hoạt động từ thiện của Giáo Hội, và nhờ đó đóng góp có hiệu quả vào việc phát huy nhân phẩm và sự tiến bộ xã hội các dân tộc gặp khó khăn.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Roger Etchegaray.

Các thành viên của Hội Đồng gồm : 4 Hồng Y trong đó có Đức Hồng Y Phạm đình Tụng (VN), 14 Giám Mục và 2 Đức Ông.

6- Hội Đồng Tòa Thánh về mục vụ di dân :

Hội Đồng này do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập năm 1970 với mục đích nghiên cứu mục vụ đối với những người phải rời khỏi xứ sở của mình để tới sinh sống tại một xứ khác, bất cứ vì lý do gì.

Chủ tịch : Giám Mục Giovanni Cheli.

Các thành viên gồm : 5 Hồng Y, 29 Giám Mục.

7- Hội Đồng Tòa Thánh về mục vụ cho nhân viên Y tế :

Hội Đồng này được thành lập ngày 11-2-1985 với mục đích

ngiên cứu các vấn đề cũng như những mối liên lạc quốc tế trong ngành Y tế, nhằm giúp Giáo Hội đảm nhận vai trò nhơn đạo của mình.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Fiorenzo Angelini.

Các thành viên của Hội Đồng gồm : 10 Hồng Y, 13 Giám Mục, 6 Đức Ông và 7 Tu Sĩ.

8- Hội Đồng Tòa Thánh về Giải thích các Văn bản Giáo luật :

Lúc đầu là Ủy ban Giải thích Giáo luật được thành lập ngày 15-9-1917, sau được đổi thành Ủy ban Tu chính Giáo luật do Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII thành lập ngày 28-3-1967, sau khi ban hành Bộ Giáo Luật mới 1983 thì đổi thành Ủy ban Giải thích Giáo luật; ngày 28-6-1988 được đổi thành Hội Đồng để làm nhiệm vụ như chức danh.

Chủ tịch : Giám Mục Julian Herranz.

Các thành viên gồm : 15 Hồng Y, 3 Thượng Phụ, 2 Giám Mục.

9- Hội Đồng Tòa Thánh về Đối thoại giữa các tôn giáo :

Trước là Văn phòng được thành lập năm 1964. Ngày 28-6-1988 được đổi thành Hội Đồng với mục đích liên lạc với các tôn giáo ngoài Công giáo, cũng như cổ vũ tình huynh đệ giữa mọi người.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Francis Arinze.

Các thành viên gồm : 14 Hồng Y, 1 Thượng Phụ, 30 Giám Mục, trong đó có Tổng Giám Mục Nguyễn như Thế (VN) Giám quản Tông Tòa Tổng Giáo Phận Huế.

10- Hội Đồng Tòa Thánh đối thoại với những người không tín ngưỡng :

Hội Đồng này do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập ngày 9-4-1965, lúc đầu là văn phòng liên lạc với những người không tín ngưỡng, nhằm mục đích nghiên cứu về chủ nghĩa Vô Thần, cuối cùng là để tạo đối thoại với những người không tín ngưỡng.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Paul Poupard.

Các thành viên gồm : 14 Hồng Y và 19 Giám Mục.

11- Hội Đồng Tòa Thánh về Văn hóa :

Hội Đồng này được thành lập ngày 20-5-1982 với mục đích cổ vũ sự phát triển văn hóa và giao lưu giữa các văn hóa cũng như phối hợp các hoạt động văn hóa của Tòa Thánh và của các Giáo hội địa phương.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Paul Poupard.

Các thành viên gồm : 15 Hồng Y và 11 Giám Mục.

12- Hội Đồng Tòa Thánh về truyền thông xã hội :

Lúc đầu là một Ủy Ban do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập ngày 2-4-1964, và ngày 28-6-1988 được đổi thành Hội Đồng với mục đích nghiên cứu các vấn đề liên quan tới Điện ảnh, Truyền thanh, Truyền hình và Báo chí.

Chủ tịch : Tổng Giám Mục Patrick John Foley.

Các thành viên gồm : 11 Hồng Y, 11 Giám Mục, 1 Đức Ông và 2 Tu sĩ.

8) 3 Văn Phòng :

Ba Văn Phòng trực thuộc Phủ Quốc Vụ Khanh, giúp điều hành công việc của Tòa Thánh và quản lý tài sản.

Ba Văn Phòng này là :

- *- Văn phòng Giáo Hoàng.
- *- Văn phòng Quản trị di sản Tông Tòa.
- *- Văn phòng Kinh tế của Tòa Thánh.

9) 3 Tòa Án :

- Tông Tòa Xá Giải.
- Tòa Án Tối Cao án tín Tông Tòa.
- Toà Án Hôn phối.

10) Tờ báo OSSERVATORE ROMANO (OR) :

Tờ báo này ra đời được hơn 130 năm nay. Tờ Nhật báo của Giáo Hội được lần lần làm cho phong phú thêm và được xuất bản thêm bản hàng tuần 7 thứ tiếng.

Mục đích của tờ báo không phải là bán cho nhiều, mà là truyền đạt lời của Đức Giáo Hoàng và cung cấp tài liệu cho những người tới Tòa Thánh nghiên cứu.

Tổng Biên tập bản tiếng Pháp, người đã có công cải tổ bản tiếng Pháp mơ ước có sự thông tin 2 chiều, tức tờ báo cũng sẽ là tiếng nói của các Giáo hội địa phương nữa.

Tờ Osservatore Romano giữ kín số lượng bán ra và rất dè dặt đối với một số mặt của cuộc sống chánh trị ở Italia, nhất là về cuộc khủng hoảng hiện nay, mà đảng Dân Chủ Thiên Chúa giáo đang trải qua, một đảng mà gần đây được đặt tên là “Đảng Nhân Dân”.

Giám đốc tờ OR được Đức Giáo Hoàng bổ nhiệm.

11) Đài Phát Thanh Vatican :

Đài Phát Thanh Vatican giống như một cơ quan nghe nhìn của tờ báo OR.

Khách hàng của họ không giống nhau, phương tiện và mục đích cũng thế.

Đài Phát Thanh Vatican thông tin theo nhãn quan Công giáo cho khắp thế giới bằng 30 thứ tiếng, theo như lời nói của Linh Mục Pierre Moreau, người phụ trách chương trình tiếng Pháp từ 30 năm nay.

Đài Phát Thanh Vatican do Đức Giáo Hoàng quyết định thành lập, và bằng cách nhắc đi nhắc lại lời hứa trung thành với Đức Giáo Hoàng, Ngài đã giao cho Dòng Tên điều hành đài này.

Theo Linh Mục Pierre Moreau, Tòa Thánh rất ít khi can thiệp vào chương trình và nội dung của đài. Khi có vấn đề tế nhị cần phải cân nhắc, chúng ta tham khảo Lầu Ba (tức Phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh). Đó là trường hợp xảy ra vào tháng 6 năm 1993, khi Mỹ thả bom Bát-đa, thủ đô của nước Irac. Việc này đã tạo ra một thái độ dè dặt của Vatican, và do đó, Đài Phát Thanh Vatican cũng dè dặt.” (Trích trong quyển : Công giáo VN sau quá trình 50 năm 1945-1995)

III. Công Đồng Vatican II :

Công Đồng hay Công Đồng Chung là hội nghị của toàn thể các Giám Mục trên thế giới . Gọi Công Đồng Chung là để phân biệt với các Công Đồng Riêng của một miền.

Trong Lịch sử của Giáo Hội Công giáo, cho tới nay có tất cả 21 Công Đồng Chung, và quan trọng nhất là Công Đồng Chung thứ 21 gọi là Công Đồng Vatican II.

Công Đồng Vatican I diễn ra trong 2 năm 1869 và 1870, có tất cả 747 Giám Mục tham dự đều là người Âu Châu, kể cả

các Giám Mục từ các nước Châu Mỹ, Châu Á, Châu Phi, cũng đều là người Châu Âu. Đó là Công Đồng 20.

Công Đồng Chung thứ 21 là Công Đồng Vatican II, gồm có tất cả 2.904 Nghị Phụ được mời và 2.629 Nghị Phụ tham dự, trong đó chỉ có 1.060 Nghị Phụ là người Châu Âu.

Dĩ nhiên, trong Công Đồng Vatican II, các Nghị Phụ người Châu Âu vẫn đóng vai trò chủ chốt và tiếng nói của các Ngài vẫn là tiếng nói có trọng lượng.

Trong Công Đồng này, những vấn đề của các Giáo hội ngoài Châu Âu, cũng như những vấn đề của thế giới hiện đại là những mối bận tâm nhất của tất cả Nghị Phụ.

Thực vậy, tiếng La tinh là một ngôn ngữ , tuy không còn là phổ thông, nhưng không hoàn toàn xa lạ với người Âu Châu, không còn là ngôn ngữ duy nhất trong phụng tự nữa, mà các ngôn ngữ địa phương đều được sử dụng, kể cả trong Kinh Nguyện Thánh Thể, là một điều mà trước đây không ai dám nghĩ tới.

Công Đồng Vatican II đã dành riêng 1 trong 4 Hiến Chế để nói về “Giáo Hội trong thế giới hôm nay”.

Hơn nữa, không phải chỉ trong Hiến Chế Mục Vụ “Vui mừng và Hy vọng”, mà trong tất cả văn kiện của Công Đồng Vatican II, canh tân cập nhật hóa vẫn là mối bận tâm hàng đầu. Vì thế, Công Đồng Vatican II là bước ngoặt quan trọng của lịch sử Giáo Hội Công giáo : Nhiều vấn đề được đặt lại. Từ sau Công Đồng Vatican II, muốn đề cập đến vấn đề nào của Giáo Hội đều phải qui chiếu vào các văn bản của Công Đồng Vatican II này.

Công Đồng Vatican II, tức Công Đồng thứ 21, sau hơn 3 năm

chuẩn bị nội dung cho Đại Hội, đã được Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII chính thức khai mạc tại Đền Thờ Thánh Phêrô (Vatican) và chính Đức Giáo Hoàng điều khiển các phiên họp.

Ngày 3-6-1963, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII qua đời, Đức Tân Giáo Hoàng mới đắc cử là Phaolô VI tiếp tục điều khiển Công Đồng Vatican II. Công Đồng có 4 kỳ họp, mỗi kỳ họp kéo dài từ 3 đến 4 tháng, tổng cộng kéo dài hơn 3 năm, đến ngày 8-12-1965 mới bế mạc.

Công Đồng Vatican II đã biểu quyết 16 văn kiện gồm :

- 4 Hiến chế.
- 9 Sắc lệnh.
- 3 Tuyên ngôn.

1) 4 Hiến Chế :

- Hiến chế Tín lý về Giáo Hội.
- Hiến chế Tín lý về Mạc khải của Thiên Chúa.
- Hiến chế về Phụng vụ Thánh.
- Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong thế giới hôm nay.

2) 9 Sắc Lệnh :

- Sắc lệnh về nhiệm vụ các Giám Mục trong Giáo Hội.
- 2 Sắc lệnh về Linh Mục (đào tạo, chức vụ, đời sống)
- Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống Dòng Tu.
- Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân.
- Sắc lệnh về hoạt động Truyền giáo của Giáo Hội.
- Sắc lệnh về hiệp nhất.
- Sắc lệnh về các Giáo hội Đông phương.
- Sắc lệnh giữa những sự kỳ diệu về các phương tiện

truyền thông xã hội.

3) 3 Tuyên ngôn :

- Tuyên ngôn về tự do tôn giáo.
- Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Công giáo.
- Tuyên ngôn về giáo dục Công giáo.

Dựa trên các văn kiện pháp qui kể trên, Giáo Hội Công giáo triển khai và bổ sung, hình thành đường hướng hoạt động mới của Giáo Hội, với một số nét chánh, kể ra :

*- Vấn đề Giáo lý :

Công Đồng khẳng định những tín điều căn bản về Giáo lý được ghi trong Kinh Thánh : Thiên Chúa Ba ngôi, Công cuộc cứu chuộc loài người của Đức Chúa Jêsus, vai trò Thánh hóa Hội Thánh của Chúa Thánh Thần, Đức Mẹ Đồng trinh Maria, về nước Trời, . . .

*- Vấn đề Giáo Hội :

Giáo Hội không thể tự vỗ ngực là Thần Thánh như trước đây, mà phải hạ mình xuống để phục vụ.

Giáo Hội của Chúa phải nhằm mục đích thôi thúc tinh thần an ủi. Đó là công trạng của Chúa Jêsus đến cứu rỗi, chớ không phải đến để cai trị và phạt vạ; đi hầu hạ người chớ không phải bắt người hầu hạ mình. Giáo Hội phải nhập thế, đi sâu vào các nguyện vọng của con người, cho nên Giáo Hội luôn luôn phải canh tân và hiệp thông trong các lãnh vực thế tục cũng như các hoạt động tôn giáo.

Từng lớp Giáo sĩ của Giáo Hội không phải là những công chức của Giáo triều, mà phải tham dự tích cực vào các hoạt động xã hội để hoàn thành sứ mạng của mình.

Văn kiện nêu rõ : Giám Mục không phải bắt người hầu hạ mình, mà phải đi hầu hạ người; Linh Mục phải từ bỏ quyền lợi cá nhân , đừng tính toán đến quyền lợi riêng và quyền lợi của tập thể. Do đó, cần phải cải cách và chấn chỉnh cách đào tạo các Linh Mục.

***- Vấn đề Lễ nghi :**

Công Đồng Vatican II chủ trương cải tổ, trong đó nhìn nhận và coi trọng những đặc điểm tâm lý, phong tục, tập quán, và tín ngưỡng cổ truyền của mỗi dân tộc. Công Đồng cũng cho phép dùng các ngôn ngữ các dân tộc thay thế tiếng La tinh trong việc phụng tự, bỏ bớt những lễ nghi rườm rà phiền phức.

***- Vấn đề Giáo dục :**

Công Đồng Vatican II rất quan tâm đến vấn đề Giáo dục tinh thần Công giáo trong các thành phần giáo dân, đặc biệt chú trọng lớp thanh thiếu niên, vì đó là tương lai của Giáo Hội. Giáo dục tinh thần Công giáo là sự kết hợp chặt chẽ giữa trách nhiệm của gia đình và của Giáo Hội, với nhiều hình thức và phương pháp khác nhau, trong đó lấy việc giáo dục Giáo lý làm quan trọng, và nên triệt để khai thác các phương tiện truyền thông đại chúng phục vụ cho giáo dục.

***- Vấn đề Hôn nhân :**

Công Đồng Vatican II cho phép các tín đồ được kết hôn với người theo tôn giáo khác miễn là phía bên kia để cho người bạn đời của mình được tự do tín ngưỡng, nên Công Đồng đã hủy bỏ vạ tuyệt thông đối với những người Công giáo kết hôn với người ngoại Đạo.

Trước đây, Giáo Hội Công giáo cho rằng chỉ có đạo mình là chánh, các đạo khác là Tà, là Lạc giáo, và chủ trương không

quan hệ. Quan niệm này nay được bãi bỏ, chủ trương đoàn kết, cởi mở với các tôn giáo khác trong tinh thần bình đẳng.

- Đối với Khoa học Kỹ thuật :

Công Đồng Vatican II chủ trương đưa Khoa học Kỹ thuật theo đức tin tôn giáo, vì cho rằng mọi việc trên thế gian đều do Thiên Chúa sắp đặt, nên Khoa học Kỹ thuật phải gắn liền với tôn giáo, không được đối lập với Thiên Chúa. Sự phát triển của Khoa học Kỹ thuật nâng cao đời sống con người, là để thực hiện và hoàn chỉnh chương trình của Thiên Chúa đã định.

Công Đồng Vatican II mở ra cho Giáo Hội Công giáo một hướng hoạt động cởi mở, thích hợp và tiến bộ.

IV-. Giáo Lý và Các Điều Răn :

Toàn bộ Giáo lý, Triết lý và Giới Luật căn bản của Thiên Chúa giáo đều nằm trong quyển Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước.

1) Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước :

* **Kinh Thánh Cựu Ước** là Thánh Kinh của Đạo Do Thái, là bộ sách mà các vị Thánh của Do Thái viết lại lịch sử của dân tộc mình. Kinh Thánh Cựu Ước gồm có 4 phần :

Phần 1 là 5 quyển sách của Môi-se.

Phần 2 là các sách về lịch sử.

Phần 3 là các sách về văn thơ.

Phần 4 là các sách tiên tri.

* **Kinh Thánh Tân Ước** là sách kể lại cuộc đời và sự nghiệp của Đức Chúa Jêsus Christ, những lời giảng dạy của Đức Chúa, các hoạt động của các Thánh Tông Đồ, những lời răn dạy về đạo lý của Đức Chúa Jêsus và của các Thánh Tông

Đồ đối với con người.

Kinh Thánh Tân Ước có thể chia làm 4 phần như sau :

- **Phần 1** là các sách Phúc Âm (Tin Mừng, Tin Lành) ghi lại 4 Thánh sử của Đức Chúa Jêsus Christ do 4 vị Thánh viết : Ma-thi-ơ, Mác, Luca, Giăng.

- **Phần 2** là nói về Công vụ của các Sứ đồ, kể về hoạt động của các Thánh Tông Đồ, do Thánh Luca viết.

- **Phần 3** là các Thánh thư của các Thánh Tông Đồ gởi cho các Giáo đoàn.

- **Phần 4** là phần cuối, là sách Khải Huyền của Thánh Giăng. Ngài được Đức Chúa Trời ban ơn cho được lên Thiên đường xem thấy những sự huyền diệu của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, thấy được tương lai của nhơn loại như thế nào, và sau đó Ngài được đưa trở về thế gian và ghi chép lại các điều trông thấy đó.

Thiên Chúa giáo cho rằng Kinh Thánh là những lời mặc khải của Thiên Chúa đối với loài người, là mẫu mực tối cao của Đức Tin, nên phải được tôn sùng.

Hội Thánh do Đức Chúa Jêsus lập nên là để thay mặt Chúa khi Đức Chúa đã về Trời để truyền giảng Giáo lý cứu rỗi nhơn loại.

2) Quan niệm về Vũ Trụ :

Vũ trụ và vạn vật đều do Thiên Chúa (Thượng Đế, Đức Chúa Trời) tạo dựng .

Thiên Chúa có 3 Ngôi : Ngôi thứ 1 là CHA, Ngôi thứ 2 là CON, Ngôi thứ 3 là THÁNH THẦN.

Tuy có 3 Ngôi nhưng đồng một thể. Ngôi 2 bởi Ngôi 1 mà ra, Ngôi 3 bởi Ngôi 1 và Ngôi 2 mà ra.

Ngôi 1 là CHA tạo dựng, Ngôi 2 là CON cứu chuộc, Ngôi 3 là THÁNH THẦN : Thánh hóa.

Sáng Thế Ký trong Kinh Thánh Cựu Ước chép rằng :

Đức Chúa Trời (viết tắt là ĐCT) tạo dựng ra Trời Đất và vạn vật trong 6 ngày :

- Ngày thứ 1 : ĐCT tạo ra sự sáng và sự tối, tức ngày và đêm.
- Ngày thứ 2 : ĐCT tạo ra bầu trời.
- Ngày thứ 3 : ĐCT tạo ra đất, biển, thảo mộc.
- Ngày thứ 4 : ĐCT tạo ra mặt trời, mặt trăng, các vì sao.
- Ngày thứ 5 : ĐCT tạo ra loài cá, loài chim.
- Ngày thứ 6 : ĐCT tạo ra các loài thú trên mặt đất gồm thú rừng, súc vật và côn trùng.

Đức Chúa Trời lại dựng nên người Nam và người Nữ theo hình tượng của Ngài, ban phước cho loài người và phán rằng : “ Hãy sanh sản thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất, hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời, cùng các vật sống hành động trên mặt đất.”

ĐCT còn phán thêm : “ Nay, Ta sẽ ban cho các ngươi mọi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất và các loài cây sanh quả có hạt giống, ấy sẽ là đồ ăn cho các ngươi.” (1)

- Ngày thứ 7 : ĐCT đã làm xong các công việc, nên ngày thứ 7 Ngài nghỉ, rồi ban phước cho ngày ấy, gọi là ngày Thánh, tức là ngày Chúa nhật.

Như thế, theo Thiên Chúa giáo, ĐCT có quyền phép vô biên, tạo dựng nên Trời Đất và tất cả các vật trong bầu vũ trụ này, những vật lớn như Tinh tú, Mặt trời, Mặt trăng, các quả Địa cầu, đều do ĐCT dùng phép huyền diệu tạo ra, rồi đến các loài sinh vật ở dưới nước, trên cạn, trên bờ, trên không, cũng

đều do ĐCT tạo ra, và cả đến con người là loài khôn ngoan nhất, thống trị vạn vật cũng do ĐCT tạo ra theo hình tượng của Ngài.

Tóm lại, không vật gì trong bầu vũ trụ này mà không do ĐCT tạo dựng sanh thành.

3) Quan niệm về con người : Tội Tổ Tông.

Sau đó, ĐCT lập một cảnh vườn Ê-đen ở về hướng Đông. ĐCT lấy bụi đất nắn hình nên một người Nam, hà sanh khí vào lỗ mũi thì người đó sống dậy, gọi là A-đam.

ĐCT đem A-đam vào vườn Ê-đen để trồng cây và coi sóc vườn. ĐCT phán : “ Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn này, nhưng về cây Biết điều thiện điều ác, thì chớ hề ăn đến, vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết.” (2)

ĐCT thấy A-đam không có ai giúp đỡ, nên Ngài làm cho A-đam ngủ mê, bèn lấy một cái xương sườn của A-đam, thêm bụi đất nắn thành một người Nữ, đưa đến sống cùng A-đam. Người Nữ ấy được gọi là Ê-va, vợ của A-đam. A-đam và Ê-va đều sống trần truồng mà không biết hổ thẹn. Tội Tổ Tông :

Trong các loài thú đồng do ĐCT tạo ra có con Rắn lớn là giống quỷ quyệt hơn hết. Rắn nói với Ê-va : “ ĐCT cấm 2 ngươi ăn trái cây Biết điều thiện điều ác bởi tại sao, ngươi có biết không ? Ê-va đáp : Vì ăn trái cây ấy sẽ phải chết. Rắn nói : Hai ngươi chẳng chết đâu, nhưng ĐCT biết rằng hễ ngày nào 2 ngươi ăn trái cấm đó, mắt mình sẽ mở ra, sẽ như ĐCT, biết điều thiện và điều ác.”

Ê-va thấy trái cấm đó có vẻ ngon, lại mở được trí khôn, bèn nghe lời Rắn, quên lời căn dặn của ĐCT, hái ăn ngon lành,

rồi trao cho A-đam cùng ăn.

Đây là lần đầu tiên, 2 người không vâng lời ĐCT, nên mắc tội với ĐCT.

Ăn xong trái cấm đó thì mắt 2 người mở ra, rồi biết được rằng mình lỏa lồ, mắc cỡ, bèn lấy lá cây vả đóng khố che thân.

ĐCT biết rõ điều đó, nên phán cùng Ê-va rằng : “ Ta sẽ thêm điều khổ cực bội phần trong con thai nghén, ngươi sẽ chịu đau đớn mỗi khi sanh con, sự dục vọng của ngươi xu hướng về chồng và chồng sẽ cai trị ngươi.”

Ngài lại phán cùng A-đam : “ Vì ngươi nghe theo lời vợ mà ăn trái cấm, vậy đất sẽ bị rửa sạch vì ngươi, trọn đời ngươi phải chịu khó nhọc mới có vật đất sanh ra mà ăn. Đất sẽ sanh chông gai và cây tật lê, và ngươi sẽ ăn rau của đồng ruộng (3), ngươi sẽ làm đồ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào ngươi trở về đất, là nơi mà có ngươi ra, vì ngươi là bụi, ngươi sẽ trở về bụi.”

Việc Bà Ê-va và Ông A-đam ăn trái cấm, không nghe lời ĐCT, bị tội cùng ĐCT nên bị ĐCT quở phạt. Tội đó gọi là Tội Tổ Tông, vì 2 người là tổ tông của loài người.

Chúng ta nhận thấy, ba đoạn (1), (2), (3) là 3 lần phán của ĐCT về thức ăn mà ĐCT dành cho loài người : Đó là loài cỏ có hạt, loài cây sanh quả, các thứ bông trái, rau của đồng ruộng. Như thế, loài người chỉ được phép ăn các thứ hoa quả, thảo mộc, ngũ cốc; không có đoạn nào trong phần này, ĐCT cho phép loài người ăn thịt thú vật.

Nhơn loại do thủy tổ A-đam và Ê-va sinh ra càng lúc càng

hiều, và qua nhiều thế hệ, thì càng nhiễm những ô trược của cõi trần, nên say mê theo đường vật dục, xa lìa đạo đức, gây nhiều tội lỗi với ĐCT, nên Ngài gây ra một cuộc Tận Thế với trận Đại Hồng Thủy, tiêu diệt những kẻ hung ác, chỉ chừa lại gia đình Ông Nô-ê, con trai và dâu, vì biết đạo đức, nhân nghĩa, công bình.

Vợ chồng Ông Nô-ê trở thành thủy tổ của loài người sau này.

Từ gia đình Ông Nô-ê, loài người được sanh sản càng lúc càng nhiều, qua nhiều thời kỳ, cũng dần dần nhiễm vật chất, xa đường đạo đức. Đặc biệt loài người kiêu ngạo, toan xây dựng Tháp Babel rất cao để đi vào nước Trời.

ĐCT giận dữ vì hành động quá lắm này, nên khiến cho loài người chia ra nhiều thứ tiếng nói khác nhau, để sự bất đồng ngôn ngữ ấy mà loài người chia rẽ, không xây được Tháp Babel.

Mỗi nhóm người với một thứ tiếng nói, phân tán đi khắp các nơi để tìm đất sống, và sinh sôi nảy nở càng lúc càng nhiều, tạo thành nhiều dân tộc, ở khắp nơi trên địa cầu.

Dân tộc Do Thái là dân tộc được ĐCT chọn, đang bị bắt làm nô lệ cho các vua Pha-ra-ôn của nước Ai Cập. ĐCT cảm thương nên sai Ông Môi-se đến cứu dân tộc Do Thái thoát khỏi cảnh nô lệ người Ai Cập, dẫn dân Do Thái đến lập quốc tại vùng đất tốt đẹp bên bờ biển Địa Trung Hải.

ĐCT qua trung gian của Ông Môi-se, dạy dân Do Thái về đạo đức, luật lệ, lễ nghi thờ cúng ĐCT, và các điều Giới Răn, tạo thành Đạo Do Thái cho dân tộc Do Thái. Ai tin và làm đúng theo đó thì được ĐCT rước lên nước Trời hoàn

toàn hạnh phúc; ai không tin và làm điều tội lỗi thì bị phạt xuống Hỏa ngục.

Đó là thời Thái cổ của nước Do Thái với nền tôn giáo do Thánh Môi-se truyền bá là Do Thái giáo. Nhưng loài người, kể cả dân Do Thái, lần lần sa ngã vào vật dục, quên hết các điều răn dạy của ĐCT, gây biết bao tội lỗi. ĐCT không nỡ giết chết hết, lại mở lòng thương, quyết định cho Ngôi Hai đầu thai xuống trần, cứu chuộc tội lỗi loài người. Ngôi Hai giáng thế ấy là Đức Chúa Jêsus Christ.

Ngài khởi giảng tin lành, nhắc lại những điều răn dạy của ĐCT mà Thánh Môi-se đã truyền lại.

Ngài mở ra kỷ nguyên Thiên Chúa giáo, giảng đạo trong 3 năm, thu nhận 12 Thánh Tông đồ và rất nhiều người tin theo, rồi Ngài vâng lệnh ĐCT, hiến mình trên Thập tự giá, chịu chết để lấy dòng máu thương yêu trong trái tim thương yêu, chuộc tội cho loài người.

Ngài lấy cái chết của thể xác để cho nhơn loại sống, nên linh hồn Ngài trở về ngự bên cạnh ĐCT.

4) 10 Điều Răn và các Nghĩa vụ :

Mười Điều Răn của Đạo Thiên Chúa, chính là 10 Điều Răn mà ĐCT đã ghi trên 2 tấm bảng đá, ban cho Thánh Môi-se trên núi Sinai để đem xuống dạy dân Do Thái :

- Phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự.
- Không được lấy danh Thiên Chúa làm những việc phạm tục.
- Dành ngày Chúa nhật để thờ phụng Thiên Chúa.
- Thảo kính cha mẹ.
- Không được giết người.

- Không được Tà dâm.
- Không được gian tham, lấy của người khác.
- Không được làm chứng dối, che giấu sự gian dối.
- Không được ham muốn vợ hoặc chồng người.
- Không được ham muốn của cải trái lẽ.

Mười Điều Răn nói trên, quy lại 2 điều : Kính Chúa và Yêu người.

Giáo Hội Thiên Chúa giáo qui định thêm 6 Điều Răn :

- Xem lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc.
- Kiên việc xác ngày Chúa nhật.
- Xưng tội mỗi năm một lần.
- Chịu lễ mùa Phục sinh.
- Giữ chay những ngày qui định.
- Kiên ăn thịt những ngày qui định.

Giáo Hội cũng qui định những nghĩa vụ cần thiết đối với bản thân người tín đồ và đối với mọi người :

- Lấy điều thiện mà khuyên người.
- Hướng dẫn cho kẻ mê muội.
- Tha thứ cho kẻ khinh rẻ mình.
- Nhịn kẻ xúc phạm đến mình.
- Cầu nguyện cho người sống và người chết.
- Răn bảo kẻ có tội. - An ủi người lo âu.
- Cho kẻ đói ăn. - Cho kẻ khát uống.
- Cho kẻ rách mặc. - Cho khách ở nhờ.
- Cho người làm thuê. - Khiêm nhường.
- Chôn táng người chết. - Đoan chánh.
- Không hà tiện. - Siêng năng.
- Không tị hiềm. - Ăn uống điều độ.
- Thăm viếng người hoạn nạn.

Tóm lại, Giáo lý của Thiên Chúa giáo cho rằng, mọi vật trong vũ trụ này đều do Thượng Đế tạo dựng và hóa sanh. Thượng Đế là Đấng có quyền phép mầu nhiệm không thể đo lường, toàn năng, toàn tri, toàn thiện, toàn mỹ.

Thượng Đế dùng bụi đất tạo nên hình hài thể xác của con người rập theo hình ảnh của Thượng Đế, rồi Thượng Đế đặt vào thể xác ấy một Linh hồn để thể xác ấy có sự sống.

Do đó, con người do Thượng Đế sáng tạo ra theo hình ảnh của Ngài, nên rất được Thượng Đế trân trọng thương yêu. Ngài ban cho con người trí khôn ngoan hơn vạn vật để thống trị vạn vật.

Khi thể xác con người chết đi thì thể xác ấy sẽ trở về cát bụi vì nó do cát bụi tạo thành; còn Linh hồn thì tồn tại vĩnh viễn và trở về cõi Thiên đàng.

Vua loài Quỷ là Satan luôn luôn tìm cách cám dỗ con người làm điều sai quấy, trái với lời răn dạy của Thượng Đế, để linh hồn con người không được trở về Thiên đàng, bị phạt xuống Địa ngục mà làm tội tớ cho nó.

Tổ tiên loài người đã bị Quỷ Satan, trong lột Rắn, xúi dục ăn trái cấm, nên loài người mắc tội Tổ Tông truyền.

V. Các Phép Bí tích :

Bí tích là tất cả những gì thần thánh bí ẩn của Thiên Chúa giáo, hoặc thuộc phạm vi Giáo lý, hoặc thuộc phạm vi Tế tự, thuộc chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Jêsus.

Phép Bí tích là những phép thuật mầu nhiệm mà khi thi hành sẽ có những hiệu quả thiêng liêng mà ta không thể dùng trí phàm hay mắt phàm mà có thể hiểu biết được.

Thiên Chúa giáo có tất cả 7 Phép Bí tích, chia ra 2 phần :

- Bí tích Trung tâm gồm 1 Bí tích : Bí tích Thánh thể.
- Bí tích ngoại biên gồm 6 Bí tích, chia ra :
 - 2 Bí tích Khai tâm : - Bí tích Rửa tội.- Bí tích Thêm sức.
 - 2 Bí tích Y dược : - Bí tích Giải tội. - Bí tích Xức dầu.
 - 2 Bí tích Xã hội :- Bí tích Truyền chức - Bí tích Hôn phối.

1) Bí tích Thánh thể :

Bí tích Thánh thể còn được gọi là Bí Tích Mình Thánh Chúa, là sự tái diễn việc Chúa Jêsus đã hiến dâng thân thể cho sự cứu chuộc.

Bí tích Thánh thể dựa theo sự tích “Bữa tiệc cuối cùng” của Đức Chúa Jêsus với các môn đồ trong Lễ Vượt qua. Đức Chúa Jêsus lấy bánh và rượu nho cho các môn đệ, nói rằng “ Các ngươi hãy nhận lấy, đây là mình của ta, đây là máu của ta, máu của ta sẽ đổ xuống để chuộc tội cho loài người.”

Theo Giáo lý của Thiên Chúa giáo, sự cứu chuộc của Chúa vẫn tiếp tục trong mầu nhiệm của Bí tích Thánh thể.

Bí tích Thánh thể là đỉnh cao, là nguồn mạch trong đời sống tín ngưỡng của các tín đồ. Tất cả Bí tích khác, cũng như các hoạt động phụng tự đều hướng vào Bí tích này.

Nghi lễ Phép Bí tích Thánh thể được cử hành trọng thể tại Nhà Thờ, gọi là Thánh lễ Misa.

Trong việc cử hành Bí tích Thánh thể, quan trọng nhất là vị chủ lễ (Giám Mục, Linh Mục) đọc lời truyền phép Thánh thể theo qui định của Giáo Hội, để Bánh làm bằng bột mì và Rượu làm bằng nho trở thành thịt Chúa và máu Chúa. Tín đồ, sau khi đã Xưng tội và được Giải tội, thì được chịu phép Thánh thể, tức là được ăn một miếng Bánh hay một

phần chiếc Bánh nhỏ đã được làm phép để Chúa sẽ ngự trong lòng họ, bởi vì Chúa có nói rằng : “ Ai ăn thịt ta và uống máu ta, sẽ ở trong ta và ta sẽ ở trong người ấy.”

Theo qui định của Giáo Hội, sau khi chịu phép Bí tích Thánh thể (phép Minh Thánh) lần đầu, tín đồ phải chịu phép này mỗi năm ít nhất một lần.

2) Bí tích Rửa tội :

Bí tích Rửa tội để rửa sạch tội Tổ Tông và các thứ tội khác, để trở thành tín đồ của Chúa, thắng được vật dục, thoát khỏi quyền của Quỷ, được ân sủng của Đức Chúa Jêsus.

Bí tích Rửa tội thực hiện dễ dàng với trẻ em của những gia đình có đạo, nhưng đối với người lớn thì phải có chuẩn bị về mặt Tâm lý và phải Sám hối về những tội lỗi đã qua.

Bí tích Rửa tội thực hiện rất đơn giản, dùng nước Thánh dội lên đầu người chịu phép với câu nguyện bằng tiếng La tinh mà Chúa Jêsus truyền phải dùng : “Ego te baptizo in nomine Patris, et Filii, et Spiritus Sancti.” (Ta rửa con , nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.)

Bí tích Rửa tội do các Linh Mục Chánh Xứ thực hiện.

3) Bí tích Thêm sức :

Bí tích Thêm sức giúp cho tín đồ được ơn Chúa Thánh Thần mà liên kết chặt chẽ với Giáo Hội, vững lòng tin để đi sâu vào đời sống tín ngưỡng, như trước đây, khi Đức Chúa Jêsus lên Trời, các Thánh Tông đồ bỏ vợ, Chúa Thánh Thần hiện xuống an ủi và ban sức mạnh cho họ.

Bí tích Thêm sức chỉ làm cho người nào đã chịu Phép Rửa tội (Thánh tẩy). Nghi lễ được tiến hành bằng việc bôi một

thứ dầu thảo mộc lên trán của người chịu phép Bí tích này, và đọc một đoạn kinh ngắn bằng tiếng La tinh.

Bí tích Thêm sức do Giám Mục thực hiện trong Nhà Thờ trong dịp Lễ Misa.

Tóm lại, 2 Bí tích Rửa tội (Thánh tẩy) và Thêm sức :

- Đối với Đức Chúa Jésus, Thánh tẩy ban ơn tái sinh, Thêm sức ban ơn cường tráng, ân sủng sung mãn.
- Đối với cơ thể siêu nhiên, Rửa tội thích nghi cơ thể đó để làm việc tư nhiều hơn, còn Thêm sức chuẩn bị cho tâm hồn gánh việc công.
- Đối với Giáo Hội, Thánh tẩy nhập hiệp tín đồ vào đại gia đình các Thánh, Thêm sức khuếch trương gia đình đó ở trong và ở ngoài, trong phương diện nội trương và ngoại trương.

4) Bí tích Giải tội :

Bí tích Giải tội là để tha thứ tội lỗi đã mắc phải. Người được giải tội phải tự xét về hành vi phạm tội của mình, đối chiếu các Điều Giới Răn, rồi xưng tội với vị Linh Mục một cách thành khẩn.

Vị Linh Mục, với tư cách thay mặt Chúa, ngồi trong Tòa Giải tội, luận xét tha tội, hoặc định ra những hình thức sửa chữa đền tội bằng những việc làm nhân đức.

Luật của Giáo Hội qui định mỗi năm tín đồ phải xưng tội ít nhất một lần.

5) Bí tích Xức dầu :

Bí tích Xức dầu Thánh được thực hiện đối với bệnh nhân lúc tịnh dưỡng hay trong cơn nguy ngập để xin Thiên Chúa nâng đỡ và cứu vớt.

Các Giám Mục thực hiện phép chuyển dầu thực vật thành dầu Thánh. Các Linh Mục thực hiện Bí tích xúc dầu Thánh bằng việc dùng dầu Thánh xúc lên trán hoặc thân thể bệnh nhân, và đọc lời cầu nguyện theo qui định.

Bí tích Giải tội để chữa bệnh linh hồn, tha tội và tha hình phạt Hỏa ngục, đó là Bí tích điều trị. Nhưng khi bệnh nhân hết bệnh, cơ thể cần tịnh dưỡng, thì Bí tích Xúc dầu Thánh được thiết lập và được coi là bổ túc Bí tích Giải tội.

Bí tích Xúc dầu Thánh cũng dành cho người gần khuất bóng, trong những giờ phút cuối cùng của cuộc đời.

6) Bí tích Truyền chức :

Bí tích Truyền chức được thực hiện với các tín đồ trở thành Thừa Tác viên của Chúa : Giám Mục, Linh Mục, Phó Tế, để thay mặt Chúa chấn dất tín đồ.

Bí tích Truyền chức được thực hiện trong Lễ Tấn phong, bằng cách người truyền chức đặt tay lên người được truyền chức và đọc lời kinh cầu nguyện :

*- **Truyền chức Phó Tế :** Giám Mục đặt tay lên vị Phó Tế: “Lạy Chúa, xin Chúa sai Chúa Thánh Thần xuống người này để họ được 7 ơn Chúa kiên cường, hầu trung thành chu toàn nhiệm vụ.”

*- **Truyền chức Linh Mục :** Giám Mục đặt tay lên vị Linh Mục :“ Lạy CHA toàn năng, xin CHA trao chức Linh Mục cho tôi tớ Chúa đây, xin Chúa cải tâm tâm hồn họ bằng Thánh Thần của Chúa, để họ nhận lấy sứ mệnh có công bực nhĩ, đã được chính Chúa ưng chuẩn.”

*- **Truyền chức Giám Mục :**

“ Xin Chúa trao hết chức quyền cho Linh Mục của Chúa, xin

Chúa lấy dầu trên Trời Thánh hóa vị đã được trang sức đầy vẻ vinh quang.”

Bí tích Truyền chức trao cho người thụ chức những hiệu quả: được trao chức Thánh, sứ mệnh Thánh và hưởng đầy ân sủng của Chúa.

7) Bí tích Hôn phối :

Bí tích Hôn phối là sự nhìn nhận của Thiên Chúa đối với đôi Tân hôn Nam Nữ đã chịu phép Rửa tội, để họ chung sống trọn đời với nhau.

Bí tích Hôn phối Thánh hóa hôn nhân, Thánh hóa các tác động phu thê trong tình thương yêu chơn thật.

Bí tích Hôn phối làm tăng cường tính duy nhất và bền vững trong hôn nhân và quan hệ gia đình của tín đồ.

VI. Các Dòng Tu :

Trong Công giáo, bên cạnh các tổ chức mang tánh cách hành chánh điều khiển các hoạt động của Giáo Hội, như đã trình bày ở các phần trên, còn có tổ chức một hệ thống các Dòng Tu hoạt động rất mạnh.

Theo Giáo luật, Dòng Tu (L'Ordre des religieux) là một tập thể tín đồ từ bỏ cuộc sống thế tục để cống hiến trọn đời cho Đạo pháp, góp phần cùng Giáo Hội cứu rỗi nhơn loại. Khi chấp nhận hiến thân trọn đời cho Đạo, tín đồ phải lập thế :

- Thanh khiết, là giữ cuộc đời độc thân trọn vẹn.
- Thanh bần, là giữ cuộc đời trong sạch nghèo nàn.
- Vâng phục, là nghe lời bậc Bề trên dạy dỗ.
- Huynh đệ, là sống trong đại gia đình với tình anh em.

a) Tổ chức các Dòng Tu :

Mỗi Dòng Tu có hiến chương riêng và qui chế hoạt động riêng. Hệ thống tổ chức trong Dòng Tu thường có 3 cấp :

- Bề trên Dòng, còn gọi là Bề Trên Cả hay Bề Trên Tổng Quyền.

- Tỉnh Dòng.

- Các Tu viện và các cơ sở hoạt động.

Mỗi Dòng Tu thường tổ chức Đại Hội định kỳ để tổng kết và đánh giá tình hình hoạt động, đề ra chương trình, thay đổi nhưn sự lãnh đạo.

b) Phân loại các Dòng Tu :

Có 2 cách phân loại các Dòng Tu :

1) Phân loại theo Qui chế : 2 loại.

- Dòng Tu theo Qui chế Tòa Thánh, là những Dòng Tu lớn, có từ lâu đời, mang tính chất quốc tế, đặt cơ quan Trung ương tại Tòa Thánh La Mã, như các Dòng Tu : Bơ-noa, Đô-mi-ni-cô, Phẫn-xi-cô, Dòng Chúa Cứu thế, . . .

- Dòng tu theo Qui chế Giáo Phận, thuộc quyền điều khiển trực tiếp của Giám Mục Giáo Phận. Một số Dòng Tu theo Qui chế Giáo Phận ở VN như: Dòng Thánh Tâm ở Giáo Phận Huế, Dòng Giu-se ở Giáo Phận Nha Trang, . . .

2) Phân loại theo cách hoạt động : 2 loại.

- Dòng Tu Chiêm niệm (Contemplatif) chuyên chú vào việc tụng kinh, trầm tư chiêm nghiệm (Thiền định) và tự lao động để sinh sống. Những tu sĩ trong Dòng Chiêm niệm thường không ra ngoài hoạt động, chỉ ở trong các nhà tu kín.

Một số Dòng Tu Chiêm niệm như : Dòng Bơ-noa, Dòng Ca-mê-lô, . . .

- Dòng Tu hoạt động (Actif) chuyên chú về các hoạt động xã

hội dưới nhiều hình thức :

. Hình thức tôn giáo : như giảng dạy Giáo lý, Thần học, Truyền giáo.

. Hình thức từ thiện : như Giáo dục, Y tế, Cứu trợ.

Các Dòng này như : Dòng Tên, Dòng Đô-mi-ni-cô, . . .

2) Phân loại theo Giới tính : Nam và Nữ phái.

Phụ nữ Công giáo chỉ được tham gia vào các Dòng Tu, không được huấn luyện để trở thành Linh Mục, Giám Mục, lãnh đạo các cấp hành chính của Giáo Hội. Đây cũng là một thiệt thòi lớn cho Nữ phái Công giáo.

Các Dòng Tu chỉ gồm toàn là tu sĩ Nam phái, hoặc gồm toàn Nữ phái, không có Dòng Tu nào vừa có Nam tu sĩ, vừa có Nữ tu sĩ.

Các tu sĩ trong Dòng Tu được phân làm 2 bậc: Các tu sĩ thường (Nam gọi là Frère : Huynh, Nữ gọi là Soeur [Bà sơ] : Tỷ), và bên trên là các Linh Mục bên Dòng Tu Nam phái, và Bà Bề Trên bên Dòng Tu Nữ phái.

Các Linh Mục Dòng được đào tạo như các Linh Mục bên Giáo triều và có các hoạt động như Linh Mục Giáo triều, nhưng chỉ hoạt động trong Dòng Tu mà thôi. Tuy nhiên, cũng có Dòng Tu không có Linh Mục, như Dòng Tu La-san (Lasal).

(Còn tiếp)



Tìm Hiểu CON ĐƯỜNG THIÊN LIÊM HẰNG SỐNG (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)

Có lời phán từ Bạch Ngọc Cung:
“Ta truyền lệnh xuống cho Người qua con ta”.
Lệnh truyền: “Hãy thương yêu nhau”

Kính dâng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc

(Tiếp theo TSTD số 89)

32*- Vai trò của cung Hiệp Thiên Hành Hóa?

Đức Chí Tôn đã để hai chữ Hiệp Thiên trong cửa Đạo, tức nhiên đem hình tượng cung Hiệp Thiên Hành Hóa để nơi mặt thế gian này. Cung Hiệp Thiên Hành Hóa là nơi ngự của Tam Trấn Oai Nghiêm ¹, nơi của các Đấng trọn lành. Dù Thần vị, Thánh vị, Tiên vị hay Phật vị đều phải trọn kính mới vào được Cung Thế Thiên Hành Hoá. Cung ấy đặc biệt để bình vực vạn linh sanh chúng, hằng ngày cầu nguyện và xin tội cho mọi người. ,

Chẳng phải nơi mặt địa cầu này thôi, trong Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa cầu đều có đại diện của vạn linh để bào chữa tội cho sanh chúng. Đó là nét công chánh, hơn từ với ý nghĩa tận độ chúng sanh. Các bạn duy có tu mà thành và không có quyền hành nào bỏ rơi các bạn.

Hằng ngày nhớ tưởng tới lễ ấy để tâm hằng hái đặng làm

1- Tam Trấn Oai Nghiêm là Đức Lý Giáo Tông, Đức Quan Âm, Đức Quan Thánh Đế Quân

bừu bồi theo chơn Đức Chí Tôn cho trọn Đạo. Khi Bần đạo vào thì thấy họ niềm nở và nói rằng: về nếu có thể, nói lại với sanh chúng hiểu cái án của kiếp sanh họ đã có nhiều, chúng ta đã đảm nhiệm nhiều nỗi khó khăn. Ước ao sao các bạn hiểu LUẬT NHƠN QUẢ, quyền Thiêng liêng thưởng phạt là gì? Các bạn duy có tu mà thành, tu hành thì không ai có quyền nào biếm nhẽ và không có quyền nào bỏ rơi các bạn.

Cung Hiệp Thiên Hành Hoá nắm quyền nhơn loại cả Càn khôn vũ trụ, nhiều trái địa cầu, duy có địa cầu 68 này, các Vị ở cung Hiệp Thiên Hành Hoá khổ tâm hơn hết là lo địa cầu này phải chịu oan gia của Hạ Nguơn Tam chuyển.

33*- Long Hoa Hội là gì ? Tại sao phải mở Long Hoa Hội ?

Thời kỳ này là sắp mãn Hạ Nguơn Tam Chuyển, Thiên Thơ đã định Long Hoa Hội. Thánh Giáo Đức Chí Tôn nói: “Các con phải chung cùng nhau, tức nhiên lập Long Hoa Hội, định vị cho các chơn linh trong kỳ Hạ Nguơn tam chuyển này, đặng mở Thượng Nguơn tứ chuyển ”. Mở Long Hoa Hội, tức nhiên là Ngài sẽ chấm dứt đau cho các chơn linh. Vì có cho nên chúng ta ngó thấy huyền vi bí mật nơi mặt thể này: Đức Chí Tôn đến mở Đạo, oan gia nghiệp chướng phải trả liền buổi này, không cho thiếu, trả mãn mới thôi.

34*- Nguyên nhân nào toàn cầu nhân loại buổi này hỗn loạn, tương tàn tương sát lẫn nhau, các nền chính trị thế giới xiêu đổ?

Thú vật còn chung sống cùng nhau, hiệp nhau đặng sống, trong đó có nhiều giống tự chủ lấy nó. Nhơn loại là người,

chẳng khi nào sống riêng mình được. Tại sao? Tại sự thương yêu ràng buộc trong phương sống, con người lấy trí khôn ngoan tức cái thiên lương đặng chung hiệp.

Con người sợ nhiều thú dữ nên lập xã hội để bảo vệ cho nhau, quây quần chung sống mới có tinh thần vững chắc. Con người phải định bổn phận đáp trả lại xã hội như quần. Trái lại, họ dùng trí khôn ngoan để lường gạt, ăn gian, xảo mị. Con người vì giành sống mà tìm cách giết nhau. Vì có, oan gia trái chủ là tự chúng ta tạo nghiệp. Con người có thể qua mặt xã hội được, nhưng luật công bình thiêng liêng căn quả chẳng hề khi nào chúng ta qua mặt được. Như quần xã hội sống cùng nhau tức nhiên phải có định chủ quyền. Hồi trước, mỗi nơi có một vị đủ trí thức, tài tình, đủ mạnh mẽ làm chủ. Khi lập quốc, mọi người phải tôn sùng cung kính vị Chúa của nước. Như trí buổi ấy hiền lương, Thánh Đức của họ không xảo trá, hung ác. Chịu ảnh hưởng văn minh khoa học, trí lự khôn ngoan của nhưn loại đi quá xa, không phương thế trị an được nên chính quyền thường bị đánh đổ. Ngày nay nhưn loại trên địa cầu này đều xu hướng theo dân chủ, vậy dân chủ là gì? Là đại đa số dân chúng tổng hợp lại nắm chủ quyền. Hại thay có nhiều hạng người không đủ tinh thần học thức, không đủ tâm đức để làm đại diện cầm sanh mạng nhưn loại. Làm chúa thiên hạ với phương xảo mị, không phải với phương pháp tối cổ. Cả tinh thần trên mặt địa cầu này đều loạn, chỉ vì không có quyền vi chủ.

35*- Có con đường nào, giải pháp nào cho hoà bình thế giới ?

Đức Chí Tôn nói: Phương pháp tạo quyền của nhưn loại không thể gì bền vững được, ta coi các người đập phá tan tành hết. Ta đến cho lại, ta chỉ đường cho. Con đường Đức

Chí Tôn chỉ là con đường Pháp Chánh. Ngày giờ nào trên mặt địa cầu này: quốc gia, xã hội, nhơn quần biết tìm chủ quyền đặc sắc, vĩnh cửu, công chánh, tức họ phải đi theo Pháp Chánh của Đạo Cao Đài mà tạo hình tướng thánh thể nước nhà. Pháp Chánh có năng lực đào tạo quyền hành cho nhơn loại. Muốn được món báu ấy, nhơn loại phải tự tỉnh định quyền vì chủ lấy mình trước, quyền đó do nơi đạo đức tạo thành vậy.

Ngày giờ nào nhơn loại trở lại con đường đạo đức gây dựng phương pháp sống, mới sống vinh quang, hạnh phúc được. Ngày giờ nào tiêu diệt được quả kiếp hung tàn, trở lại con đường đạo đức, ngày giờ ấy nước nhà mới yên ổn, thiên hạ mới hưởng được hồng ân đặc biệt của Đức Chí Tôn ban cho.

36*- Nếu con người quá hung ác, con người có thể bị trở lại kiếp thú chằng ?

Bần đạo vẫn nạn các Đấng Thiêng liêng buổi ban sơ, không thể gì con người có thể đầu kiếp làm thú. Các Đấng Thiêng liêng trả lời dè dặt: “Khi có nhiều chơn linh không đáng địa vị nhơn phẩm, làm thế nào cho có sự tấn hoá toàn thể. Ở nhơn phẩm hoặc đứng chựng hoặc tấn tới. Hễ ta đứng không đặng phải thoái bộ, mà con người đã thối bộ tức nhiên trở lại thú rồi. ”

37*- Tại sao chúng ta phải ở đây? Sống để làm gì ?

Toàn thể thiên địa trên mặt địa cầu này đều do quả kiếp. Quả kiếp ấy gây dựng sản xuất ra do cơ tạo hoá của nó. Vừa lọt lòng mẹ, ta mang bao nhiêu thứ nợ: nợ trái chủ, nợ quả kiếp đủ thứ. Thiên Chúa giáo gọi là nợ Tổ tông đó. Cái nợ nó thiết yếu, trọng hệ, mắc mỏ lắm. Hễ trả hết nợ,

mình lại được giàu thêm, vinh diệu thêm. Vậy làm sao trả cái quả kiếp ấy cho rồi, đừng để nó theo ràng buộc cái khối thiên lương của chúng ta. Thể xác này là con kỳ vật, con thú chúng ta cỡi. Con vật này làm cho ta thiếu nợ kiếp sanh của nó. Phương pháp trả nợ như thế nào? Phải nương theo cơ quan hữu vi này mà sống. Nó quyết định làm tôi tớ cho xã hội, làm tôi cho mặt địa cầu này để trả nợ tình. Ngày giờ nào nó không làm tôi tớ cho cơ quan hữu hình này, thì mỗi nợ ấy vẫn còn.

Cái triết lý cao thượng hơn hết là mình không sống cho mình mà sống cho xã hội như quần. Được thế, cơ quan giải khổ của chúng ta chắc chắn không ai là không đoạt được.

38*- Tại sao chúng ta phải chịu Tứ khổ ?

Các chơn linh đến trần gian này mang xác phàm, nương với cái hình luật tấn hóa của các chơn linh để lập thiên liêng vị của mình. Muốn đoạt thiên liêng vị xứng đáng thì phải giải quyết vấn đề Tứ Khổ: SINH, LÃO, BỆNH, TỬ' .

Ngó thấy vạn loại: con cá bị nhốt trong chậu, con chim bị nhốt trong lồng, con người bị nhốt trong Tứ Khổ. Tất cả đều tìm phương thế đặng thoát cái ngục nơi mặt Càn Khôn Vũ trụ này. Thể xác là cái khám nhốt chơn linh chúng ta. Như con thú kia nó vùng vẫy thoát cảnh khổ, dù thoát không được nó vẫn tìm mọi cách vùng vẫy. Con người cũng vậy, tìm phương kế hoạt động để giải khổ; tìm không đặng cũng kiếm cách để an ủi lấy mình. Ngặt nỗi để tìm phương thoát ngục ấy phải chịu bao nhiêu là khổ hải. Nhiều khi chưa tìm đặng hạnh phúc để giải khổ, nó làm cho mình thêm tội mà chớ.

39*- Hạnh phúc thật sự của loài người là gì?

Có cách nào thắng được cảnh khổ chăng ?

Chúng ta thử tìm hiểu hạnh phúc trong cảnh trần là gì? Có hiểu được mới giải quyết vấn đề thắng khổ được. Có một chơn linh sắp đi đầu kiếp nhưng cự nự lắm, xin Diêm Vương cho mấy điều thì chơn linh ấy mới chịu đi. Đó là:

Cha Thượng Thơ

Con Trọng Nguyên

Quanh nhà ngàn khoản nhứt hạng điền.

Trai tơ gái lịch, vợ tốt hầu xinh thầy thầy đều

Diêm Vương nói: dù có cho người cũng chưa chắc người có hạnh phúc.

- Linh hồn ấy muốn mình là Trọng Nguyên con của vị Thượng Thơ. Nếu gặp vị Thượng Thơ gian ác, tham ô bị dân oán ghét người còn có hạnh phúc chăng ?

- Nếu thi đậu làm Trọng Nguyên mà mệnh yếu, chết sớm, có hạnh phúc chăng ?

- Nhà nhiều ruộng đất đặng làm giàu, bất quá tham của thôi, chứ chưa có hạnh phúc.

- Trai tơ, gái lịch, vợ tốt, hầu xinh có tạo hạnh phúc được chăng ? Chưa chắc, vợ đẹp cậy thế đè đầu mình, hầu xinh ganh ghét, hãm hại nhau ... Tất cả đều chưa chắc tạo hạnh phúc được.

Ngay cả bậc Đế Vương cũng chưa chắc kiếp sanh đoạt được hạnh phúc. Muốn lập quốc và tạo hạnh phúc cho quốc dân phải có 3 điều kiện. Đó là Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hoà.

a. Thiên thời là gì? tức nhiên theo mạng Trời; từng mạng Trời tức nhiên từng Đạo.

b. Địa lợi là gì? là biến đất đai trở nên sung túc. Muốn vậy

phải có đạo đức, có nhơn tài.

c. Nhơn hoà đặng chi? Nếu lòng người không hòa thì sẽ có loạn lạc, chiến tranh.

Đó là 3 điều đặng tạo hạnh phúc cho quốc dân, mà nhà lãnh đạo nước có phương thế tạo đặng hay chẳng. Nếu tạo không được, tức chỉ tìm hạnh phúc trong mơ mộng mà thôi.

Hại thay, nhơn loại không biết nghe theo tiếng Thánh đặng tự giác sửa mình hầu tìm được hạnh phúc chơn thật.

40*- Năng lực của các Tôn giáo có đủ để bảo vệ phần hồn của sanh chúng không ?

Khi lập giáo, các vị Giáo chủ lấy một thuyết trọng yếu đặng làm triết lý Đạo giáo của họ. Tỷ như :

Thánh Giáo Gia Tô lấy TÂM làm căn bản,
Lão giáo lấy THÂN làm căn bản,
Hồi giáo lấy TÍN NGƯỠNG làm căn bản,
Phật giáo lấy TỪ BI BÁC ÁI làm căn bản,
Không giáo lấy TRÍ làm căn bản.

Mỗi giáo lý đều có sở năng làm trung tâm điểm đặng vi chủ tinh thần của con người trong khuyết điểm của họ.

Thoảng có một vị tu theo Phật giáo, chẳng noi theo tánh đức nhà Phật là trọn kiếp sanh đem thân phụng sự cho nhơn loại, sang trọng, vinh hiển coi như giọt sương đầu cỏ. Xuất thân Đế Vương mà Ngài bỏ hết, mang bình bát đi hành khất, tạo Cô Độc viên nuôi kẻ nghèo khó. Mảnh áo Ngài không muốn mặc sang hơn kẻ khó khăn. Ăn mày như thế mới siêu thoát tinh thần làm sao! Nếu một vị giáo đồ nhà Phật lấy căn bản hành khất ấy để tạo cảnh chùa; ngồi đợi chúng sanh cúng dường đặng ăn mà sống, đem cả màu nhiệm Thiêng liêng của Phật dạy làm khí cụ dụ dỗ mà chưa hề phụng sự chúng

sanh như Phật Thích Ca. Đến khi về cửa thiêng liêng nói: Tôi theo tôn chỉ nhà Phật mà Phật đoạt vị được, tôi cũng phải đoạt vị như Phật chứ ? Hỏi vậy nơi cung Hiệp Thiên Hành Hoá, các Đấng làm sao bảo vệ cho kẻ ấy nơi Cực Lạc Thế Giới và Ngọc Hư Cung đặng ?

Đức Gia Tô truyền Thánh Giáo lấy Tâm làm căn bản. Vì lòng yêu ái vô tận của Ngài đối với chúng sanh, Ngài xin mang cả tội tình của loài người vào mình. Ngài chịu chết trên cây Thánh Giá đặng cứu rỗi nhơn loại. Thoảng như môn đệ của Ngài về tới cung Hiệp Thiên Hành Hoá nói: Tôi theo chơn truyền của Đức Chúa Jesus Christ, tôi đem mảnh tâm hiến cho Đức Thượng Đế; nhưng tinh thần của họ chẳng mấy may yêu ái chúng sanh. Trái lại họ cầm cái quyền nhơn danh Đức Chúa Trời tha tội cho nhơn loại đặng vì chủ tinh thần loài người, hành tàng của họ thực hiện không đúng gì với chơn lý cao siêu của Đức Chúa Jesus cả. Nơi cung Hiệp Thiên Hành Hoá, họ sẽ trả lời thế nào về hai quyền năng Trị Thế và Giác Thế ?

Khổng Giáo lấy Trí làm căn bản. Trí thực muôn hình vạn trạng. Dem cái triết lý cao siêu ra tạo xã hội nhơn quần không phải dễ. Đức Khổng Tử phải dùng trí đặng tự tu kỳ thân. Có vậy mới đủ quyền năng giáo hoá nhơn loại đến trọn lành. Ngược lại, môn đồ của Ngài học nhiều thấy rộng, nói cho hay cho khéo, lấy cả tinh thần cao thượng làm vui miệng, còn thật chơn lý không ai làm đặng. Những kẻ ấy về Ngọc Hư Cung kêu nài: Tôi theo Đạo giáo của Đức Khổng Tử, đào luyện tri thức, trọng nhơn luân phẩm cách, tôi cũng có quyền đứng vào phẩm Thánh! Sự thực họ chẳng thực hành gì cả mà còn lấy trí thức để giục loạn làm cho xã hội điên đảo, dùng miệng lưỡi lường gạt kẻ dốt nát, mượn ngòi bút

bán cả sanh mạng con người. Hỏi những kẻ đó Đức Không tử có nhìn không ?

Tóm lại, các vị Giáo chủ đã tạo ra nền Tôn giáo, tinh thần của các vị chỉ biết phụng sự cho nhơn loại. Họ chịu khổ hạnh muôn cay ngàn đắng trọn kiếp sanh đào tạo tinh thần cho loài người. Hại thay, cả triết lý Đạo Giáo thay vì tạo hạnh phúc cho nhơn loại đã bị làm khí cụ cho kẻ vô tâm lợi dụng đặng lường gạt tinh thần nhơn loại. Nếu Cung Hiệp Thiên Hành Hoá chiếu luật “Tội vi Trưởng ” thì chưa chắc các vị Giáo chủ ấy ngồi yên trên Liên Đài của họ đặng, mà phải hầu toà mãi thôi.

41*- Năng lực của Tôn giáo Cao Đài như thế nào ?

Tôn giáo của Đức Chí Tôn lấy tinh thần làm căn bản. Tinh thần của nhơn loại hiện ở dưới quyền áp bức của văn minh vật chất. Tinh thần ấy có đủ quyền năng bảo vệ họ chăng? Nếu tinh thần của nhơn loại không quật khởi lên bằng tự quyết, tự chủ, tự định phận mà làm nô lệ cho vật chất thì tương lai Đạo Cao Đài sẽ ra sao? Chúng ta nên có một dấu hỏi ?

Chúng ta để mắt nhìn Đức Chí Tôn tạo hình thể nào đặng bảo trọng tinh thần đạo đức của loài người. Ấy là phương pháp ta nương theo đó đặng tạo dựng khối đức tin vững chắc bền bỉ vậy.

42. Sống không đức tin sẽ ra sao ?

Có nhiều điều rắc rối giữa quyền năng binh vực các chơn linh nơi cung Hiệp Thiên Hành Hoá đối với quyền trị thế của Ngọc Hư Cung và quyền giáo hoá của Cực Lạc Thế Giới. Những nhà tư tưởng vô tín ngưỡng tới chừng về Thiêng

Liêng rồi phải buộc mình quì trước mặt luật Thiêng Liêng chịu khảo duyệt tinh thần.

Họ đưa ra nhiều lý lẽ phản đối, tỷ như: Mấy nhà đạo giáo dạy Đạo cho nhơn sanh nhưng đối với phương sanh sống của đời không có quyền chi hết, còn làm trở ngại bước đường tranh đấu của loài người. Chớ chi quyền năng Tạo Đoan cho chúng tôi thấy hiện tượng trước mặt hay là bảo trọng đặng sanh mạng của loài người thì ai không muốn tu? Các vị Giáo chủ khuyên chúng tôi làm lành lánh dữ. Chúng tôi muốn làm lành nhưng nếu chúng tôi nhịn thì bị cái dữ của thiên hạ tàn hại. Thế gian kia bao nhiêu bực đạo đức phải chịu khuất thân dưới quyền cường bức của thế gian, chịu mai một thiệt thòi; bây giờ các Ngài biểu nương nơi họ mà tạo đức tin, tôi chưa thấy, xin các Ngài tả hình cho chúng tôi thấy thử.

Các Đấng nơi cửa Thiêng liêng mới bảo: các ông đã vãn quảng kiến tìm phương thế bào chữa, chứ chơn lý không phải như mấy ông bày ra đó đâu. Các ông không biết tin mình thì còn tin ai, còn tin triết lý Đạo Giáo sao được.

Nếu triết lý Đạo giáo không có thì nhơn loại sẽ thuộc vào hàng thú cầm. Hỏi các ông nương theo lý thuyết nào mà biết mình tối linh, cao trọng hơn vạn loại? Các ông tính chối phẩm vị cao trọng của mình đặng nạp cả mạng sanh và tâm hồn vào chỗ đê tiện thì bảo tinh thần phải nương nơi đâu? Tấn tuồng tranh sống giục thúc nhơn loại tàn hại như thế nào? Bậc trí thức tìm hạnh phúc trong cái sống vật chất, tức là cái sống của con vật. Loài người đào óc não mưu cầu hạnh phúc cho kiếp sống mà đã nên chưa, thành hình chưa? Hay còn đang chiến đấu, mà chiến đấu đến chừng nào? Các ông trách quyền thiêng liêng không để một oai quyền trước

mắt định đức tin cho thiên hạ. Dám chắc rằng dầu cho Đức Chí Tôn hiện hình biểu con người theo Ngài đi nữa, con vật trong họ biểu họ chỉ theo hạnh phúc của con thú mà thôi! Như kẻ đánh xúc xắc, đánh trúng mới ăn tiền, nếu để chén ngửa ra thì thiên hạ ai nói cũng trúng hết.

Có biết ta rồi mới biết thiên hạ, biết thiên hạ rồi mới biết đến ngôi Chúa Tể Càn khôn Vũ trụ. Biết Đấng ấy là biết rõ mình vậy. Sống không đức tin nghĩa là không biết mình, khác nào cây cỏ vật loại kia thì không có nghĩa gì hết, sống ấy vô giá trị.

43*- Nhiều tôn giáo quá làm cho tinh thần loài người hoang mang, không biết nên để đức tin nơi nào ?

Mỗi Đạo giáo có phương chức tu hành đặng dục tấn trên về mặt tinh thần trên con đường Thiêng liêng Hằng sống.

- Nhon đạo dạy nhơn loại TÙNG KHỔ
- Thần đạo dạy nhơn loại THẮNG KHỔ
- Thánh đạo dạy nhơn loại THỌ KHỔ
- Tiên đạo dạy nhơn loại GIẢI KHỔ
- Phật đạo dạy nhơn loại THOÁT KHỔ

Tất cả chỉ có một triết lý. Vì muốn diệt khổ mà các Tôn giáo đề ra nhiều con đường, nhiều biện pháp. Không có tôn giáo nào dạy điều quấy, tức nhiên dạy làm phải. Nếu thấy phải mà không dám làm theo thì là bạc nhược tinh thần lắm vậy. Người ta dọn một bữa cơm có nhiều món, nếu nói nhiều quá cứ cầm đũa quơ hoài không biết chọn món nào rồi chịu đói sao? Phải ăn chứ! Các nền Tôn giáo đã đề tại mặt thể này tùy theo trí hoá, tánh đức của nhơn loại tiến tới điểm nào để Tôn giáo đến cho vừa điểm ấy.

Tôn giáo là gì? Tôn giáo nào cũng dạy cho ta sáng tạo đạo đức tinh thần. Tổng số các Tôn giáo ấy tạo ra thiết tướng của đạo đức, chứ nào phải tạo ra cho nhiều để chỉ trích nhau, tàn diệt nhau. Chơn lý ấy chỉ là một. Đó là sống trong cái sống của tín ngưỡng, sống trong con đường hằng sống. Dù cho một trăm đường đi, ta chỉ cần biết một nẻo là đủ, đi đến là cõi Thiên liêng Hằng sống. Đó là cảnh mà ta cần tìm chứ không phải cảnh phạm này.

44*- Triết lý “vị tha diệt kỹ” hay “dĩ công diệt tư” nếu đem thực hành có thể đem nhơn loại ra khỏi vòng tương tàn tương sát lẫn nhau ?

Tại mặt thế này có nhiều lẽ bất công trước mắt, trường đời hỗn loạn mạnh được yếu thua, tấn tuồng ấy cứ tiếp diễn hoài. Hỏi có quyền năng nào đủ năng lực để ngăn không cho sự bất công tiếp diễn nữa không ?

Các Đấng nơi Cung Hiệp Thiên Hành Hoá trả lời rằng: cũng bởi nguyên căn dĩ tư diệt công, dĩ kỹ diệt tha. Giờ nào nhơn loại biết DĨ CÔNG DIỆT TƯ, DĨ THA DIỆT KỸ giờ ấy là giờ giải thoát cho nhơn loại. Hễ dĩ kỹ vị tư tức có tương tranh, mà có tương tranh ắt có tương tàn tương diệt. Luật Thiên nhiên định quyền dĩ công diệt tư, dù cho xã hội nhơn quần đến gia đình cũng vậy. Trong gia đình nếu con cái lấy tư kỹ thì gia đình ấy xào xáo. Trong một quốc gia, dân phải vì nước mình thì nước mới giàu mạnh nếu dân vị kỹ không biết hy sinh, chỉ biết hạnh phúc cá nhân thì nước nhà suy yếu, loạn lạc. Nếu một nước lo cho nước mình giàu mạnh hơn các nước khác mà xâm lăng nước ngoài thì chiến tranh phải xảy ra!..Luật thiên nhiên dục tấn đặng chi? Đặng đưa họ đến con đường hiệp nhứt, vị tha bất vị kỹ. Hại thay, nhơn

loại chưa có tinh thần đó.

Đức Chí Tôn là Cha của mỗi đứa mình, Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh của mình. Cả hai cũng là công, không phải tư đợc. Về quyền Thiêng liêng, nắm cái Càn khôn lập quyền năng vững chãi do nơi cơ quan vị công bất vị tư. Thế gian này ngày giờ nào nhơn loại lấy của mình làm công thì ngày ấy thiên hạ mới hạnh phúc.

45*- Quyền năng của luật Bác ái & Công bình?

Các chơn linh thiếu đạo đức tinh thần công kích: tại sao các vị Giáo chủ lập giáo bất đồng với nhau, phản khắc nhau; biểu sao nhơn loại không chia rẽ, không thống nhất? Các Đấng nơi cung Hiệp Thiên Hành Hóa nói: luật hữu hình bất công của các chủng tộc nơi mặt địa cầu này là tại nhiều tâm lý, tâm đức, tinh thần bất đồng của nhơn loại.

Như Đức Phật Thích Ca lập giáo nơi Ấn Độ. Ngài vẫn làm chủ tâm lý loài người do đâu? Do mặt luật Bác ái và Công bình. Các nền Tôn giáo mở đường chỉ nẻo cho nhơn loại đến con đường Đạo, tức là tín ngưỡng thờ Người và thờ Trời. Những phương pháp các vị Giáo chủ tạo ra cho có hình tướng cốt yếu dịu dặt tinh thần nhơn loại đi đến mức cao thượng là Bác ái và Công bình. Đó cũng là đạo Nhơn luân vậy.

Đức Jesus Christ nếu không Bác ái thì chưa đem xác thịt của mình làm con vật tế để cầu xin Thượng Đế tha thứ tội tình cho nhơn loại. Nếu đem ra làm kiểu mẫu cho nhơn loại bắt chước thì Tôn giáo Gia Tô đã đoạt đợc bao nhiêu tinh thần thương yêu nơi mặt địa cầu này. Đạo Cao Đài xuất hiện với Luật Bác ái và Pháp Công bình. Dầu luật pháp muôn hình

ngàn tướng cũng vẫn trong luật Bác ái và Công bình mà thôi.

46*- Đệ tam hoà ước ký giữa Chí Tôn và nhơn loại là gì? Giá trị của LUẬT THƯƠNG YÊU VÀ QUYỀN CÔNG CHÁNH ?

Trên mặt địa cầu có nhiều chủng tộc nên tâm lý, tâm đức bất đồng thay. Các Giáo chủ như Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Chúa Jesus v..v.. vì thấy thiên hạ không biết nhìn phẩm vị của mình, không biết định vị cho mình nên các vị đem Bác Ái, Từ Bi thức tỉnh nhơn loại buổi ấy. Những phương pháp các vị tạo ra đều chung một hình tướng là Bác Ái, Công Bình, cốt yếu để dìu dắt tinh thần nhơn loại đi đến mức cao thượng. Hễ biết trọng mình, biết trọng nhơn phẩm của mình tức biết Thiên đạo; Biết Thiên Đạo tức biết Thiên điều ; biết Thiên điều tức biết Đức Chí Tôn tạo Đạo, mình phải giữ Đạo.

Đạo Cao Đài xuất hiện, Đức Chí Tôn ký một bản hoà ước thứ ba với nhơn loại vì hoà ước thứ hai đã bị nhơn loại phản bội, không giữ sự tín ngưỡng của mình nên thất Đạo, nhơn loại đi trên con đường tương tranh tự diệt nhau. Trong Đệ Tam Hoà Ước này Đức Chí Tôn buộc nhơn loại, nhứt là Thánh thể của Ngài thi hành LUẬT THƯƠNG YÊU VÀ QUYỀN CÔNG CHÁNH. Tờ Hoà Ước này, Ngài buộc thi hành theo luật cho chúng ta khỏi phải bội ước. Hai kỳ trước Ngài có buộc luật ấy chăng? Có, mà tại Ngài không nói với nhơn loại. Không nói tức là không buộc, không buộc thì không làm. Kỳ này Đức Chí Tôn không nói mà buộc phải thực hiện.

Năng lực của LUẬT THƯƠNG YÊU VÀ QUYỀN CÔNG

CHÁNH ra sao ?

Do nơi Luật Thương yêu mà vạn vật sinh sôi nảy nở. Con người nếu không có ân tình nên chồng nên vợ chắc là chưa có con nối dòng, truyền tử lưu tôn cho loài người đặng. Vạn vật cũng thế, người cũng thế. Không chỉ thương vợ, thương chồng, luật Thương yêu còn cao xa hơn thế, buộc phải thương yêu cả toàn vạn linh nữa.

Còn nếu không có công lý tại mặt thế này thì các cơ quan không tồn tại được. Một trường hỗn loạn, tương tàn tương sát lẫn nhau. Muốn thi hành luật công lý, tức nhiên phải lấy Cân Công Chánh làm mô giới cả cơ quan trị thế.

Công Chánh nơi miệng lưỡi vạn quốc đương dùng bây giờ chỉ là một phương pháp để lường gạt tâm lý nhơn loại. Thế gian này chưa có công lý thực sự. Mạnh, giàu, vinh hiển thì công lý họ khác; còn đối với người nghèo khổ thì công lý của họ lại khác! Nếu Cân Công Chánh ấy thiệt tướng của nó thì thiên hạ không có tàn sát nhau. Con người chưa có đoạt công chánh thật sự vì chưa có mặt luật công bình bác ái dưới thế gian này.

Bởi có cho nên Đức Chí Tôn buộc cả con cái của Ngài nhưt là Thánh thể của Ngài thi hành cho được thiệt tướng. Ngài nói : *“Ngày giờ nào các con dòm thấy một lẽ bất công nào nơi mặt thế gian này thì ngày giờ ấy chưa thành Đạo.”*

47*- Đạo Cao Đài có thể đem hạnh phúc cho nhơn loại, tạo hoà bình, làm cho đại đồng thiên hạ chăng ?

Đức Chí Tôn đến, tạo nền Tôn giáo, cốt yếu là đến ký từ hoà ước với nhơn sanh, tạo hạnh phúc cho nhơn sanh và làm

cho thiên hạ hưởng đặng thái bình nơi mặt địa cầu 68 này. Chúng ta dám quả quyết và để đức tin chắc chắn rằng thế nào cũng thành tựu vì:

“Đức tin một khối tượng nên hình
Đã hiệp Vạn linh với Chí Linh ”

Đạo Cao Đài đã thành nhưng từ từ đi lên cho đến cái địa cảnh vô đối của nó. Hoà ước dưới thế gian, Đức Chí Tôn buộc có hai khoản :

- LUẬT THƯƠNG YÊU
- QUYỀN CÔNG CHÁNH

Hoà ước thật đơn sơ mà oai quyền làm sao! Chúng ta hiểu và tin rằng thế nào nó cũng thành nhưng thời gian ta không biết định đoạt lúc nào. Ta chỉ lấy trí tri để hiểu chơn tướng của Đạo Cao Đài, làm thế nào đem hạnh phúc cho nhơn loại hưởng được và tạo hoà bình cho thiên hạ cả Đại Đồng Thế Giới.

Chúng ta tìm hiểu cái quyền năng của luật Thương Yêu như thế nào? Nếu không có sức mạnh mẽ vô biên của luật Thương Yêu ấy thì Đức Phật Thích Ca chưa có lập giáo thành tướng được. Chỉ cần một người thương hoặc nửa người thương mà các vị Giáo chủ đã lập thành Tôn giáo nơi mặt thế này. Đạo Cao Đài nên hình, có nét đẹp thiên nhiên là nhờ vẽ với cây viết Thương yêu mà viết nét Thiêng liêng ấy cho Thánh thể của Ngài theo nét thương yêu ấy đặng tạo nên hình trạng một khối thương yêu. Ta không có mơ vọng và không có lòng gạt tâm lý nhơn sanh. Trước mặt mọi người đều thấy, hỏi do quyền năng nào tạo thành quyền lực ngày nay. Quyền Đạo ngày nay do luật Thương Yêu mà thành tướng. Nếu do luật Thương Yêu thành tướng thì không có quyền năng nào

tàn phá đặng. Nó có sợ chẳng là sợ sự thù hận, may thay cả lực lượng thù hận cũng không xung đột được, bởi có bàn tay Thiên giăng gạt thù hận ra khỏi rồi. Thánh thể của Ngài có người cầm luật pháp oai nghiêm, tức cầm cây Huệ kiếm trong tay đặng gìn giữ nền Chơn Giáo nên hình được. Nó nên hình được tức nó tạo cho thiên hạ được. Nó tạo oai quyền của nó thành tướng được thì tạo quyền cho nhơn sanh tại mặt địa cầu này về tương lai được.

48*- Văn minh có đem lại hạnh phúc không ?

Văn: lời lẽ hoặc là văn hoá, văn chương; những lời lẽ mà chúng ta đã đoạt được của người khác, hay của mình tự đặt ra.

Minh: minh bạch, rõ ràng, sáng suốt.

Văn minh là lời lẽ minh bạch rõ ràng giúp cho chúng ta đoạt đặng những phương pháp để mà định quyết tương lai hay là giữ tồn tại sự tấn triển trong kiếp sống của mình; hoặc là chúng ta dùng phương pháp về văn tự để lưu truyền ngôn ngữ của chúng ta đặng định một sự tấn triển của phương sống, hay phương sống của xã hội.

Vậy, văn minh (civilization) có thể hiểu ba nghĩa :

- Là tổng số của sự tiến triển về tâm lý tức nhiên về chính lý, về khuôn khổ, về hình thức của sự sinh đoạt con người đã đoạt đặng.
- Tổng hợp các sự tấn triển của xã hội, của một quốc gia mà họ đã đoạt đặng.
- Phương pháp của tinh thần quyết thắng vật chất. Với trí óc ta vẫn biết thiên giăng do thiên tánh, đặng người xứng đáng làm Người, không hạ mình xuống tánh chất con thú.

Vói ba ý nghĩa ấy, ta thấy nghĩa sau chót hết là chánh đáng. Tại sao? Con người bây giờ nhờ chế máy bay, có thể bay giữa không trung như chim, nhờ máy móc có thể lặn xuống biển được, có thể ở trên mây được v.v.. nhưng đó chưa phải là hạnh phúc thực sự. Đó chỉ là theo cái văn minh mà thiên hạ tưởng tượng. Hạnh phúc thật không phải là phần xác, hạnh phúc thật là ở nơi phần hồn. Chúng ta ngó thấy biết bao nhiêu vị Vương Đế đã tạo giang san sự nghiệp, dám chắc nếu chúng ta dở lịch sử ra coi thì chúng ta để dấu hỏi mơ hồ họ chưa có thể hạnh phúc được. Trái lại, “hễ càng cao danh vọng lại càng dày gian nan”. Dù sang trọng cách nào mà không thoả mãn tâm hồn thì không phải là hạnh phúc thật. Ấy vậy, văn minh tạo hạnh phúc cho loài người về phần xác thân là đời, chẳng khác nào như ngọn cỏ đầu sương.

Cái thuyết của văn minh là cái phương pháp giúp cho con người biết duy chủ con kị vật của mình mà điều độ sự sống còn tồn tại nơi mặt thế này. Sống tạm ở mặt thế này, để làm cho họ thoả mãn đặng điều độ mảnh thi hài thể chất này, duy có tinh thần đạo đức mới đặng.

Giải thật nghĩa hai chữ văn minh một lần nữa: Văn là quyền hạn, Minh là sáng sủa đạo đức. Văn minh thật tướng được là thực hiện một nền Tôn giáo cao siêu tại thế gian này mới thật hạnh phúc; về phương pháp đạo đức mới thật hạnh phúc.

49*- Cảnh tượng nơi Ngọc Hư Cung như thế nào ?

Nếu chúng ta ngó thấy cây Phướn Diêu Trì Cung trước mặt, muốn tìm Cung Ngọc Hư thì chúng ta xoay qua bên mặt. Cảnh giới khác thường huyền bí lạ lùng. Vạn Pháp thành hình không có điều gì chúng ta tưởng đến mà không có

trước mặt. Tỷ như con đường đục tẩn ấy, nếu chúng ta muốn đến cho mau thì chúng ta đến một cách chớp nhoáng; muốn gì được nấy, tưởng thì nó hiện hình liền. Ấy là một cảnh giới vô tận vô biên không khi nào lấy trí khôn con người mà tưởng tượng được.

Nơi cảnh ấy chưa có buổi nào huyền ảo hay có tiếng nào buồn. Chúng ta đi miết tới, vui mà đi. Trước mặt chúng ta là một lâu đài. Lâu đài ấy chúng ta ngó thấy một màu với nhau vì chỉ có một vật tạo thành mà thôi. Vật đó dường như phalê, màu thì trong, hào quang chiếu diệu - không thể gì tả ra đặng, vì nó do tinh thần của chúng ta biến tượng. Chúng ta đến nơi ấy thấy mình biến tướng y như hình ảnh của khuôn khổ trong địa giới, hình chúng ta biến một màu sắc. Hễ nó biến theo được thì mới nhập cảnh ấy được, nếu biến theo không được thì chúng ta bị đuổi ra. Ấy là Pháp thân của chúng ta nó phải nhập cảnh giới ấy. Câu kinh “Ráp nhập cảnh Thiêng liêng Hằng sống là vậy đó”

Khi vô đặng rồi, tưởng đâu thiên hạ trùng trùng điệp điệp. Không có đâu, chỉ thấy Tông đường Thiêng Liêng của chúng ta đang tiếp đón mừng rỡ. Ôi! nơi hội hiệp các thân nhân của chúng ta, từ buổi chúng ta đoạt đặng địa vị Tiểu Hòì, lên tới phẩm Đại Hòì. Từ trong địa vị Thần Thánh, Tiên, Phật, cả ngàn muôn triệu kiếp sanh.

Các bạn ở Tông đường, các Gia tộc chúng ta muôn muôn, trùng trùng, điệp điệp không định số được. Khi họ đến mừng, họ dẫn chúng ta đến một Cung rồi dặn rằng: nơi đây không được nói tiếng, chỉ tưởng mà thôi, hễ tưởng là như nói vậy. Tỷ như tôi tưởng đến anh tôi thì anh ấy sẽ hiện ra trước mặt liền. Ở Cung ấy, duy có tưởng mà thể cho ngôn ngữ.

50*- Nơi Cung Ngọc Hư, tưởng đến Thần Thánh Tiên Phật được không ?

Cung Ngọc Hư là nơi cầm quyền chánh trị Càn khôn Vũ trụ. Đấng đang ngự tại Huỳnh Kim Khuyết là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Đại Thiên Tôn.

Ở Cung Ngọc Hư, người ta dặn đừng tưởng Thần, Thánh, Tiên, Phật bởi các danh từ ấy dùng nơi Trái địa cầu 68 này, do con người đặt ra.

Đẳng vị thiêng liêng của các chơn hồn không có phẩm trật. Nhon loại nơi mặt địa cầu này, tinh thần mỗi cá nhân đều khác. Có 2.700 triệu chơn linh nơi mặt địa cầu thì 2.700 triệu người không đồng tánh chất, không đồng chơn thần, cho nên không định giá ngôi vị thiêng liêng được .Mỗi người đều có một phẩm vị đặc biệt của mình. Mỗi kiếp sanh đều tiến bộ thì khi tấn tới có một số định địa vị của mình. Giai cấp không phải giống nhau như ở thế gian này. Bởi địa vị không giống nhau, phẩm vị chỗ nào thì đứng ở chỗ ấy, không ai xô đuổi, không ai giành giựt được, từ chối gì cũng không được. Đức Chí Tôn mới nói: “Đại nghiệp của mỗi đấng Thầy có sẵn sẵn cho nó .”

51*- Con người là ai, xuống cõi trần để làm chi?

Con người có ba thể:(*)

- Thể thứ nhất hay đệ nhất xác thân: thể này do cha mẹ ở thế gian sanh ra, còn có tên là phàm thân,nhục thể. Thể này do khí huyết cha mẹ tạo thành nên chịu ảnh hưởng của vật chất và phong thổ. Thể này vì thể thường được ví như con thú.

-Thể thứ hai hay đệ nhị xác thân: thể này do Đức Phật Mẫu

là người Mẹ thiêng liêng ban cho. Thể này tạo bởi khí chất vô hình, mắt thường không nhìn thấy được. Thể này còn có tên Chơn thân, Pháp thân, thể vía.

- Thể thứ ba hay đệ tam xác thân: thể này do Đức Thượng Đế là người Cha Thiêng liêng ban cho. Chính điểm Linh quang của Ngài chiếu ra đã làm cho con người hiểu biết và khôn ngoan hơn con vật. Thể này còn được gọi là Chơn Linh, Linh hồn, Lương tâm.

Ba thể ấy hiệp lại làm một mới thành con người và con người ấy mới có thể hiểu được Thiên cơ và đạt Đạo. Đạo giáo đã tỉ con người giống như một vị Thiên Thần cỡi con vật vậy.

52*- Ai sẽ định tội phước của chúng ta ?

Chúng ta được dắt đến một Cung có một quyển sách Thiên Thơ để trước mặt ta. Dở ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì nó hiện ra hết. Chúng ta tự xử chúng ta. Mình làm toà để xử mình hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, đứng ở mức nào thì cũng do mình định đoạt lấy.

Vị Chương Quản nơi Cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là Nam Tào, Bắc Đẩu. Chính ta trị ta, không có ai định kiếp cho ta. Mạng căn kiếp số ta ta định, không có một hình luật nào buộc được chúng ta. Chúng ta có quyền tự do, quyền sở hữu định mạng căn cho ta vậy. Thành thử Ngọc Hư Cung là nơi an ủi các Chơn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, nơi ấy cầm quyền để diu dắt bênh vực chứ không phải để trị. Chúng ta nên tự tỉnh để sửa mình, tự sửa mình trước đặng ngày kia khỏi phải buộc tội mình nữa.

53*- Cả mấy tỷ linh hồn làm sao các Đấng kiểm soát hết? Chúng ta có thể chối tội được chăng ?

Chúng ta thuộc về quả địa cầu 68 với hơn 2.700 triệu nhơn sanh. Vậy tưởng tượng xem có bao nhiêu nhơn loại ở trên mặt Càn Khôn Vũ trụ vĩ đại này ?

Nếu tưởng tượng nền Chính trị Càn Khôn Vũ trụ này, kể sanh mạng mỗi người không sót, chẳng phải dễ. Lấy quyền năng nào mà cầm quyền chính trị vĩ đại ấy đặng? Huyền vi bí mật ấy ở đâu? Cơ quan trị thế phải thế nào? Phải sửa chữa nó lại cho phù hợp với cơ quan chính trị của Càn khôn Vũ trụ, chừng ấy thiên hạ mới được thái bình.

Tinh thần thế nào, hình thể cũng vậy không chi lạ. Nhơn loại chưa đoạt Pháp, chưa cầm được huyền vi bí mật nên nhơn loại còn loạn lạc. Tội, án đã có nơi Pháp thân của loài người, tức nhiên do chơn thần chúng ta ghi lại. Chúng ta muốn chối tội thì chối sao đặng, chính Chơn thần ta định cho ta. Các tội tình đều đưa ra trước mặt, từ Tiểu Hồn sanh tử biết bao nhiêu kiếp mới đoạt đến Đại Hồn!

Cả cái sinh hoạt, liên quan cả cái căn bản, cái quả kiếp v.v.. đều có ghi chép trong quyển Vô Tự Kinh. Chính ta định cho ta mà chối sao được, dầu muốn chối cũng không đặng vì chính Chơn thần ta định án cho ta, sợ hay chẳng là ở chỗ đó. Ở thế gian, Ông Tòa trước khi định án còn có Trạng sư bào chữa.

Nơi này, người ta để mình làm tòa tự xử lấy mình thì có ai bình mình? Không thể gì chối tội, cãi án đặng, nếu cãi đặng là qua chơn thần sao. Cái bí mật vô đối cầm quyền của Càn khôn Vũ trụ là như vậy.

(Còn tiếp) (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)

MỤC LỤC

01	Thiệp Chúc Xuân của BTĐHN	03
02	“ Thư Chúc Xuân của BTĐHN”	04
03	“Những Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp nhân ngày Xuân đến”.	07
04	“ Tản Mạn chuyện Mèo” (Lê Tấn Tài)	19
05	“ Mùa Xuân trong thơ Yosa Buson” (Lê Minh Nguyên)	28
06	“ Mùa Xuân trong thơ Haiku” (Nhật Chiêu) ,	35
07	“ Phong vị Tết cổ truyền” (Người Năm Cũ - Đại Kỷ Nguyên).	40
08	“ Cây Nêu” (Wikipedia).	53
09	Vườn Thơ Thế Đạo:	60
10	TinTức Đạo Sự:	

1*- Tin Thánh Thất San Jose CA:

- Tộc Đạo Santa Clara CA công cử thêm Chức Việc và bầu cử tân Qu.Đầu Tộc	67
---	----

2*- Tin Điện Thờ Phật Mẫu San Jose CA

- ĐTPM San Jose CA công cử lên phẩm Thánh Thiện cho một số vị Chức việc và lên phẩm Hành Thiện cho vị Quyền Quản Tộc & Hình ảnh Lễ Minh Thệ	71
--	----

3*- Tin Ban Thế Đạo Hải Ngoại

- BTĐHN tổ chức bầu cử và công bố thành phần BQN/BTĐHN - Ban Cố Vấn nhiệm kỳ 10 (2022-2025)	74
- Lễ Minh thệ tân BQN/BTĐHN nhiệm kỳ 10 (2022-2025) tại Thánh Thất San Jose CA và	

	vài hình ảnh buổi lễ	76
11	Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại	82
12	Danh sách yểm trợ BTĐHN từ ngày 16-9 năm 2022 đến ngày 15-12-2022	83
13	Phân ưu:	
	1*- Đạo hữu Phạm Thị Bạch quy vị ngày 12 tháng 9-2022 tại Atlanta GA - Hoa Kỳ, hưởng trung thọ 71 tuổi	85
	2*- Đạo hữu Trần Văn Triên quy vị ngày 25 tháng 9-2022 tại San Jose CA, hưởng thượng thọ 89 tuổi.	86
	3*- HT Hồ Văn Hoàng quy vị ngày 14-10 ÂL năm Nhâm Dần tại Garden Grove CA, hưởng thượng thọ 88 tuổi	87
	4*- QS Bùi Đông Phương quy vị ngày 18 tháng 10 ÂL năm Nhâm Dần tại NSW Úc châu, hưởng thượng thọ 88 tuổi.	88
14	“ Học về chữ Tâm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển” (Song Nguyên).	89
15	“ Đức Phật Di Lạc & Đức Chúa tái lâm trong Đạo Cao Đài” (Quang Thông).	97
16	“ . . Người phụ nữ ăn mày chí hiếu được thăng thiên (Luu Hiếu).	110
17	“ Tổ tiên tích đức hành thiện con cháu được hưởng phúc báo” (BTV Epoch Times)	116
18	“ Tụng kinh” (HT Lê Văn Thâm)	124
19	“ Thiên Chúa Giáo” (Đức Nguyên).	143
20	“ Tìm Hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng 169 Sống” (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc).	



SANDY DENTAL P.C

served The North West since 1987

1672 McKee Road,
San Jose - CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King)

Điện Thoại: 408-272-3999

SANDY DENTAL P.C

Hệ thống Nha Khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành .

ĐẶC BIỆT

*- Giá cả nhẹ nhàng uy tín kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

*- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã có vườn cây sỏi nước cá vàng và nhạc êm dịu.

*- Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.



GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
Từ 9.00 AM - 6.00 PM

Nhận các Loại Bảo Hiểm
Medi-Cal, Healthy Family
Santa Clara Healthy Kids



“ . . . Năm rồi, các Ngài hảo tâm giúp sức cũng chèo, cũng đẩy năm nay cũng vậy, xin cũng giúp đẩy, giúp chèo cho đến nơi, đến chốn. Ấy là ơn trọng lắm vậy.

Xin quý Ngài giúp tôi cho trọn đạo.”

(Đức Hộ Pháp thuyết Đạo ngày 2-2-1948
nhằm ngày 3-1 ÂL Mậu Tý tại Hiệp Thiên Đài)

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO

P O. Box 21577

San Jose, CA 95151